

An abstract line drawing in pink ink on a light cream background. The drawing depicts a figure, possibly a person, with a large, rounded head and a body composed of various loops and curves. The figure is positioned on the left side of the page, facing right. The lines are thick and expressive, creating a sense of movement and form. The background of the drawing is a solid yellow color.

tân phong

tập 23

tân phong

tập 23

BẢO - SƠN
chủ-trương

Địa-chỉ Tòa-soạn :
193, đường Gia-Long,
Saigon — Đ. T : S.G. 270

MỤC - LỤC

TRANG

Câu chuyện nghệ thuật	của Quốc-Nghi	3
Đám cưới nhà quê	thơ của Bàng-Bá-Lân	11
Đỉnh gió hú	bản dịch của Nhất-Linh	12
Lá thư Ba-Lê	của Linh-Bảo	17
Khu rừng lau	truyện dài của Doãn-Quốc-Sỹ	21
Nhị thập bát tú	thơ Vũ-Hoàng-Chương	26
Người lính Lê-Dương	của Thử-Uyên	27
Mặn ngọt	thơ của Học-Canh	39
Sầu trăng	thơ Trần-Tuấn-Kiệt	40
Lá thư Alger	của Minh-Đức	41
Sầu đêm	thơ của Lữ-Hồ	44
Chiếc lá xanh rơi	của Thạch-Hà	45
Vào nguồn	thơ của Phan-Duy-Nhân	52
Đường thi thi thoại	Đỗ-Bằng-Đoàn và Bùi Khánh-Đản	53
Thềm hoang	truyện dài của Nhật-Tiến	57
Sầu vọng thơ hoa	của Cao-Hoài-Nhân	62
Cổ nghệ sỹ Nguyễn-Đình-Nghị	Vũ-Huy-Chấn	64
Đàn khuya	thơ của Bằng-Đình	70
Lá thư sớ trà	của Thu-Vân	71
Tiếng kêu	truyện ngắn của Y-Uyên	77
Trống rỗng mệnh mông	thơ của Đông-Xuyên	81
Bên trong gác tía lầu son	Nguyễn tác của Hoàng-Tử-Sinh bản dịch của Phạm-Lê-Oanh	82

PHƯỢNG - GIANG

KHÁI-HƯNG

- Bần khoản
- Dọc đường gió bụi
- Đẹp
- Đội Mũ Lệnh
- Đội Chờ
- Gia-Đình
- Hạnh
- Hồn Bướm Mơ Tiên
- Những Ngày Vui
- Nửa Chừng Xuân
- Thoát Ly
- Thừa Tự
- Tiêu Sơn Tráng Sĩ
- Trống Mái

NHẤT-LINH và KHÁI-HƯNG

- Anh Phải Sống
- Đời Mưa Gió
- Gánh Hàng Hoa

NHẤT-LINH

- Nắng Thu
- Đoạn Tuyệt
- Thế rồi một buổi chiều
- Hai buổi chiều vàng
- Lạnh Lùng
- Đôi Bạn
- Bướm Trắng
- Đi Tây

ĐỖ-TỐN

- Hoa Vòng vàng

DUY-LAM

- Chồng con tôi

THẠCH-LAM

- Gió Đầu Mùa
- Nắng Trong Vườn
- Ngày Mới
- Hà-Nội 36 phố phường
- Sợi Tóc

THẾ-LỮ

- Gối thuốc lá
- Vàng và Máu
- Trại Bồ Tùng Linh
- Mai-Hương và Lê-Phong

ĐỖ-ĐỨC-THU

- Đứa con

NGUYỄN-THỊ-VINH

- Hai chị em
- Thương Yêu
- Xóm Nghèo
- Men-chiều

NHẬT-TIẾN

- Những vì sao lạc

TƯỜNG-HÙNG

- Gió Mát

TÚ-MỠ

- Giòng Nước Ngược

LINH-BẢO

- Gió Bắc

BẢO-SƠN dịch

- Tình nghĩa vợ chồng
của Tolstoi,
- Con nai tơ
của M.K. Rawlings.

VĨNH-SƠN-LANG

- Chiếc lá cuối cùng

CÂU CHUYỆN NGHỆ THUẬT

MỸ CẢM KINH-NGHIỆM học thuyết di tình tác dụng

QUỐC-NGHI

(Tiếp theo)

B — THỬ TÌM LAI-NGUYÊN CỦA THUYẾT DI-TÌNH TÁC DỤNG

- a — *Di tình tác dụng là hiện tượng rất phổ biến*
- b — *Từ quan-niệm phối-thai của các nhà mỹ-học, triết-học*
- c — *Đến căn bản học-thuyết của Lipps*

a — **Di-tình . tác-dụng là một hiện-tượng phổ-biến.**

Trong việc tìm xét lai-nguyên của thuyết di-tình tác-dụng, thiết nghĩ trước tiên ta hãy ý thức rằng đó là một hiện-tượng rất phổ biến. Tại sao lại có thể coi là một hiện-tượng phổ biến ? Theo sinh lý và tâm lý học danh từ thì cảm-giác (sensation) và tri-giác (perception) được phân biệt ra như trường-hợp ta nghe tiếng động mà *biết là tiếng động*, đó là công việc *hoạt động của cảm giác* ; còn như *biết được tiếng động ấy từ đâu phát ra*, đó là *hoạt động của tri giác*. Như vậy thì từ những thời kỳ xa xưa, khi mà tri giác loài người còn rất mực thô sơ thì hoạt động di tình tác dụng cũng đã có rồi dù rằng nó chỉ giản-phác thô sơ, chứ không thể bảo

rằng không có. Rồi hoạt động di-tình tác dụng mỗi ngày trở nên phong phú hơn, tùy theo cuộc sinh hoạt mỗi ngày một tiến triển. Ta hãy lấy riêng sự phát triển về văn chương từ ngôn ngữ, đến văn chương truyền khẩu, rồi đến khi loài người sáng tác ra chữ viết, lần lần có những tác phẩm văn-chương nghệ thuật v.v... đủ thấy rằng hiện tượng di tình tác dụng rất phổ biến qua thời gian, và qua các cuộc sinh hoạt của loài người. Không phải hoạt động di tình chỉ phát sinh ra ở những lúc đứng trước những cảnh vật bao la của vũ trụ, ở những khi qua Đèo ngang « *dừng chân đứng lại TRỜI NON, NƯỚC* », ở những trường hợp hoài cổ « *đá vẫn tro gan cùng tuế-nguyệt, nước còn cau mắt với tang thương* » của Bà Huyện-Thanh-Quan; không phải chỉ ở những lúc cảm về thời thế, tâm sự và tâm trạng khó nói ra được « *vật chìm trước gập hoa năm ngoái, — một tiếng trên không ngỗng nước nào* » của Tam-Nguyên Yên-Đồ, thường thì trong cuộc nhân sinh ở hầu hết các trường hợp, các giai cấp đều có hiện tượng di tình phát ra. Các câu ca dao, các điệu hát, các câu ví von phong phú của ta là những thí dụ khá cụ thể :

- *Ra đi, ngó trước ngó sau,
Ngó nhà mấy cột, ngó cau mấy buồng* (ca dao)
- *Ngà lưng cho thế-gian nhờ
Chẳng thương thì chớ lại ngờ bất-trung* (câu đố)
- *Hôm qua tát nước đầu đình
Bỏ quên cái áo trên cành (vết cành ?) hoa sen
Bất được thì cho anh xin,
Hay là em để làm tin ở nhà...* (ca dao)

Có thể nói rằng phàm là (ca-dao theo thể hứng, thể tỷ) ngụ ý, ngụ tình, nói bóng, nói ý, không ít thì nhiều, thường là có tác dụng di tình. Ở điểm này di tình tác dụng có tính cách rất phổ biến.

Trong thiên súc hình vũ trụ luận, Lotze, nhà nghiên cứu tâm lý theo lối sinh lý học, đại để bàn về tính cách phổ biến của hiện tượng di tình tác dụng như dưới đây :

Phàm là những hình và thể được con mắt ta nhìn vào, thì vô luận là nhỏ mọn thế nào, đều có thể dành chỗ cho sự tưởng tượng nó đưa ta di-nhập vào tận bên trong nơi sâu xa nhất của hình thể ấy để chia sẻ, thụ hưởng cái sinh mệnh của sự vật. Cái lối *phân hưởng tình cảm* một cách *thiết thân xử địa* này không phải chỉ giới hạn vào những sinh vật có một vài đặc tính tương tự như loài người thôi đâu. Chẳng những ta có thể cùng chú linh dương (loại thú tựa như loại dê rừng) cùng nhảy nhót, cùng loài điều tước cùng bay múa ; — chẳng những ta có thể lách mình vào tận bên

trong, theo nhịp mở khép của đôi mảnh vỏ con chai, con hến, dề mà phân hưởng cái thú vị sinh hoạt đơn điệu ấy; chẳng những có thể tưởng đến chính ta là một gốc cây dề phân hưởng cái khoái lạc khi mầm non đầy nhựa sống đâm ra, khi cành lá nó tha thướt trước gió, — ngay đến những sự vật cùng ta tuyệt nhiên không có tương can gì, ta vẫn có thể ném tình cảm ta qua nó khiến nó cũng có đủ những mối sinh thú. Cho nên những kiến trúc vật vốn chỉ là những khối tử vật như « *lối xưa xe ngựa, nền cũ lâu đài* » trong thơ Bà Huyện-Thanh-Quan, theo Lotze thì nữ thi sĩ đã đem tình cảm của mình cho các vật đó vay mượn nên nó đã biến thành những vật có cơ thể dề trình hiện ra một thứ khí phách, một thứ linh hồn mà đồng thời nữ thi sĩ cũng đem thứ khí phách linh hồn ấy di hồi trở lại trong thâm tâm mình. Như vậy nhỏ từ những vật không có gì có thể lọt được vào trong nhưng di tình tác dụng cũng vẫn xâm lấn vào được; lớn đến những cái không có gì có thể bao trùm ra ngoài, mà di tình tác dụng cũng bao trùm được. Phạm vi nó thực là vô cùng phổ biến.

B — MỘT VÀI QUAN-NIỆM PHÔI-THAI CỦA THUYẾT DI-TÌNH TÁC-DỤNG

— Người ta cũng quen gọi *nghĩ nhân pháp* là di tình tác dụng. Theo tu-từ-học, nghĩ nhân pháp là nhân cách hoá sự vật, tức như lấy tính cách của con người mà phú vào cho những sự vật, thí dụ khi nói *hoa hờn, trăng tủi*. v.v...

Nghĩ nhân tác dụng là lấy ta làm tiêu chuẩn để suy ra mà đo lường kẻ khác, lấy người làm tiêu chuẩn mà suy đến sự vật. Có thể nói rằng hầu hết những kinh nghiệm để hiểu biết đều như thế cả.

— H. Delacroix, nhà tâm lý học người Pháp gọi di tình tác dụng là « *vũ trụ sinh mệnh hoá* » Từ phương diện lý trí để xét thì đó là trường hợp giác quan có sự nhận hiểu sai lầm gọi là thác giác (1) và đó là một

(1) **Thác-giác** : Do cảm-quan chịu sự thích-khích của ngoại-giới mà sinh ra cái cảm-giác sai lầm. Nguyên-nhân, có khi bởi **trạng-thái tâm-lý khác thường** sinh ra, như trường-hợp kẻ trông bóng cái cung trong ly rượu lại tưởng là có con rắn trong đó rồi sợ hãi thành ốm, trông cây cỏ mà nghĩ là có phục binh v.v.... đó là **ngẫu-nhiên thác-giác**. Còn như trường hợp **tâm-lý trạng thái bình thường**, nhưng do tập quán câu-thức do sự cấu-tạo về sinh lý mà cảm-quan nhận sai lầm, thì ai ai cũng có thể có trong

việc sờ mó, nhìn, nghe, v.v. Thí-dụ hai đoạn 

đây thì thoạt nhìn, thường ta tưởng rằng B dài hơn A. Kỳ thực 2 đoạn dài bằng nhau. Chỉ vì 2 đầu A, mũi nhọn bịt lại mà mắt ta thấy nó ngắn, còn B thì 2 đầu do mũi nhọn xoè ra mà mắt ta thấy nó dài hơn A.

lỗi mê tín. Theo ông, nếu không có hoạt động của di tình tác dụng thì thế gian này mọi sự vật đều khô khan ngay đến con người cũng chỉ là một thứ máy móc hết nhau mà cuộc nhân sinh « từ lên một đến mười lăm đến khi cút-kít về già, xuống lỗ » cũng không có sinh-thú.

— R. Vischer, mỹ học gia người Đức đầu tiên đã dùng chữ *emfuhlung* để chỉ cho ý nghĩa di tình tác dụng.

— Titchener, nhà tâm lý học người Mỹ dịch ra là *empathy*, có nghĩa là « cảm thấu vào tận bên trong » để chỉ cái ý nghĩa đem tình cảm mình đi chú vào bên trong sự vật mà chia hưởng lấy sinh mệnh của nó.

— Hegel đại để nói rằng « nghệ thuật đối với mục đích của con người ở dĩ cho ta tìm thấy được ta ở nơi ngoại vật ». Giải thích câu này một cách thô thiển, một nhà tâm lý học bàn rằng: Tự ta không thấy rõ bóng dáng dung nhan ta được, nên ta dùng tấm gương soi. Tấm gương tự nó lại không có hình bóng gì hết. Nay ta gửi hình ảnh ta vào tấm gương để rồi ngấm nghĩa lấy hình ảnh ta trong ấy; do đó mà tấm gương, từ một vật tự nó vô hình ảnh đã thành ra có hình ảnh, có cái gì sinh động bên trong. Trước những cảnh vật vô hồn: *mấy đám rêu xanh, vạt hòn đá nhon*, Xuân Hương đã gửi ý tứ, tình tự của nàng vào đó, — thực có khác gì nàng đã tự tìm bóng mình trong tấm gương, — để rồi ngấm nga ca vịnh, đề tả vẽ thành một bức tranh tình tứ ồm ồm :

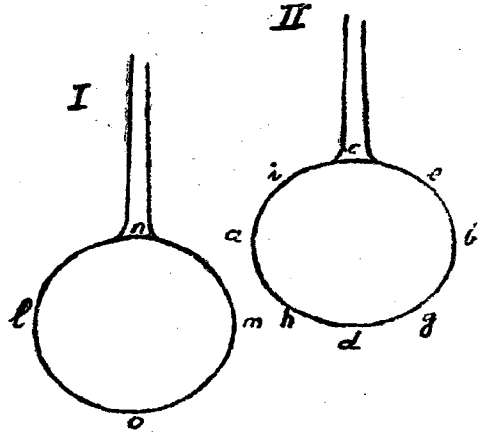
*xiên ngang mặt đất rêu từng đám
đám tọc chân mây đá mấy hòn...*

c — CĂN-BẢN HỌC-THUYẾT CỦA LIPPS.

Do những quan-niệm sơ khởi về hiện tượng di tình tác dụng của mấy nhà mỹ-học, tâm lý học như Vischer, Titchener, Lotze. v.v... đến Lipps thì biến thành cái *nguyên lý nền tảng rất hệ yếu cho nền mỹ học*. Trong tập nhan đề là « *Không gian mỹ học* » thì tinh lý học thuyết của Lipps phần lớn là căn cứ vào những thác giác (coi chú thích 1 về chữ thác giác, trang 5...) sinh ra ở những hình thể kỷ hà học. Vì có quan hệ đến những tinh lý cơ bản của học thuyết, nên ở đây không ngại rườm lời trước khi giới thiệu cùng bạn đọc thí dụ của Lipps, về những cột đá xưa ở những thần miếu Hy-lạp mà *ít ai được thấy*, thiết tưởng ta hãy tìm thí dụ ngay ở những vật *thường thấy*, với ý muốn đi từ sơ thiển đề hiểu rõ hơn về sâu xa.

— Cây đàn nguyệt (cũng gọi là đàn kìm) có một cái dọc dài với một cái thùng « *tròn* » Đó là một nhạc khí mà phần nhiều ai cũng biết, nhưng thực ra không mấy ai đề ý đến cái thùng của nó. Cái thùng đàn nguyệt mà ta thấy nó « *tròn* », nếu lấy thước ra đo thì nó *chẳng tròn* tí nào hết :

từ a đến b dài hơn từ c đến d có khi tới hai hoặc hai phân rưỡi. Chẳng những thế, các góc e, g, h, i, cũng hơi nở ra một chút chớ không thật tròn. Nếu ta rút cái dọc cây đàn ra thì người tinh-y có thể nhận được ngay. Nhà chế-tạo ra cây đàn giải-thích rằng : muốn cho cái thùng đàn nguyệt trình-hiện ra một ý-tượng tròn, thì *không* nên chế tạo cái thùng theo đúng đường tròn của một cái *khuây* (compas) Nếu chỉ làm một cái thùng tròn mà không có cái cán (cái dọc đàn) dài gắn vào, thì cái thùng đó trông vẫn là tròn, kiểu như những cái hộp tròn. Nhưng nếu cái thùng thực tròn, mà lại gắn cái dọc dài vào, thì tự nhiên cái thùng hiện ra vẻ dài ngoẵng (trông như hơi bầu dục tròn) mà toàn thể cây đàn, trông cũng dài lê thê, éo lả, không rắn rỏi. Vì muốn sửa chữa cho cái thác-giác ấy, mà nhà chế-tạo phải dành cho chiều a-b dài hơn c-d, có như vậy cây đàn trông mới có vẻ tròn trặn, không đến nỗi dài thướt, lằng nhằng. (So sánh hình vẽ I, đường l-m với n-o bằng nhau. Ở hình II thì a-b dài hơn c-d. Cả những góc e, g, h, i, cũng khác với a-b và c-d).



— Cùng một lối này, Lipps đem sự thác giác khi người ta nhìn những cây cột đá Doric ra làm thí dụ.

Nguyên những tòa Thần miếu cổ ở Hy lạp thường không cần đến tường, nên được kiến trúc theo một lối riêng với từng hàng cột đá chống đỡ lấy cái áp lực tự nhiên từ trên đè xuống. Những cột đá này thường cao, lớn. hoa văn trên bề mặt cột là những nét chạm trổ theo lối đường máng lồi lõm, bố cục ngang dọc gián tiếp nhau. Theo vật lý học thì khi nhìn một cái cột đá lớn như vậy, đáng lý ta phải thấy ngay rằng nó có cái ấn tượng như lún chúi trở xuống vì nó phải chịu đựng cái sức đè ép theo hấp lực địa tâm, vì nó là một khối đá đã lớn lại cao v.v... Vậy mà ở cái cột Doric, thì ta lại có cái ấn tượng như thể nó muốn đứng vượt trở lên, ở nó phát hiện ra như có một thứ « *đề kháng lực* », rõ ràng có cái khí thế không chịu khuất phục.

Chính từ ở cái ấn tượng, cái khí thế như bất khuất ấy, Lipps đã đặt thành ra hai vấn đề hệ yếu :

1 — Ở cây cột đá có cái bí mật đã khiến cho ta không thấy như nó bị chìm xuống ?

2 — Tại sao ta lại thấy như nó muốn vươn mình nhô lên ?

và ông đã lần lượt tìm giải thích đại để như dưới :

1 — Trước hết ta cần phân biệt rõ cái *bản thân thể chất* của sự vật với cái *hình tượng* của nó là hai sự-kiện khác hẳn. Kìa, trước mắt ta có một cái cột đá khác, — không phải là lối cột Doric. Vì suốt từ đầu, qua thân, đến chân nó nhất luật cùng một cỡ lớn (hoặc nhỏ) như nhau, thí-dụ bất cứ khoảng nào ở cái cột, đường kính đều một thước cả, thì từ ở *bản-thân vật-thể mà xét*, cái cột có một sức mạnh *trên, giữa, dưới*, nhất-luật quân-phân. Thế nhưng nếu riêng ở khoảng giữa cái cột được mài rũa cho mảnh mai (hơi nhỏ) chút ít so với hai đầu trên dưới, thì từ chỗ hình tượng sự-vật mà bàn,—sự thác-giác của ta phát-sinh ra ngay, bởi vì khi mà quang giữa cột (vì hơi nhỏ) chịu nhiều sức đè ép theo như mắt ta nhìn ra, thì cái phần giữa ấy có cái ý như bị cong, oeo, dễ bị gãy. Giả-thiết như từng hàng cột lớn đều hơi thon thon thắt giữa, thì tự bản-thân hình-tượng của nó như muốn oeo đi, như muốn gãy ở giữa, chưa kể là nếu nó lại dựng ở dưới những tòa mái đồ-sộ thì ta sẽ thấy ngay như bao nhiêu sức nặng, sức đè ép đều dồn cả vào cái chỗ mảnh-mai nhất, mà cả tòa nhà lúc nào cũng có cái khí-thể nguy nguy như chìm dần, như muốn trụt xuống. Cột càng dài, càng nặng bao nhiêu đối với con mắt chúng ta nhìn, thì cái phần giữa càng thấy yếu đi, càng hiện rõ cái ý như muốn lao chìm xuống.

Cho nên ở cái cột Doric, các nhà kiến-trúc Hy-lạp phải tìm cách bổ-khuyết cho cái thác-giác của con mắt, bằng cách kiến-trúc lấy khoảng giữa thân cột hơi nẩy hơn (bự hơn) đôi chút, so với trên, dưới. Tới đây, vấn đề *bản thân thể chất* với *hình tượng* sự vật được tỏ rõ :

— Từ *bản thân vật thể* mà nói, (thí dụ như lấy thước mà đo) thì khoảng giữa cái cột vốn hơi thô hơn hai đầu một chút.

— Nếu lấy mắt mà nhìn thì vẫn thấy như *trên, giữa và dưới* nhất luật như nhau, đó là từ *hình tượng* bàn xét.

Vậy mà ta phải hiểu rằng, khi nhìn ngắm sự vật, thường là ta chỉ nhìn ngắm cái hình tượng của nó, tức là theo cái không gian ý tượng (spatial mage). Khi ta ngắm cái cột Doric, ta chỉ *quen lấy cái « không gian ý tượng »* của nó làm *đối tượng* chứ không lấy bản thân vật thể làm *đối tượng*, cho nên ta không kịp, không rành nghĩ đến cái *sự thực về vật thể* vốn vẫn sẵn có cái sức tự nhiên là chìm trụt xuống. Cái sức chìm

xuống là thuộc về bản thân vật thể (của cái cột), còn như *cái vẻ như không chịu chìm xuống* thì thuộc về « không gian ý tượng ». Để giải thích vấn đề thứ nhất, « cái gì đã khiến ta *không thấy* cột Doric như *chìm xuống* », đại đề Lipps bàn rằng :

Cột Doric đứng như vươn trở lên, thì cái động tác như vươn lên đó do ở cái gì phát sinh ra ? Có phải do ở cái tầng khối đỡ đỡ đã tạo thành cái cột kia ư ? Không phải do ở đấy đâu ! *Động tác này không phải ở bản thân vật thể*, mà do ở cái « *không gian ý tượng* » cột đá, đã trình hiện ra. Động tác như vươn lên ấy, đều do những đường, những nét ở cái bề mặt với hình dáng chớ không phải ở chính cái vật thể được hợp nên do những đường nét bề mặt kia đâu.

Tạo thành dáng điệu như vươn lên ấy... chính là ở ngay những đường nét, ở vẻ và hình dáng ấy.

Tóm lại là nhờ ở « không gian ý tượng » mà một cái cột đá có thể trình hiện ra như vượt lên, hoặc như co rút, chìm xuống, như oeo đi, muốn gãy, chớ không phải ở thể vật nó. Dụng ý khôn ngoan của nhà kiến trúc là ở đấy.

2— Tại sao ta thấy cột Doric như vươn mình vọt lên ? Nói theo lối mỹ-học thì tại sao ta thấy được cái ý tượng do những đường, nét, bề mặt, hình dáng trình hiện ra với những vẻ đứng vọt lên ? Câu giải đáp của Lipps thì đó là do ở một lối vận-dụng « *loại tự liên tưởng* » nghĩa là liên tưởng đến những gì tương tự như thế.

Tri giác ta đều phải tựa vào những kinh nghiệm để giải thích những sự thực trước mắt. Những kinh nghiệm đầu tiên của ta, chính là ở những hoạt động của ta với những hoạt động của ta với những mối tình cảm do hoạt động ấy sinh ra. Phương pháp nguyên thủy suy rộng ra để biết về sự vật, chính đã căn cứ vào những hoạt động với tình cảm của ta rồi đem trắc lượng để hiểu biết sang hoạt động, tình cảm của ngoại vật. Chúng ta đâu có phải là con chuột, để biết được tình cảm nó khi nó bị con mèo đuổi gắp, nhưng nhờ ở sự nhớ lại những sự kinh khủng lúc ta lâm nguy mà ta hiểu được tâm trạng con chuột lúc đó. Một đường giây căng thẳng rồi dựng đứng lên, với một đường giây căng thẳng mà đặt nằm ngang ra, sờ dĩ qua mắt ta mà có hai ý nghĩa khác nhau, là vì ta nhớ lại những cảm-giác khác nhau ở những lúc ta đứng lên hay nằm xuống. Cùng một lý ấy, cái cột mà thấy nó đương vọt lên, như đương ra sức đề kháng, là vì kinh-nghiệm bản-thân ra đã có lúc cứng đầu, gân cò ra sức chống-đối chẳng hạn như với gian-khò, hiểm nghèo. Nhà tâm-lý học nói rằng, những kinh-nghiệm này đã kết-tinh nằm sẵn trong kho ký-ức, biến thành một bộ-phận « *riêng tư có* » và

rất linh-dộng. Thế thì khỏi phải suy nghĩ xa gần gì nữa, cái cột Doric đứng kia, há chẳng phải là nó đương làm cái việc chống giữ với sức trọng-áp đó sao ? Kìa, nó đương vươn vai, hướng lên cái trọng-áp từ trên mà nói : « *Mày đã ra sức đè ta xuống thì ta càng vùng lên mạnh* ».

Vậy thì, từ ở cái ý « *ra sức chống lại* » ở ta, đến cái ý « *ra sức chống-đối* » ở cây cột đá mà bàn, chính là đã có chút *loạt tự*. Cái điềm loại-tự ấy biến thành thứ môi-giới cho trường hợp di-tình tác-dụng. Cái tư-thái của cây cột đá đã kêu gọi kho ký-ức « *ra sức chống-đối* » của ta, rồi trong lúc chú-tĩnh tự-thần, ta quên hẳn sự ngăn cách giữa ta với vật, nhờ đó mà cái ý « *ra sức chống-đối* » vốn là của riêng ta, — vậy mà nó như tính của nước cứ lan chảy xuống chỗ trũng, — tự-nhiên nó truyền sang thân-hình của cái cột.

Thực là kỳ-thú nếu không muốn nói là kỳ-ảo ! Nhiều trường-hợp lý-tri ta biết đó chỉ là sự thác-giác, cố trấn-dịnh lại để nhận xét. Ta thấy lại được sự thực của sự-vật, — thí-dụ như biết không phải là cây cột kia vươn lên, cũng như cái thùng cây đàn nguyệt không phải tròn dàu. Nhưng rồi trong không đầy phần trăm của một giây đồng-hồ, cái ấn-tượng vượt lên chống-đối ở cây cột đá cũng như cái ấn tượng tòn ở cái thùng đàn nguyệt kia, trở lại tranh chỗ và lại hiện ra ngay.

(Còn nữa)

QUỐC - NGHỊ

NGƯỜI CẦM GƯƠM ĐỨNG HẦU

Thôi-Điểm, tên chữ là Quý-Khuê, mặt mũi thanh-tú. Tào-Tháo sắp tiếp sứ-giả Hung-Nô, tự nghĩ mình trạng-mạo xấu xí thô-lậu, sợ sứ Hung-Nô khinh thường, mới sai Điểm mặc áo đội mũ, giả làm mình, còn mình thì tự cầm đao đứng hầu một bên.

Sứ-giả vào yết-kiến xong, lui ra, Tháo lại ngầm sai người hỏi sứ-giả rằng : « *Ngụy-Vương (trở Tháo) tưởng mạo thế nào ?* »

Sứ-giả đáp : « *Ngụy-Vương đã đành là một người phi-thường rồi, nhưng cái người cầm đao đứng hầu, bên cạnh mới thực là anh hùng* ».

Không-Tử Gia-Ngữ

đám cưới nhà quê

Thơ : Bằng-Bá-Lân

*Hôm nay trong xóm vui như tết :
Đám cưới cô Duyên ở cuối làng.
Mới sớm tỉnh sương nghe lợn éc,
Thoảng mùi khói pháo, thoảng mùi nhang.*

*Rước dâu khi đám về qua xóm,
Một cụ cầm hương bước dẫn đầu.
Già trẻ gái trai bên công đón,
Chen nhìn chú rề, ngắm cô dâu.*

*Chú rề ngượng-ngùng trong nón dứa,
Cô dâu bên-lên má thêm hồng.
Mấy con chó nhón vu-vơ sủa,
Dưới ruộng ngừng tay thợ cấy trồng.*

*Con bò giương mắt nhìn ngơ-ngác,
Bác lực-điền quên cả đầy bờ.
Khúc-khích vài em ngưng bắt ốc,
Một nàng thôn-nữ hát băng quơ.*

* * *

*Đám cưới đưa dâu về xóm Hạ,
Thôn trên bỗng sây chuyện phi thường :
Có chàng trai trẻ lòng băng giá
Lặng-lẽ buồn thiu biệt già làng !*

BẰNG-BÁ-LÂN



Nguyên tác của EMILY BRONTE

Bản dịch của NHẤT - LINH

(tiếp theo)

VII

Tôi nói tiếp lời Hy :

— Rồi cậu cũng như nó động tí thì kêu mẹ ; có đứa trẻ nào giờ quả đấm dọa cũng run như cây sậy, hoặc co ro cả ngày ở trong nhà không dám ra chỉ vì một trận mưa bóng mây. Nay cậu Hy, lại đứng trước gương rồi tôi chỉ bảo cho cậu biết phải làm gì. Cậu trông hai cái nét nhăn ở giữa mắt, đôi lông mày đậm đáng lẽ phải vòng lên thì lại thụt xuống ở giữa, và hai con mắt đen quá quỉ sâu hoắm này không

bao giờ dám mạnh dạn mở to ra, chỉ nhìn trộm từ dưới lên như mắt rình mò của một thằng quỉ. Cố làm cho những nét nhăn ghè sợ kia mất đi, mở mắt nhìn thẳng thắn, không chút nghi ngờ, nhìn ai cũng như bạn nếu mình không hẳn chắc người ấy là kẻ thù mình. Đừng làm như một con chó biết người ta đá mình là đích đáng nhưng vì đau quá nên ghét lấy tất cả mọi người cũng như ghét người đá mình.

Hy đáp lại :

— Nói một cách khác, nghĩa là tôi phải mong có hai con mắt cũng xanh to như Kha, cũng có cái trán phẳng nhẵn ấy. Tôi mong lắm... nhưng không phải cứ mong là có thể có được.

— Này, cậu Hy, lòng dạ tốt thì nét mặt dễ đẹp, cho dầu mình là thằng mọi đen, còn bụng dạ xấu thì nét mặt dầu đẹp đến đâu trông cũng tệ hơn là xấu nhiều. Nào bây giờ, rửa ráy xong, chải đầu xong, trông cậu xem có phải xinh trai không nào. Tôi thì tôi trông cậu ốm lắm rồi. Người ta có thể tưởng cậu là một hoàng tử trá hình. Biết đâu song thân sinh ra cậu không là Hoàng Đế nước Tàu, bà thân cậu không là nữ hoàng nước Ấn-Độ, mỗi người có thể mua cả Gió Hú lẫn Họa-mi-Trang bằng hoa lợi trong một tuần lễ. Rồi cậu bị tội lĩnh thủy độc ác bắt đem sang nước Anh. Tôi như cậu, tôi lấy làm tự hào vì giống dõi nhà mình, và mình sẽ thêm can đảm thêm tự hào đề không đếm xỉa đến sự bất nạt của một anh chủ trại quên.

Hy dần dần đỡ hăm hăm, nét mặt bắt đầu lại trở nên rất tươi tỉnh. Bỗng câu truyện giữa hai chúng tôi bị ngắt bởi tiếng xe ngựa leo lên dốc rồi vào trong sân. Hy chạy ra cửa sổ, tôi thì chạy ra cửa chính vừa đúng lúc hai anh em họ Tôn xuống xe, thân hình xù xụ vì mặc nhiều măng-tô cùng khăn quàng bằng lông xù vật. Còn hai vợ chồng Hạnh và Liên thì xuống ngựa. Liên cầm hai tay Kha và Sa giắt vào nhà, đặt ngồi trước lửa. Nét mặt xanh xao của hai anh em họ Tôn chỉ một lúc đã trở nên hồng hào.

Tôi giục Hy mau mau lên và căn tỏ vẻ tươi tỉnh; Hy sẵn sàng

nghe theo lời tôi, nhưng một sự không may làm cho vừa đúng lúc Hy mở cửa ở phía bếp để ra, thì Hạnh lại mở phía kia để vào. Hai người chạm trán nhau. Hạnh hoặc vì khó chịu thấy Hy sạch sẽ và vui vẻ hoặc muốn giữ lời hứa không cho Hy gặp anh em họ Tôn, nên ấy mạnh Hy một cái và ra lệnh cho bác Dị bằng một giọng gắt gỏng:

— Cấm không cho thằng nhãi này vào buồng khách, giam nó lên buồng trên mái nhà cho đến khi xong bữa cơm chiều. Để nó một mình, nó sẽ sục tay vào bánh ngọt và ăn cắp hoa cỏ.

Tôi không tự ngăn nổi vội đáp:

— Tôi dám chắc cậu Hy không táy máy vào thức gì, tôi tưởng cậu Hy cũng phải có phần quả cũng như chúng tôi đây.

Cậu Hạnh lớn tiếng:

— Nếu tôi bắt gặp nó ở dưới này, nó sẽ nhận phần quà ở bàn tay này, này! Thôi cút ngay, thằng ma cà bông, Hừ! Quân này lại mồn diện bánh hả? À, nếu mà tao vớ được những món tóc quần kia, mày xem! tao sẽ kéo cho chúng nó chảy dài xuống!

Kha, lúc đó đứng ở bậc cửa, nhìn trộm vào, rồi lên tiếng phê bình:

— Tóc ấy cũng chảy dài khá rồi. Tôi cũng lấy làm lạ là anh chàng không rúc đầu. Trông y như bóm một con ngựa mới đẻ.

Khi nói thêm vào câu nhận xét ấy, Kha không có ý chửi rửa gì, nhưng tâm tính hung bạo của Hy không sao chịu nổi một lời hỗn xược hơi chạm đến Hy nhất là lời đó lại ở một người mà Hy đã thù ghét như một kẻ tình địch. Hy cầm ngay lấy một cái

liễn đầy nước táo nóng bỏng (vì cái liễn ấy ở ngay cạnh cậu ta) và ném cái liễn đó thẳng vào mặt, vào cổ Kha. Cậu Kha thốt ra những tiếng kêu rên khiến Sa và Liên chạy ngay đến. Hạnh nắm ngay lấy Hy kéo vào trong buồng và ở trong đó chắc đã cho Hy một trận nên thân cho hả giận... vì lúc cậu ta ra mặt đỏ và thở hổn hển. Tôi cầm lấy chiếc khăn, soa không lấy gì làm nhẹ tay lăm vào mũi và mồm Kha và bảo cậu ta thật đáng đời vì sao lại nói leo vào một việc không can dự gì đến mình. Cô Sa sụt sịt khóc tỏ ý muốn về ngay nhà, còn Liên đứng sững, mặt thẹn đỏ lên vì cái cảnh vừa xảy ra. Cô nói giọng cự Kha :

— Anh không nên nói với Hy. Hy đương tức bực trong người. Thế là bữa tiệc hôm nay mất cả vui, còn Hy sẽ bị đòn. Tôi không muốn Hy bị đòn. Tôi cũng không lòng dạ nào mà ăn tiệc được nữa. Tại sao anh lại nói chọc Hy.

Anh chàng Kha rời khỏi tay tôi, lấy ra chiếc mùi xoa mỏng để làm nốt cái việc « lau chùi » tôi đương bỏ dở rồi thút thút khóc và đáp lại Liên :

— Tôi có nói gì đâu. Tôi đã hứa với mẹ tôi không nói một câu nào với nó, và tôi có nói với nó câu nào đâu !

Liên trả lời khinh bỉ :

— Thôi đừng khóc nữa, anh đã chết đâu cơ chứ ! Đừng có đại dốt như vậy nữa. Kìa, anh tôi ra, im đi.

Hạnh đi vào vội vã :

— Thôi, các em, ngồi vào ăn đi. Thằng ngợm ấy thật đã làm tôi lộn tiết. Lần sau, cậu Kha cậu phải tự bảo vệ mình bằng những quả đấm...

Trông thấy bữa tiệc và ngửi mùi các món ăn, hai cô cậu Tôn lại trở lại bình tĩnh. Sau cuộc đi lễ nhà thờ về ai cũng đói và lại cũng không ai việc gì, nên họ tự an ủi ngay. Cậu Hạnh thì cắt đồ ăn thành những miếng to còn mợ Hạnh thì nói truyện luôn miệng che vui bữa ăn. Tôi đứng sau ghế mợ Hạnh ngồi và lấy làm đầu lòng thấy Liên, mặt khô khan, vẻ mặt thần nhiên cầm giao cắt miếng cánh ngỗng. Tôi tự nhủ : « Con bé thực vô tình. Ban chơi bời của nó đau khổ thế nào nó cũng mặc xác. Không ngờ nó lại ích kỷ đến thế ! » Liên đưa một miếng ăn lên môi, lại đặt xuống đĩa, má đỏ lên và nước mắt bắt đầu chảy. Cô bỏ rơi cái đĩa rồi vội vàng cúi xuống dưới khăn bàn để dấu sự cảm động của mình. Tôi không cho Liên là vô tình nữa.

Cả ngày hôm ấy Liên như người sống ở địa ngục, lúc nào cũng muốn tìm dịp để ăn lén một mình hay để đi gặp Hy. Chiều đến, có khiêu vũ. Liên thoát thác không nhảy. Sau có ban nhạc ở Dĩ mê-tôn đến. Họ cho chúng tôi nghe rất nhiều bài.

Liên cũng thích âm nhạc, nhưng cô nói phải đứng ở trên đầu thang gác nghe mới hay và trèo lên đứng trên thang tối. Tôi treo theo sau Liên. Vì đồng người nên không ai chú ý đến sự vắng mặt của chúng tôi. Liên trèo thẳng tuột lên gần gian buồng sát mái chỗ Hy bị giam rồi cất tiếng gọi. Trông một lúc lâu, Hy nhất định không trả lời. Liên gọi gần mãi rồi sau cũng khiến Hy bằng lòng nói truyện qua các bức vách. Tôi để yên hai trẻ nói truyện cho đến khi tôi phỏng đoán ban nhạc sắp thôi ca hát vì đến giờ

các nhạc sĩ đi uống nước giải khát. Tôi chèo lên cầu thang để bảo Liên xuống. Đáng lẽ thấy Liên ở cửa, tôi nghe tiếng Liên ở trong. Con khi con ấy đã chèo lên mái nhà qua một cái cửa sổ nhỏ rồi chui tọt qua cái cửa sổ ở mái, vào trong buồng Hy, thành thử tôi phải khó nhọc lắm mới làm cho cô ả chịu ra. Lúc Liên đi ra, Hy cũng ra theo và Liên năn nỉ tôi bảo đưa Hy vào bếp vì bác Dội đi vắng. Tôi bảo không muốn chiều hai cô cậu về những trò nghịch ấy, nhưng vì Hy nhịn đói từ chiều hôm qua nên lần này tôi nỡ cho về cái tội đối với cậu Hạnh. Hy xuống bếp. Tôi bảo Hy ngồi xuống chiếc ghế đầu gần lửa và đưa ra thực nhiều thức ăn ngon. Nhưng Hy trong người khó chịu chỉ ăn được có một tí. Cậu ngồi, khuỷu tay chống lên đầu gối, cầm tựa vào hai bàn tay, đắm đắm yên lặng suy nghĩ. Tôi hỏi cậu ta nghĩ gì thì cậu đáp một cách trang nghiêm :

— Tôi đang tìm cách nào để ăn miếng trả miếng với thằng Hạnh, Dội bao lâu tôi cũng không cần miếng là sau cùng tôi bảo thù được nó. Tôi mong nó đừng chết trước khi tôi ra tay.

— Cậu Hy, cậu không sợ xấu à ? Ai ăn ở ác đã có giới trị, còn chúng ta, chúng ta chỉ cần biết tha thứ.

Hy trả lời :

— Không ! trời sẽ không có cái khoan khoái mà tôi sẽ có. Tôi chỉ muốn biết cách nào ác nhất. Chị đề mặc tôi ở đây một mình. Tôi sẽ tìm mìn mọ. Cứ lúc nào tôi nghĩ đến việc này, thì tôi không đau khổ gì cả.

Nhưng những truyện này, ông Lộc ạ, tôi sợ chỉ làm phiền ông. Sao tôi lại lần lần thần ngồi nói thao thao bất tuyệt như thế. Nói cho

đủ những điều ông muốn biết về truyện ông Hy, tôi chỉ cần nói dăm ba câu.

Bác Diễm ngừng nói, đứng lên thu ghém các thức ăn. Nhưng tôi thì tôi không muốn rời lò sưởi, vả cũng không mấy may buồn ngủ.

— Bác Diễm à, bác cứ ngồi đấy. Ngồi độ nửa giờ nữa. Bác kể truyện từng li từng tí thế là phải lắm. Tôi thích lối đó. Bác phải kể hết theo lối ấy. Tất cả những nhân vật ấy, tôi thấy đều chú ý không nhiều thì ít...

— Thưa ông, ông cho tôi nhay cách quãng ba năm. Trong ba năm đó, ông Hy...

— Không, không được... Bác cứ tiếp không bỏ một chi tiết nào. Có điều tôi nhận thấy là những người ở đây họ sống nghiêm trọng trăm ngàn chứ không hời hợt bề ngoài, nay thế này mai thế khác như những người ở chốn thành thị. Chỉ ở đây, tôi mới tin rằng người ta có thể yêu nhau trọn một đời ; thế mà từ trước đến nay tôi cứ yên trí là không có cuộc tình yêu nào có thể bền hơn một năm.

— Thưa ông chúng tôi ở đây cũng như mọi người ở nơi khác.

Tôi đáp :

— Xin lỗi bác — Như bác chẳng hạn, tôi thấy bác trái ngược hẳn với lời bác vừa nói trên chỉ trừ một vài cử chỉ hơi quê không đáng kể, tôi không thấy bác có những dấu vết về cách cư xử như thường thấy có ở những người cùng vào hạng bác. Tôi thấy bác đã suy nghĩ nhiều không như phần thường những người đi ở khác. Bác tự bắt buộc phải vun trồng trí tuệ của bác vì

không có dịp hư phí đời mình đi trong những vui thú nhỏ nhất, tầm thường.

Bác Diễm cười :

— Tôi cũng tự thấy tôi là một người nghiêm chỉnh và biết điều đôi chút. Vả lại ông không thể ngờ rằng tôi đọc rất nhiều sách. Trong cả cái thư viện này không có cuốn nào tôi chưa mở đọc hoặc lấy ở đây ra một cái gì ích lợi cho tôi, chỉ trừ mấy hàng sách Hy-lạp, La-tinh và Pháp. Thôi dấu sao, nếu phải kể tiếp truyện như các bà ngồi lê đôi nách thì tôi cần phải vào ngay truyện và đáng lẽ nhây một năm, thì tôi nói ngay đến mùa hè năm sau... mùa hè năm 1778, cách bây giờ gần hai mươi ba năm.

VIII

Một buổi sáng mùa hè, đưa con nổi rồi sau cùng của nhà họ Yên ra đời. Chúng tôi đương phơi cỏ ở ngoài bãi xa thì có người ở gái vừa chạy tới vừa gọi tôi, rồi thở hổn hển, nói to :

— Ô, ô, đưa bé lớn ghê. Tôi chưa bao giờ thấy đứa bé kháu như thế. Nhưng thầy thuốc nói người mẹ khó qua khỏi. Chị phải về ngay, chị Diễm ạ.

Tôi chạy ngay về nhà để vội ngậm đứa bé, nhưng lòng tôi hơi rầu rầu khi nghĩ đến Hạnh.

Tới Gió Hú, chúng tôi gặp Hạnh ở cửa chính. Lúc đi ngang tôi hỏi thăm tin tức đứa bé. Hạnh đáp, miệng mỉm cười vui vẻ :

— Nó sắp chạy được rồi, chị Diễm ạ.

— Thế còn mẹ, tôi thấy bác sĩ nói mẹ lại...

Hạnh ngắt lời :

— Quảng bác sĩ đi! Rồi Hạnh đỏ mặt nói tiếp: Mẹ khỏe lắm, chỉ độ tuần lễ sau là lành mạnh

như thường. Chị lên à? chị nhớ nói với mẹ là tôi sẽ lên thăm nếu mẹ kiên nhẫn nói. Tôi phải xuống vì mẹ nói ba hoa luôn miệng. Theo lời bác sĩ Kiên đã dặn thì 'mẹ phải nằm yên.

Tôi kể lại những lời ấy cho mẹ Hạnh. Mẹ ấy có vẻ hơi bị sốt kích thích, vui vẻ trả lời tôi :

— Tôi vừa cất tiếng nói thế mà cậu ấy đã đi ra luôn hai lần, vừa đi vừa khóc. Được, chị cứ bảo cậu ta rằng tôi hứa sẽ không nói nữa, không nói thôi chứ còn cười vào mặt cậu ta thì tha hồ đấy!

Thực là đau thương! Cho đến ngày mẹ Hạnh chết, mẹ vẫn luôn luôn vui vẻ. Còn chồng thì cứ nhất định một cách bướng bỉnh, một cách dữ dội nữa, rằng sức khoẻ vợ mình một ngày một tăng cường. Bác sĩ Kiên bảo cho Hạnh biết rằng bệnh đến trình độ ấy thì sự chữa chạy của ông vô dụng và ông cũng không muốn Hạnh phải tốn tiền vô ích nữa. Hạnh đáp :

— Tôi biết là vô ích... nhà tôi khỏi... không cần làm bận phiền đến ông, nhà tôi chả đau ngực bao giờ. Đây chỉ là một cơn sốt, bây giờ đã hết; mạch nhà tôi cũng yên như mạch tôi lúc này và má cũng mát như má tôi.

Hạnh kể lại cho vợ nghe và vợ cũng ra chiều tin. Nhưng một đêm, đương lúc tựa vào vai chồng, mẹ vừa bảo chồng rằng ngày mai mẹ có thể đi lại như thường được thì mẹ bị một cơn ho... một cơn nhẹ thôi. Chồng giơ tay nhắc vợ lên; mẹ Hạnh ôm vòng lấy cổ chồng và nét mặt biến sắc: mẹ Hạnh chết ngay lúc đó.

(Còn nữa)

NHẤT - LINH



của LINH-BẢO

Chị Vinh,

Em đợi nhận được thư chị mới viết thư, viết bài đề cho chị biết cái gan lì của em, nói đâu có đấy chứ không dọa ai bao giờ cả. Từ nay nếu chị muốn nghe em kể chuyện Ba-lê thì phải viết thư cho em đều, không có ai dục bệnh lười hay lầy lăm chị có biết không ?

Hôm nọ có một buổi họp của sinh viên tại Đồng-Dương Học-Xá. Anh Lê-Huy-Cận nói về « Kỹ thuật sản xuất qua ca dao Việt-Nam ». Anh Ngô-Văn-Quế nói « Vài quan niệm Nghệ Thuật trong thơ mới ». Cuối cùng chiếu phim họa « Khố tình » của Võ-Lăng.

Câu chuyện này tuy cách đây hơi lâu tại chị không có thư cho em

nên em không kè chị nghe, bây giờ nhân tiện nhắc lại vì đó cũng là một hoạt động của sinh viên.

Trong chương trình đề là bắt đầu từ 20 giờ 30, em đến đúng giờ nhưng lúc ấy mới thấy ban tổ chức thông thả đến để sửa soạn phòng họp và mấy chiếu phim, điện v.v...

Gặp anh X, người mới cưới vợ và yêu cầu dấu tên hôm nọ em hỏi :

— Xin cho biết cảm tưởng của người vừa cưới vợ. Hạnh phúc tràn ngập mệnh môn đến như thế nào ?

— Đàn bà rắc rối lắm chị ạ. Khi mình chưa cưới họ thì họ nằng nặc đòi cưới mình cho bằng được. Cưới xong rồi họ đòi cưới người khác.

Chị X đứng cạnh cười bảo :

— Có gì là rắc rối, tại họ thấy mình không dễ thương nữa chứ sao !

Câu chuyện còn có thể kéo dài nhưng buổi họp bắt đầu, mọi người cùng tìm ghế ngồi.

Anh Lê-Huy-Cận nói bằng giọng Huế hơi nhỏ và yếu ; nhiều người nghe không quen có vẻ hơi... gật gù.

Minh-Đức lúc nào cũng nghịch nên không thích đi nghe những cái vụ như thế. Hôm ấy không hiểu sao cô bé « phát bồ đề tâm » đòi đi theo em. Đến lúc nghe giọng của diễn giả không đủ uy lực hấp dẫn tinh thần của thánh giả cô ấy bắt đầu tìm cách nghịch. Trong khi anh Cận đang giải thích những câu ca dao gì mà tháng nào mưa, không mưa, lúc trở bông, đồng đồng v.v... cô ấy xé giấy thắt thành bướm bướm lén bỏ vào túi một anh ngồi ghế trước. Trong lúc tiến hành công tác bí mật này những người ngồi từ hàng ghế sau trở lui đều chú ý và hồi hộp theo dõi từng cử chỉ. Tinh thần mọi người cùng căng thẳng lúc cô bé định ghim một con bướm bướm giấy thực to lên vai anh ấy, nhưng cô ta loay hoay mãi không biết nên ghim thế nào cho anh ta không biết.

Đến lượt anh Quế nói về thơ mới, thơ Xuân-Diệu. Anh nhắc lại lời của một văn sĩ ; « Cái gì cũng là thơ, một người con gái méo mồm cũng là thơ ». Và để kết thúc anh đọc một bài thơ của chính mình.

Phim họa « Khố tình » (chuyện Trương-Chi) của Võ Lăng tuy tốn 500.000 quan và quay trong 6 tháng nhưng rất ngắn, ảnh khá đẹp tuy chưa đạt đến mức linh động của một phim họa.

Chuyện xảy ra không lâu là đài phát thanh phỏng vấn Minh-Đức và mời đọc thơ. Đáng lẽ phải đọc một bài Pháp một bài Việt nhưng không đủ thì giờ nên chỉ đọc một bài Pháp. Buổi thu thanh vào băng định thứ hai 20/6 nhưng vì Minh-Đức phải đi Alger để làm một mớ

phóng sự về Alger và phụ nữ Ả Rập nên phải dời lại thứ bảy hồi 9 giờ sáng để cô bé kịp lên máy bay 10 giờ 30.

Chiều thứ hai lúc phát thanh buổi phỏng vấn, em mở radio ra nghe nhưng chẳng may đèn không dò. Em tháo máy ra nào lắc nào rung, sờ hết cái này đến cái khác, loay hoay mãi kể cả cầu Trời khẩn Phật, cuối cùng thay được cái cầu chì. Và đến lúc đèn dò được thì buổi phát thanh cũng vừa xong. Mô Phật! Kề ra cũng không ân hận gì vì hôm ấy em đứng trong phòng kỹ sư đã nhìn và nghe đủ cả rồi.

Câu chuyện mới nhất là hai Giáo Sư Tôn-thất-Hanh và Bé, (Giáo sư Bé họ gì em quên mất, lúc viết thư này tìm mãi tờ chương trình nhưng không thấy; em là người tìm đến cái gì thì không thấy cái ấy, chị đã thừa biết) Hai Giáo sư sang giao thiệp với sinh viên và có tổ chức một buổi nói chuyện với anh em sinh viên đề mời về dạy trường Đại Học Huế.

Anh em họp tại « Giáo Xứ Việt Nam » 22/6. Trước hết anh Bé nói về tổ chức và tình hình Trường Đại Học Huế, xong rồi anh sẵn sàng trả lời các câu hỏi của anh em.

Có vài anh hỏi đúng nội dung buổi nói chuyện, nghĩa là về chuyện trường Đại Học; còn phần đông chất vấn về đường lối, chánh trị, Chánh Phủ v.v... và anh Bé từ chối không trả lời những câu hỏi không thuộc phạm vi công việc của anh.

Cuộc chất vấn rất sôi nổi nhưng cũng rất lạc đề, và có vẻ không đi đến đâu cả, hay là sẽ đi đến một nơi « nát bần cực lạc » nào rất xa.

Trước khi giải tán Cha Giảng người phụ trách « Giáo Xứ Việt Nam » « có vài lời » Cha nói rằng Cha rất sung sướng vì thấy anh em có nhiều ý kiến. Cha kể chuyện có một lần Cha cùng với 2 sinh viên Việt Nam đi nhóm tại La Mã. Hai sinh viên đứng lên nói hai ý kiến trái ngược hẳn nhau. Mọi người ngạc nhiên hỏi cha tại sao và cha trả lời: « Ấy là tại vì nước Việt Nam chúng tôi tự do, và người Việt Nam chúng tôi thông minh nên bao giờ cũng có nhiều ý kiến, và không bao giờ giống nhau ». Vì thế hôm nay cha cũng rất lấy làm sung sướng vì thấy anh em có nhiều ý kiến!

Mọi người cùng cười có vẻ rất thương thức câu chuyện của Cha. Không khí nhẹ nhàng hẳn đi. Riêng em thấy trong một buổi họp ý kiến nhiều hơn người, tuy mình không hề mở miệng nói gì bao giờ, nhưng họ cứ tính đầu người rồi chia đồ đồng thì mình cũng lãnh được vài ý. Thật là « hân hạnh, sung sướng, thông minh » biết bao!

Chiều hôm sau em đến quán Lạc Long và có dịp gặp hai anh Giáo sư ấy. Em hỏi

— Anh có thể cho biết cuộc tiếp xúc với sinh viên tại Pháp ra sao không ?

Anh Bé trả lời :

— Tôi đã đi 9 tỉnh, gặp hầu hết sinh viên, phần nhiều đang còn học chưa xong nên chỉ có một số ít sẵn sàng về nước ngay.

— Anh thấy người ta thắc mắc nhất là điều gì ?

— Họ muốn biết về rồi sau này muốn đi lại có dễ dàng không ?

— Cảm tưởng của anh đối với tinh thần sinh viên ra sao ?

Anh Bé không trả lời chỉ cười một cách rất “chính trị ngoại giao”.

Anh Hanh trả lời thay :

— Một nỗi buồn man mác... vân vân...

Có vài sinh viên nữa đến cùng nói chuyện phiếm đến 11 giờ. Lúc về một anh có xe nhận đưa 3 người về. Đưa anh Bé xong, xe vừa định rẽ bỗng một xe khác chạy qua thật nhanh, chỉ trong chớp mắt không ai kịp có thì giờ đề sợ hãi, 2 chiếc đã vồ lấy nhau một cách nẩy lửa, xe em ngồi chồm lên một xe khác đang đậu bên lề; và một chiếc xe thứ tư chạy ngang qua hất chủ nhân chiếc xe thứ ba ngã nằm quay lơ ra đường. Thế là một bọn xe nát đầu lê thế kéo nhau đến Cảnh sát gần đấy và làm giấy tờ mãi đến 2 giờ sáng mới xong.

Về đến nhà việc thứ nhất của em là bóp muối tất cả những vết bầm tím khắp người, việc thứ hai là viết thư này cho chị.

LINH-BẢO
Paris 60

ĐẦU THÁNG TÁM 1960, SẼ PHÁT HÀNH :

GIẢNG VĂN ĐỆ TỬ

CỦA G. S. BÀNG-BÁ-LÂN

(Soạn theo đúng chương-trình mới của Bộ Q.G.G.D)

— Phương-pháp mới mẻ dễ hiểu. Tài-liệu phong-phú chính xác, Rất cần thiết cho những người tự học đề thi.

— In toàn giấy Blanc-Fin.

Nhà sách BẠN-TRẺ xuất bản và phát hành
381, Phan-Đình-Phùng, Saigon.



TRUYỆN DÀI CỦA ĐOÀN-QUỐC-SỸ

XVII

(tiếp theo)

Mùa đông — dù là cuối đông — tại Phụng Minh Thôn vẫn có những ngày như ngày hôm đó, khoảng bốn giờ chiều gió thổi mạnh, mây đen từ phương Đông ùn tới sà xuống thung lũng khiến vạn vật chìm trong một màu xám u ám tưởng như chiều cả đã từ lâu, người đang trí có thể ngẩng nhìn trời mong thấy ngôi sao hôm quen thuộc.

— Đồng ơi i. i ...Đồng !

Tiếng gọi tự ba hờ vọng lại xa lắm... xa lắm... nhiều khi như lạc giọng đi để biến thành tiếng khóc nức nở của rừng núi và không ai có thể phân biệt được là Uy hiện ở khoảng rừng phía Đông, hay khoảng rừng phía Nam.

Cho đến khi tối hẳn... Cuộc tìm kiếm không có kết quả. Người ta nhủ nhau đến mai sẽ tìm kiếm kỹ hơn. Nhưng với những người còn nhớ là Đồng ra đi mang theo khẩu mứt-cơ-tông có nạp đạn thì họ lo lắng... họ nghe ngóng... họ chờ đợi... và nếu có tiếng nổ trong đêm tối thì dù sao khi họ tìm được nơi cũng đã muộn.

Buổi học tập ban tối tạm ngừng. Sự chờ đợi căng thẳng đến nửa đêm, không có động tĩnh gì, nhưng khi mọi người, kể cả những người lo lắng nhất chợp ngủ — lúc đó vào khoảng ba giờ sáng — chợt một luồng tiếng xôn xao chuyển đi rất nhanh từ tiểu đội này sang tiểu đội khác, từ

trại này sang trại khác, những ánh đuốc bùng lên, những bước đi xao xuyến...

— Tại một nhà chứa thuốc là của dân...

— Ủ sao ?

— Có tiếng thồn thức, người dân đến báo ngay.

— Có chắc là Đồng không ?

— Chưa rõ, nhưng chắc.

— Quái, sao giờ này mới biết !

— Có thể là Đồng vừa ở rừng về, vì tiếng chó cắn đánh thức chủ nhà dậy.

Uy cầm đuốc cùng người dân (người chủ nhà) đi trước, chính trị Viên cùng tiểu đội thường thực theo sau. Nhà chứa thuốc ở ngay xóm đầu tiên, sát bên đường đất đỏ cách bất gác chừng năm trăm thước. Uy trao bó đuốc cho người chủ nhà, một mình leo lên cầu thang gỗ. Cửa đóng. Bên trong im lặng. Sáu bó đuốc dàn ra bên dưới. Con chó đen không sủa nữa, vẹ vầy đuôi ngẩng nhìn bó đuốc như ngạc nhiên, thỉnh thoảng cúi xuống liếm chân chủ.

— Đồng ! Uy đây Đồng ạ. Mở cửa cho Uy !

Tiếng Uy nói vừa đủ nghe, rất êm như muốn vỗ về, ngầm chứa một sức mạnh khẩn cầu tha thiết.

Uy khẽ gõ cửa, hít dài một hơi thở vừa toan cất lời khẽ gọi lần nữa thì bên trong, tít bên trong tận phía góc cuối nhà, bỗng bật ra một tiếng khóc nức. Rõ ràng Đồng đã phải bậm môi kìm giữ tiếng đó từ lâu lắm. Đôi mắt Uy sáng lên, nụ cười nở rộng tràn ngập hy vọng. Đôi môi Uy tròn lại, yết hầu hơi đẩy lên... Nhưng tiếng « Đồng » sau cùng Uy vừa thốt ra chính Uy cũng không nghe thấy vì nó lẫn vào với tiếng nức,

một tiếng nức rùng rợn trong đêm khuya mà tiếng vang từ ba bề đáp lại như để chứng tỏ rằng rừng núi cũng vừa choàng thức dậy kinh hoàng. Cánh cửa mở toang dưới sức xô của Uy, đồng thời Uy mất thăng bằng ngã chúi vào. Những bước chân rồn rập lên thang. Một bó đuốc qua cửa soi cho bốn người đẹp với những bó thuốc (đã thái) và những đồng lá thuốc (chưa thái) sang một bên để lấy lối đi. Ánh đuốc tiến vội về cuối nhà. Uy đã quỵ xuống ôm lấy xác Đồng. Đồng chết dựa lưng vào tường, chân trái ruỗi thẳng, chân phải hơi co ngón cái còn lồng vào vòng cổ súng mặc dầu vì sức giật chiếc nút-co-tông đã lật nghiêng sang bên. Một mảng mặt vỡ toang nhưng vì Đồng vừa chết nên sự kiện đó chưa đến nỗi ghê rợn, thoát trông chỉ như một người bị thương ngồi yên chờ người băng bó. Dưới ánh đuốc, Uy chú ý thấy môi dưới Đồng còn vết răng bậm sâu trước khi bật thành tiếng khóc nức hai phút trước đây.

* *

Đó là vụ tự sát mở màn cho cả một « chiến dịch » tự sát sau này. Vì là vụ đầu tiên nên ban chỉ huy học tập nương nhẹ tay. Học tập ngừng lại một ngày — ngày chôn Đồng.

Buổi tối cam lặng và âm thầm, Uy ngồi trước bàn viết dưới ánh đèn leo lét, những trang phấp phấp thư kín đặc. Có tiếng há cửa từ trại xa vọng lại bài « Mẹ nuôi chiến sĩ » lời ca mang máng như sau :

Bà... bà mẹ ơi

Bà đến cho đời thêm tươi

Bà... bà mẹ ơi

Lòng chúng tôi luôn nhớ người

Nhìn về miền xa

Nụ cười nở hoa

Thoáng nghe câu đầu của bài hát đôi mắt Uy đương thần thờ bỗng chăm chú nhìn vào bóng tối để tìm một cái gì. Một kỷ niệm âm thanh đã gọi lên những kỷ niệm hình bóng. Uy nói khẽ : « Bài hát của Đồng », rồi gục xuống trên mặt bàn.

Đồng không bao giờ thuộc hết một bài hát nào. Trong những buổi sinh hoạt mỗi khi đồng ca Uy thường mỉm cười nhìn miệng Đồng « a...a... » một cách ngượng ngập thay lời ca để nương theo giọng của các bạn. Nhưng đặc biệt bài « Bà mẹ nuôi chiến sĩ » thì Đồng thuộc cả điệu lẫn lời từ đầu đến cuối và hát luôn miệng nghe thật nhẹ nhàng thanh thoát lọt được hết cả sự rung động thành kính. Nếu ai chưa biết Đồng, lần đầu tiên nghe Đồng hát bài này, chắc chắn người đó sẽ không nghi ngờ gì mà liệt Đồng vào hạng danh ca của quân đội. Uy hiểu rằng âm điệu bài đó buồn buồn, ý nghĩa bài đó gọi lên mối tình mẫu tử xa xôi chính là những điều mà Đồng hằng khát khao trong tiềm thức.

Uy vẫn gục mặt trên bàn hai bàn tay để sau gáy tự vít cổ xuống cho tê dại khoảng mũi và trán. Như thế lâu lắm. Bỗng Uy cảm thấy một bàn tay đặt trên vai mình. Ngẩng lên Uy nhận thấy người lạ mặt bằng tuổi anh trưởng mình (mặc dầu Uy không có anh trưởng). Người đó quắc thước, đôi mắt nhìn thẳng khỏe mạnh và chân thật. Uy thấy yên lòng. Đã cúi xuống nhìn trang giấy, vì lúc đó Uy luống cuống không biết làm gì hơn) Uy lại chợt ngẩng lên chăm chú nhìn « người anh trưởng » một lần nữa :

— Hình như em đã gặp anh ở đâu.

— Ở đèo Bông Lau !

— A, em nhớ ra rồi, anh ở ban dịch vận.

« Người anh trưởng » mỉm cười.

Uy hỏi :

— Anh ở đại đội nào ? Sao anh lại đến đây, trái quy tắc học tập !

« Người anh trưởng » thông thả ngồi xuống bên Uy đáp :

— Ban chỉ huy học tập ưng tôi đến thăm đồng chí. Tôi ở đại đội ba. Tôi là Hăng, đồng chí gọi tôi là Hăng. Câu chuyện đã ngay từ khởi đầu.

Hăng và Uy ôn lại cái chết của Đồng Uy kể lại cho Hăng nghe tình bạn của Uy với Đồng từ ngày đầu gặp gỡ. Câu chuyện kéo dài đến một tiếng đồng hồ. Cả hai cùng không tự đặt câu hỏi xem vì sao trong hoàn cảnh « sa mạc » của học tập tam phần ấy, ủy ban lãnh đạo lại làm nơ cho phép hai người dừng chân khá lâu ở « ốc đảo tình cảm » để được hưởng những giây phút mát rượi của bóng cây, của dòng nước tâm tình như vậy.

Thấy Hăng đứng dậy Uy nói :

— Đồng chí hãy ngồi với em.

Ngay từ phút đầu gặp gỡ cho giờ Uy xưng em với Hăng một cách tin cần tự nhiên như vậy.

Hăng đáp :

— Thôi giờ này tôi phải về họp tiểu tổ.

Bỗng sực nhớ ra điều gì Hăng hỏi :

— Đồng chí có biết hiện giờ ở bất gát chỉ đề một khẩu súng trường cho đồng chí gác ?

Uy chợt buồn trở về với tang bạn. Đôi mắt xa xôi Uy đáp :

— Em không tự tử như Đồng, em phải làm một việc gì đích đáng.

Yên lặng một phút. Hai người bắt tay nhau và Hằng về.

XVIII

Nghỉ một ngày học tập, Đồng được chôn cất mồ yên mả đẹp và Hằng gặp Uy.

Hằng gặp Uy là bắt đầu sang câu chuyện thứ hai, một bi hài kịch vô tiền hậu quả trong lịch sử học tập của Đảng.

Hằng là đảng viên chính thức được ngót một năm, tính cho tới ngày phong trào học tập tam phần phát động. Thành tích tranh đấu của Hằng khá rực rỡ và lòng trung kiên của Hằng thì không đồng chi nào chối cãi nổi.

Ấy thế mà Hằng bị ghi vào hàng đầu sổ đen. Sao vậy ?

— Mặc dầu đứng đầu sổ đen mà Hằng không bị lên « bàn mổ » tiếp ngay sau « người điển hình » Sao vậy ? — Đã thế Hằng được ban lãnh đạo học tập thả lỏng cho phép đến đàm thoại một giờ với Uy trong câu chuyện tình cảm. Sao vậy ?

* * *

Nghỉ một ngày học tập, ban lãnh đạo đã lùi một bước con mèo sủa soạn nhảy một bước con hổ. Đề Hằng đến nói chuyện với Uy, ban lãnh đạo muốn khuấy động mạnh vào ý thức của Hằng, những mong Hằng sẽ phản tỉnh mà tự hỏi : Bản thân của Uy là Đồng chết như vậy mà Uy vẫn viết đầy đủ phản tỉnh thư, vậy chính Hằng khi lên bàn mổ phải nên có thái độ thế nào ?

Nhưng khi nói chuyện với Uy. Hằng chẳng hề tự nêu vấn đề như thế.

Hằng còn được dự mấy đợt kiểm thảo khác nữa. Như vậy, đề — theo thâm ý của ban lãnh đạo học tập — thái độ cương cường của Hằng sẽ được gián tiếp mài

giũa cho mòn bớt. Trong khi đó ban lãnh đạo bí mật liên lạc với tất cả những người trước đây đã có thời kỳ chung sống với Hằng sưu tập và bố trí trước tài liệu chất vấn.

Rồi ngày chờ đợi tới, ngày chính Hằng phải lên bàn mổ.

Bản tự thuật đầu tiên của Hằng vẫn vẹn như sau :

« Tôi sinh năm 1924 — Năm 1939 tôi sang Pháp học. Năm 1944 tôi về nước, ở Hà nội vừa học Luật vừa giúp đỡ sổ sách trong công việc buôn bán của ba, mẹ tôi. Cuối 1946 tôi về đồn điền ở gần Ấm Thượng (Phú Thọ). Những ngày đầu kháng chiến tôi còn ở lại đồn điền chừng kiến một lớp huấn luyện cán bộ tăng gia sản xuất ở đó. Cuối 1948 ngót hai mươi trại tăng gia sản xuất quanh đồn điền đều tan rã, tôi gia nhập bộ đội, theo đoàn quân Tây tiến hoạt động về kinh tế trên quãng đường Nhô Quan Sầm Nứa. Năm 1950 tôi đổi sang cơ quan địch vận. Đầu năm 1951 tôi có mặt ở trận đèo Bông Lạ. Cuối xuân sang hạ tôi có mặt ở chiến dịch đồng bằng Liên Khu ba. Tới tháng chín năm đó tôi bị bắt trong chiến dịch Citron của địch tại Hải Dương. Đầu năm 1952 tôi thoát khỏi trại giam Hải Dương về Ninh Giang bắt được liên lạc cũ, trở lại bộ đội, rồi theo Lục quân khóa bảy sang đây. »

Hằng vừa đọc rút bản tự thuật viên chính ủy lãnh đạo học tập đứng lên nói :

— Thừa các đồng chí việc kiểm thảo nhân sinh quan của đồng chí Hằng vẫn theo y như đường lối đã định nghĩa là lấy năm 1954 làm mốc phân chia hai xã hội cũ, mới khác nhau. Nhưng trước khi thực sự đi vào việc kiểm

thảo nhân sinh quan, xin các đồng chí nào trước đây từng có liên lạc ít nhiều với đồng chí Hằng hãy soi sáng giúp đồng chí Hằng bằng cách thấy điều gì nghi ngờ thì chất vấn... chất vấn càng tỉ mỉ bao nhiêu càng xây dựng bấy nhiêu.

Chính ủy đã rút lời nhưng còn vừa khẽ gật gù cái đầu vừa từ từ đưa đôi mắt nhìn khắp hội trường giữ trọn vẹn lấy bầu không khí yên lặng trang nghiêm đó một phút rồi mới từ từ ngồi xuống.

Cuộc chất vấn bắt đầu. Tự cuối phòng một tiếng vọng lên :

— Tôi xin có ý kiến chất vấn đồng chí Hằng... tôi muốn hỏi đồng chí Hằng khi dời đồn điền của cha mẹ, theo đoàn quân Tây tiến là theo tiếng gọi của Đảng, của nghĩa vụ hay chỉ là theo tiếng gọi của anh hùng cá nhân?

— Khi ở đồn điền tôi thường đi săn đêm, tôi ưa mạo hiểm. - Hằng đáp - Thoạt tôi có thái độ rung rung trong những ngày đầu kháng chiến, về sau chứng kiến cảnh các cán bộ tăng gia sản xuất chịu khó học tập và thực hành ở ngay đồn điền nhà tôi, chứng kiến cảnh nheo nhóc của các đồng bào di cư tại các trại tăng gia quanh đây tôi thấy xấu hổ với nếp sống an nhàn của mình tại đồn điền và gia nhập đoàn quân Tây tiến do sự giới thiệu của một người bạn cũ ở Hà Nội làm chính trị viên trung đoàn, vào đúng lúc anh bạn này có công tác qua đồn điền nhà tôi. Tôi ra đi theo tiếng gọi của kháng chiến và được kích thích bởi lòng yêu nước chứ chẳng phải theo tiếng gọi của anh hùng cá nhân.

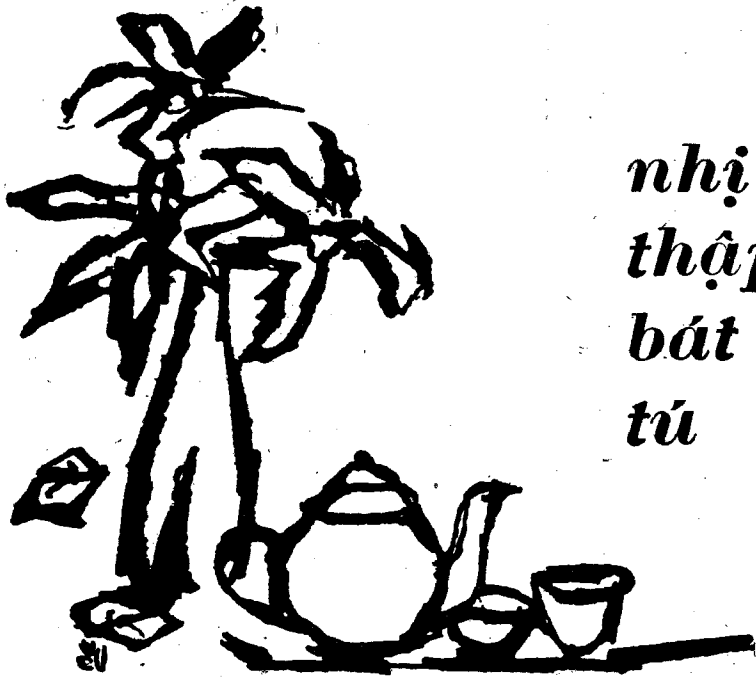
— Đồng chí quen sống sung sướng trên đất Pháp — vẫn đồng chí đứng ở cuối phòng chất vấn — về Hà Nội đồng chí tiếp tục sống

sung sướng, lên đồn điền đồng chí tiếp tục sống sung sướng, vậy khi gia nhập đoàn quân Tây tiến gặp nhiều gian khổ chắc chắn phải có ngày đồng chí cảm thấy tình thân giao động và có ý tưởng đầu hàng địch ?

— Trước hết bảo tôi quen sống sung sướng trên đất Pháp là nhầm, nói là tôi tập quen kham khổ trên đất Pháp thì đúng hơn. Tôi sang Pháp tháng ba năm 1939 năm đó tôi mười lăm tuổi, thì tháng chín năm đó bùng nổ thế chiến lần thứ hai. Tháng sáu năm sau 1940 Ba Lê đầu hàng, Quốc hội Pháp cử Thống Chế Pétain lên cầm quyền và nghị hòa với Hitler, tướng De Gaulle rút quân sang Anh lập chính phủ lưu vong. Vào mùa đông năm này nhiều khi bữa ăn của tôi chỉ có mẩu bánh mì và củ hành sống. Không cả pho mát ! Có những chiều đông rét đến nỗi tôi đành nằm lại phòng trọ nhịn ăn vì tính toán thấy rằng bữa ăn cơm xôi buổi chiều không đủ bù đắp lại số nhiệt lượng trong người mất đi khi mình tung chăn ra đi kiếm bữa. Chính tôi là người đã sớm biết cảnh bom đạn, cảnh đói rét thời chiến ở xứ người. Có điều là vì còn ít tuổi quá nên những điều mắt thấy tai nghe đó chưa làm tôi suy nghĩ đến tình nhân loại. Năm 1944 sau cuộc đổ bộ thành công của tướng N. Y. Eisenhower lên bờ bãi Normandie phía Tây Bắc nước Pháp, quân đồng minh giải phóng được Ba lê rồi tiến tới sông Rhin thì ba mẹ gọi tôi về nước. Tại Hà nội tôi ghi tên học Luật, tôi hết sức hưởng thụ cuộc đời chính vì luôn luôn bị ám ảnh bởi cảnh bom đạn đói khổ thời còn sống ở Pháp. Điều đó tưởng cũng là lẽ dĩ nhiên của con người.

DOÃN-QUỐC-SỸ

(còn nữa)



*nhị
thập
bát
tú*

thơ VŨ HOÀNG CHƯ'ÔNG

Bí mật cung thiềm

Từ mấy nghìn thu đối mặt trăng
Thì nhận ngắm đã chán Cô Hằng
Sao cô chẳng chịu quay lưng lại
Thua vẻ thon mềm gái Sở chẳng ?

Nhạc về cung cấm

Đuổi bắt đàn ca gió đứt hơi
Thân mây chân sóng đã tê rời
Trống đầu dựng phách lên cao vút
Ngửa mặt nhìn theo hện Đất Trời

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG
1960

NGƯỜI LÍNH LÊ DƯƠNG

của THẾ - UYÊN

Đề tránh sự hiểu lầm, xin lưu ý các độc giả rằng :

— Truyện này xảy ra trong khoảng những tháng đầu năm 1953.

— Tất cả mọi nhân vật, danh tính, địa danh đều là giả định.

Người viết

TÔI đập mạnh phanh. Chiếc jeep dừng lại ngay giữa đường, không gian im lặng đến độ làm tôi tưởng chừng lớp bụi đang bay phía sau xe dày đặc hẳn lên. Tôi quay người bảo Trung-sĩ Oai ngồi cạnh đương ngạc nhiên về việc dừng xe bất ngờ :

— Anh lái xe đi ! Đưa khẩu súng Thompson cho tôi.

Khẩu súng đề nặng trĩu trên đùi. Giá bây giờ có phục kích thì tốt. Tôi không cảm thù gì Việt-Minh, nhưng bắn một vài băng đạn, cho vài kẻ về thăm Lénine cũng hay. Như thế chắc làm hạ bớt nỗi ám ức khó chịu nằm hoài trong người từ bao lâu như một con sâu nóng ngủ quên lối ra. Người cứ như muốn vô cớ nổ tung ra như thế này, gặp Nương chắc sẽ làm nàng đau đớn.

Tôi gặp Nương một cách bất ngờ và hơi vô lý nữa. Hôm ấy vết thương ở chân đã khỏi, tôi chẳng biết làm gì cho qua ngày ở cái thành phố Huế buồn thiu và sợ sệt này. Đơn vị tôi hồi đó là, G.M... đã đi hành quân trong khi tôi còn nằm với cái chân bó bột ở bệnh viện. Tôi mượn xe jeep của thằng bạn, lái chạy quanh quẩn. Trời nóng quá. Giá xe của đơn vị tôi, chắc tôi không ngại lái thẳng cho xe nhào xuống sông, vừa có dịp tắm mát, vừa có dịp mò xe lép. Như thế chắc cũng đỡ buồn. Tôi lên Vĩ dạ, chạy thật chậm giữa các hàng cây mát. Một bóng trắng hiện ra ở một khúc quanh, đường nét mảnh mai và mát. Khi lại gần thoáng thấy đôi mắt to và đen dưới vành nón, tôi cảm thấy như có ai hích mạnh vào người, y hệt bữa bị viên đạn xuyên qua chân.

Ngay lúc đó tôi đã biết sẽ yêu người con gái ấy. Các sĩ quan Pháp chỉ huy tôi trong G.M thường khen tôi có reflexe nhanh trong những lúc cầm quân. Bọn chúng có lý thật vì khi quay đầu lại nhìn, thấy đôi mắt sâu và sáng liếc rất nhanh, tôi vội đập phanh dõ dỏi. Giá trước mặt tôi là vực thẳm, tôi cũng chỉ hăm mạnh đến thế là cùng. Tôi quay xe lại ngay lập tức khi thấy bóng trắng nhẹ nhàng di chuyển vào một khu vườn gần đấy. Tôi dẫn ga, cho xe lao luôn vào hàng rào, húc đổ khá nhiều cây trước khi đứng lại. Tôi thoáng thấy cô gái áo trắng đứng trên thềm nhà, đặt tay lên miệng, mắt mở rộng vì sợ hãi. Câu đầu tiên của Nương tôi được nghe ngày hôm ấy là : « Trung-úy... có sao không ? » Tôi trả lời sau khi xuống xe « Có, tôi có bị thương, ở một chỗ không băng bó được... » Sau này, dù tôi nói thế nào, Nương cũng không chịu tin tôi đã húc xe vào nhà nàng chỉ vì muốn có dịp làm quen.

Chiếc xe jeep chạy từ từ qua các đường, đỗ lại trong sân trại. Tôi bước xuống, ném khẩu súng cho viên Trung-sỹ :

— Anh mượn Dodge mà đi mua hàng cho đồn. Sáng mai 11 giờ đợi tôi ở đây.

Tôi giờ tay chào Đại-tá P. người Pháp. Với tư cách Trưởng-đồn U... tôi ở dưới quyền chỉ huy của P. Tôi và ông ta rất ưa nhau, tuy tuổi và cấp bậc chênh lệch. Như tôi, P. cũng thấy cuộc chiến tranh này là bần thủ và hiểu được tính cách vô lý của sự chiến đấu của tôi trong quân đội.

P. chăm thuốc lá cho tôi :

— Thế nào chú bé ? Yên ổn chứ ?

— Vâng, thưa Đại-tá. Trừ việc mỗi đêm có vài thằng địch ngồi buồn thủ súng, bắn vào đồn vài phát, tình hình yên lắm.

— Yên lặng trước cơn gió bão !

P. vỗ vai tôi từ giã vào văn phòng. Ông ta cũng biết như tôi rằng nếu có đánh lớn, hệ thống ba đồn ở vùng X... — tôi chỉ huy một — sẽ vỡ trong vòng một đêm. Mỗi khi nghĩ tới việc có thể xảy ra ấy, tôi đứng đưng. Tâm hồn tôi còn mắc bận với nhiều vấn đề khác hơn là nghĩ tới chuyện có thể bị vài viên đạn ghé vào ngũ nhơ trong lồng ngực.

Tôi đứng xe dưới giàn thiên lý nhà Nương. Trời đã tối, có ánh trăng sớm mờ nhạt. Nương chạy ra. Mái tóc dài, đôi mắt sáng sâu thăm thẳm và đôi môi, nhất là đôi môi hồng, mấp máy. Tôi nâng bổng Nương lên khỏi mặt đất — Nương thấp hơn tôi một đầu — cổ giữ không ghi nàng chặt quá. Có lần tôi nghĩ rằng giả thử có muốn giết Nương chẳng cần phải bóp cổ, cứ ôm chặt thân hình nhỏ xíu của nàng mạnh hết sức tôi là đủ.

Nương nói một hơi dài, thỉnh thoảng lại ngừng để thở :

— Nương đợi anh từ sáng sớm... Anh về thật kịp. Nương có truyện muốn nói. Cụ bà bảo phải để Hán cười đi vì bắt nhà trai đợi lâu quá rồi. Nương thủ thật yêu anh và khóc một ngày liền. Cụ nhượng bộ cho hoãn tới tết... Vậy anh nghĩ sao ?

Tôi nghĩ sao ấy à ? Thật khó diễn tả cho cô bé ngây thơ ngoan ngoãn này hiểu tôi nghĩ thế nào về tình yêu và hôn nhân. Tôi yêu Nương say mê, đó là sự thực hiển nhiên. Nhưng tôi không thể lấy vợ

trong tình trạng hiện tại... Trước khi cắt nghĩa, tôi hãy ôm Nương hôn đã. Đối với các cô đang yêu, nói bằng môi trước, họ sẽ thông cảm những điều khó khăn nói sau.

Gia đình Nương về quê ăn giỗ. Chỉ còn vú già quanh quần dưới nhà ngang, ngồi khâu một mình. Tôi tắm cho hết bụi dọc đường, Nương ngồi đợi tôi dưới giàn thiên lý đầy hoa xanh biếc dưới ánh trăng mới lên. Ôm thân hình thon nhỏ, tôi tưởng như đang giữ trong hai cánh tay hương thơm của một loài hoa thành tinh. Đã lâu lắm tôi mới thấy tâm hồn nhẹ nhàng thoải mái như đêm nay, nổi âm ức khó chịu như một cơn đau răng tan đi dưới làn hương ấm của Nương và hoa cỏ.

Đến khuya, Nương đốt lò trầm, xoa tóc phủ trên lưng, ngồi chơi đàn tranh bên cửa sổ. Khuôn mặt dịu dàng thanh tú ẩn hiện dưới ánh nến chập chờn, đôi mắt to hắt lên sau làn khói xanh nhạt. Âm thanh cổ kính và trong — tiếng hát của một loài chim đêm đậu trên cành pha lê trong cổ tích hoang đường. Tôi đặt đầu thuốc lá lên ngọn lửa, tắt dần từng ngọn nến. Có tiếng ai ngâm thơ ở vườn bên kia.

« Ta đợi em từ hai mươi năm.

Uồng hoa phong nhụy hoài trắng
rằm » (1)

Như thường lệ, Nương gọi tôi rất đơn giản :

— Anh...

Nương mặc một bộ áo ngủ bằng lụa, có vài buộc đơn sơ ngang lưng, ngồi ngửa mặt ngắm trăng ngoài cửa sổ. Những nét cong và mềm viển ảnh trắng ngọt như sữa dưới làn hoa. Tôi ngồi ngắm Nương rất lâu, hút thuốc liên tiếp cho tới khi bình trà tắt đi, nhưng không

gian chờ hương dạ lan trồng ngoài vườn tràn vào pha lẫn với vị say của tình yêu.

Đêm qua đi, Nương không nhắc gì tới hôn nhân ; nhưng tôi có nói tới, tôi hứa sẽ trả lời sau khi rời Huế về đồn. Đêm trăng, tình yêu, hương khói và Nương tràn đầy, không thể còn chỗ cho bất cứ một cái gì của tương lai.

Tôi về đồn sớm hơn đã định. Chiếc Jeep ngồi bốn người thêm hai sĩ quan đồn bên đi nghỉ phép về nhờ. Hai G.M.C. chạy sau ngoan ngoãn như các chú voi đã thuần đi theo người quản tượng. Lúc xuống từ già, một sĩ quan nói tiếng Anh với tôi :

— Đồn anh có một đại đội. Tuy nhờ anh chỉ huy khá, nhưng nếu có đánh lớn, chắc không giữ nổi qua đêm đâu. Nếu bị đánh mạnh, hàng đi. Chết cho tội Pháp, tội Bảo-Đại làm cái gì ?

Tôi cười, không trả lời. Kề ra họ có lý khi khuyên tôi như vậy. Nhưng tôi, tôi sẽ chiến đấu đến cùng. Tôi đâu có ngu đến nỗi không hiểu rằng chiến đấu như thế là vô lý. Nhưng nghĩ tới cảnh giơ hai tay quá đầu, bước ra khỏi đồn với tư cách hàng quân được khoan hồng tha thứ, tôi không thể chịu được, thà bị đạn hồi thăm lối vào tìm còn hơn. Quân sĩ trong đồn có tinh thần cao, chiến đấu khá, và họ sẽ vì yêu mến tôi mà không phản bội. Thế là đủ. Còn tôi sẽ chiến đấu tận lực, dù chỉ để tránh cái cảnh nghe những nhời bên kia nhắc lại một lần nữa câu : « Trí thức tiểu tư sản chuyên môn dao động, hèn yếu bám thống trị, danh dự chỉ là sản phẩm của phong kiến tư sản... »

Tôi sẽ bắn tới viên đạn cuối cùng

I) *Thơ Vũ-Hoàng-Chương*

vì một lẽ nữa : tôi thích đánh nhau vì không còn biết dùng năng lực vào việc gì nữa.

Tôi ra đời quá muộn nên không thể dự vào việc cách mạng 45. Theo mẹ tản cư, tôi khôn lớn bên người mẹ có nước da hồng, đôi mắt sâu và sáng như mắt Nương. Tôi được mẹ dạy nhiều điều, những điều mà cán bộ chê và kết tội đầy « tiểu tư sản tính ». Nhờ người, tôi biết yêu nhiều thứ trong đó có lòng nhân đạo, lòng yêu sự thực và vẻ đẹp. Chính vì thế, tôi từ bỏ kháng chiến về thành. Tôi sinh ra và được giáo dục như vậy dĩ nhiên không thể ở một nơi nào không được sống một cuộc đời tự do, ngắm trăng sáng, nghe thơ tâm tình hay ngắm những người con gái đẹp trong áo tươi muôn màu.

Chiến tranh đã làm tôi trưởng thành quá nhanh. Đó mới thực là phiền. Ông trưởng thành giúp tôi suy xét, làm tôi băn khoăn khổ sở. Từ ngày bị động viên, tôi tìm hoài một cơ đề cảm sung, đề bắn giết những người bên kia, nhưng trước sau tôi vẫn thấy tôi chiến đấu vô nghĩa.

Một loạt súng nổ làm tôi giật mình tiếng bánh xe nghiêng sát mặt đường. Tôi vớ súng lao xuống vệ đường nhanh chẳng kém một con thằn lằn bị đánh đứt đuôi, lẩn vào bụi rậm. Trung-sĩ Oai kéo chân tôi, thì thào :

— Chắc chúng định cướp G.M.C. Chúng biết xe chở lương mà...

Thật may cho tôi. Xe sau có chở thêm một tiểu đội tới tăng cường cho đồn. Viên pháo thủ đương đứng bắn trung liên trên chiếc G.M.C. đó sau, trúng đạn gục xuống, máu theo cánh tay buông thõng, rõ giọt trên mặt đường. Tình thế không quá nguy hiểm. Đồn còn

cách có hơn hai cây số, tôi dùng máy phát thanh gọi về đồn :

— Gọi ngay Phó trưởng đồn cho tôi ?

— Chính Khai đây. Anh bị phục kích ?

— Dĩ nhiên. Ông tưởng tôi đi săn chắc. Đưa một trung đội đến ngay !

Giọng Khải ngân ngừ :

— Tôi chỉ huy quân tiếp viện à ?

Tôi tức giận định hét ầm lên nhưng nhờ tính dút dặt của Khải, tôi thương hại :

— Bảo Thượng sĩ Ích cũng được. Nhưng mau lên, không tối nay khỏi có ăn rau tươi.

Tôi buông máy, có tiếng loa từ phía đồi thấp trước mặt vẳng lại : « Hàng đi... nộp xe... tha... ». Tôi đưa mắt nhìn lính đương nấp bên vệ đường, bắn liên tiếp bừa bãi. Họ có vẻ không muốn bỏ những xe chở nhiều thứ ăn được chút nào. Tôi gọi Trung sĩ Oai lại, ra lệnh. Hắn gật gật đầu, nhe răng cười một cách khoái chí. Tôi vẫy tay ra hiệu cho hai người lính bỏ theo tôi. Mùi thuốc súng xông vào mũi, tôi như uống thêm một nửa chai Whisky. Tôi vòng ra sau đồi, đeo súng lên vai, tháo kịp lựu đạn. Bỏ trong bụi rậm, tôi lên tới đỉnh đồi, gai móc gần xước hết mặt. Khẩu trung liên của địch áp đảo bọn tôi từ lâu thấp thoáng dưới kia. Mấy bóng người lố nhố. Tôi lắng thật mạnh cả hai trái lựu đạn một lúc, qui lên bắn liên tiếp hai băng tiểu liên. Tôi nghĩ thầm : chỉ cần một tên trong bọn chúng bình tĩnh quay lại, cho một phát Garant là tôi nhào. Nhưng đúng như tôi đoán. Những tiếng xung phong tôi hô ầm ĩ từ phía sau làm họ rút lui khá nhanh.

Ngắm mấy xác người đầy máu nằm úp mặt trên đất, tôi thấy nổi vui vì thắng tan đi. Tôi hơi kinh tởm và chán nản. Viên Trung sĩ lại gần, nhe răng cười :

— Đánh võ mồm thế mà được Trung úy hay thực !

Tôi không nói gì, ra ngồi mũi xe hút thuốc lá đợi quân ở đồn tới. Xe tôi bị bắn vỡ carburateur, nằm im và vô dụng như một cô gái đã trở về già. Oai lại gần báo cáo tổn thất. Một chất trắng lầy nhầy lẫn máu đỏ dính bết một bên giấy. Thấy tôi nhìn, hắn cúi xuống :

— Em vừa đâm phải đầu xác một thằng Vem. Không hiểu nó bị mấy viên vào đầu mà óc vỡ toang.

Oai cúi xuống lau, chắc mùi tanh làm khó chịu nên hắn nguyên rửa-lời thô tục vì sợ cấp trên nên không thoát ra khỏi miệng, lúng búng trong má. Tôi phì cười :

— Anh lau làm gì. Cứ để nguyên thế về đồn, mọi người khỏi muốn mang thịt bỏ tiếp tế ra làm phở tái mỡ ngầu....

Oai há miệng cười hô hố, hàng răng khấp khểnh nhe ra như một con chó. Điều thuốc lá tắt ngấm, máu ở vết thương chảy vào môi tôi thấy mặn như nước mắt Nương. Tự dưng bực tức ở đầu kéo đến. Tôi muốn nguyên rửa một tiếng thật tục như bọn lính dưới quyền, nhưng âm thanh không ra khỏi miệng. Thế mới biết giáo dục bà mẹ cho tôi còn quá nhiều ảnh hưởng. Giá tôi vắng tục được như bọn lính đang thu dọn chiến trường, chắc dễ chịu hơn.

* *

Từ lúc trở về đồn đến giờ, Khải tìm đủ mọi cách để tránh dân mặt tôi. Nếu vì nhiệm vụ phải tới gặp, Khải luôn luôn tìm cách đi cùng

với một người khác — hẳn lợi dụng thói quen của tôi không bao giờ khiến trách ai trước mặt cấp dưới của họ. Ngắm đôi mắt to yếu ớt của Khải sợ sệt nhìn xuống chân, tôi thấy thương hại vô cùng. Không bao giờ hắn biết được tôi miễn hắn như thế nào. Tôi không dám tỏ ra. Khải hèn nhát, và đau khổ cho hắn là chính hắn cũng ý thức được điều đó. Ngày đến nhận chức Trưởng đồn, trông Khải ngượng ngịu giới thiệu các hạ sĩ quan, tôi ngạc nhiên không hiểu Khải ở chốn này làm gì. Người ta cho biết gia đình Khải có thể lực, xin cho Khải về làm văn phòng ở Huế không phải là khó. Tuy dút dặt nhưng chăm chỉ và luôn luôn cố gắng, tôi cảm tình rồi miễn Khải, nhiều như một người em tuy không hiểu hắn nghĩ gì sau làn trán trắng của một đứa bé mới lớn.

Tôi ra khỏi phòng, xuống phía sau đồn. Tôi biết chiều nào vào giờ này, Khải cũng ngồi uống cà-phê một mình ở mô đất gần rào kẽm gai. Mỗi khi đứng trên vọng gác cao, nhìn xuống bóng Khải ngồi chống tay lên đùi, nhìn ra phía giòng sông lững lờ chảy ở xa, tôi lại thấy buồn. Buồn cho cả hắn lẫn tôi. Tôi có ở đây đã vô lý, nhưng hiện diện của Khải lại vô lý hơn. Đáng lẽ giờ này hắn phải ngồi ven bờ sông Hương, trong một khu vườn nhỏ có nhiều hoa, thổi sáo cho các cô gái học Đồng Khánh, tóc xoã nghe...

Tôi lại gần, Khải giật mình đứng dậy, cà-phê trong chén sắt sánh ra ngoài, ướt nâu lớp bụi. Tôi vẩy tay bảo Khải tự nhiên. Hắn rót thêm cà-phê vào chén, đưa tôi, mặt cúi gằm xuống đất. Trông đáng điệu của kẻ dưới quyền, tôi tưởng giả thử tôi không nhận lý cà-phê trong bàn tay

trắng trẻo xinh như tay con gái ấy, tôi tin hẳn sẽ quá xấu hổ đến độ điên lên.

Tôi uống từng ngụm nhỏ, ngắm Khải qua làn khói thuốc, tránh không nhắc gì đến việc hẳn đã sợ không dám mang quận đi cứu viện tôi lúc sáng. Khải thông minh, thừa hiểu lỗi hẳn ở đâu, tôi khiến trách là thừa.

Tôi cất giọng nói, cố ý làm cho tự nhiên như thường lệ :

— Tôi vẫn chưa bao giờ hiểu được tại sao Khải muốn ở lại đây. Đời sống ở nơi này đâu có hợp. . . Khải biết bao giờ tôi cũng chấp thuận đơn xin đổi, và ở Huế, hai cụ...

Khải ngắt lời — lần đầu tiên tôi thấy vẻ cương quyết xuất hiện trên nét mặt hẳn :

— Tôi cảm ơn anh ! Nhưng tôi muốn ở lại đây. Nếu tôi muốn về Huế, tôi đã về từ lâu rồi. Tôi muốn ở lại...Và lại chính tôi xin đổi tôi đây.

Lần đầu tiên tôi thấy Khải nói nhiều về tâm tình. Lúc Khải ngừng nói, tôi đặt tay lên vai hẳn — Tôi thấy thương mến Khải hơn. Tôi nghĩ tới chuyện vừa kể, lòng dịu đi. Biết rõ được tâm trạng một người mình mến, tôi thấy thú vị vì biết sẽ thêm một việc phải làm. Tôi đã hứa là từ giờ trở đi sẽ trao cho Khải chỉ huy những nhiệm vụ nguy hiểm. Chết thì thôi, nếu còn sống, hẳn tin sẽ qua được thử thách, thêm được can đảm. Có thế, Khải mới trở về Huế vì Quỳnh người hẳn yêu, đã khinh bỉ không nhận tình yêu của một kẻ hèn nhát.

Tôi lên vọng gác, nhìn bóng Khải dẫn đầu một tiểu đội, ra khỏi đồn, đi tuần thám vùng lân cận. Tôi biết đi như thế ít hy vọng trở

về — nhưng đó chính là điều Khải muốn. Hẳn muốn thắng chính hẳn, tôi không có lý gì từ chối không giúp.

Bóng tối bao trùm nóc đồn, làm mờ hàng rào thép gai. Ánh điện hiu hắt trong một lỗ châu mai làm tôi nhớ đến ánh nến Nương thường thắp mỗi khi tôi đến thăm ban đêm. Tôi ngồi suy nghĩ trong gió lộng của bóng tối, nhớ từng chi tiết những lần gặp gỡ. Gió làm se vết thương trên má đau bút rứt. Có lần tôi đã ôm Nương hôn nhiều và mạnh đến nỗi Nương không chịu nổi, cố đẩy tôi ra. Nhưng tôi không sao ngừng được. Có một cái cuồng bạo ần nấp trong người, chỉ phối tay tôi, môi tôi. Lúc buông ra, Nương là người khóc, rướm máu. Từ lần ấy, tôi đã cố gắng kìm giữ cho bớt cuồng bạo. Tôi kìm được. Nhưng tôi vẫn tiếp tục làm Nương đau khổ vì những lời dẫn dắt, những đòi hỏi vô lý. Có lẽ tôi hơi sadique. Mà có lẽ thế thật, nếu không tại sao tôi lại thấy một thú vị quái gở khi nhìn Nương khóc nước mắt vì tôi.

Ngay đối với Khải cũng vậy. Tôi hứa giúp Khải trở thành can đảm. Nhưng tôi đã để hẳn đi lúc chiều với mấy thằng lính quen mới tới. Như thế, nếu gặp địch, hẳn sẽ lại bị sợ hãi cố hữu xâm chiếm, và hẳn sẽ trở về, xấu hổ vì mình hơn trước.

Tâm hồn tôi như thế tôi hay lợi dụng sự cứng cỏi của mình, sự mềm yếu của người khác để làm khổ họ một cách tinh tế, để làm nhẹ bớt nỗi ám ức bức tức riêng.

Tôi đi một vòng quanh đồn, kiểm soát các phiên gác. Tôi vào phòng truyền tin, gọi thẳng bạn quen coi truyền tin ở tham mưu.

Tôi nhớ hẳn chuyện họ lời tôi-tôi Nương : tôi khuyên Nương nên lấy Hán ngay vì tôi không thể cưới vợ được.

Tôi định đi ngủ, nhưng những loạt súng nổ lẻ tẻ ở xa làm tôi thao thức đợi tin. Khải vẫn chưa về. Lúc trời đổ tối, lại chỉ có vài loạt súng. Chắc Khải đã chết hay bị bắt làm tù binh.

Tôi thiếp đi trong mệt mỏi, mơ thấy Nương lơ lửng trên trời xanh lượn như một con bướm mới hong khô cánh. Tôi vẫy gọi, tôi gào thét Nương cười, môi đầm máu, rồi đột nhiên rơi xuống, thân thể rã rụa trên hàng rào kẽm gai bao quanh đồn. Tôi bừng tỉnh giấc, mồ hôi thấm ướt lưng áo. Tôi lắng nghe. Đêm im lặng khác thường. Một vài tiếng ho khan ngoài sân buồn bã. Chắc địch sắp đến đồn. Như thế càng hay.

* * *

Sáng hôm sau, sau lễ chào cờ, tôi nhận được tin báo đường giao thông bị cắt đứt hoàn toàn. Sẽ chỉ có hành quân mở đường trong hai ngày nữa. Như thế tôi hiểu là chắc chắn đồn tôi bị đánh trong đêm nay hay đêm mai là chậm nhất. Tôi gọi thượng sĩ Ích, cùng đi kiểm soát lại các vị trí cùng vũ khí đạn dược. Binh sĩ có vẻ bình thần như thường lệ. Tôi không hiểu khi biết rõ tình thế như tôi đã biết, liệu họ có còn được như thế không. Nét mặt vui vẻ, những cái chào thân mật đón tôi mỗi khi đến gần làm tôi vững tâm. Họ mến và tin ở tôi. Lối cư xử với cấp dưới cần cứ vào nhận xét : lính cũng là người với tất cả tâm tình và thắc mắc của một người chứ không phải là những con số, đã mang lại cho tôi kết quả ấy.

Viên Thượng sĩ già theo tôi lên vọng gác. Ông ta ngần ngừ rồi hỏi:

— Chắc Trung úy lo cho ông Khải.

Tôi buồn thởng ống nhòm, lấy thuốc lá mời. Tôi châm lửa hộ kẻ dưới quyền như thường lệ. Thượng sĩ Ích sẵn sóc tôi như một bố già đối với một tiểu chủ đang lưu lạc nơi đất lạ.

— Tại sao Trung úy lại đề ông Khải đi tuần thám làm gì ? Đáng lẽ để cho Oai làm, nó quen việc ấy hơn.

Lối nói thận trọng về Khải của Ích làm tôi hiểu ông ta biết rõ về trường hợp khó xử của tôi. Nhưng câu nói trách móc làm tôi khó chịu. Tôi hơi xẵng giọng :

— Chính ông Khải muốn đi. Tôi đâu có ngu đến nỗi tự ý trao nhiệm vụ cho ông ta.

Ích bối rối, dụi thuốc lá trên thành tường loang lổ, sứt mẻ. Nét mặt đã bắt đầu già của viên hạ sĩ quan làm tôi hơi hối hận. Tôi xoay truyện về một vấn đề khác :

— Ông còn bao nhiêu năm nữa thì về hưu nhỉ ?

— Thừa Trung úy, một năm nữa.

Câu trả lời được vẻ buồn rầu làm tôi cảm động. Tôi hiểu Ích hơn Khải nhiều. Nhập ngũ hơn 20 năm, lên tới chức Thượng sĩ, tóc đã đổi màu. Ước vọng độc nhất của Ích là được thăng lên cấp sĩ quan trước khi về hưu. Ông ôm ấp hy vọng ấy từ bao năm như một nữ sinh giữ hình ảnh người yêu đi xa. Ích chăm chỉ làm việc, tình nguyện trong bất cứ một nhiệm vụ nào, chỉ cốt sao tới một ngày nào đó được đeo một vạch vàng trên vai.

— Trung úy liệu thế có giữ được đồn không ?

— Ý ông ra sao ?

— Dạ, thưa tôi...cũng. Tôi tin có thể giữ được.

Tôi phì cười vì câu nói vụng về của Ích. Ích đỏ mặt, lúng túng nhìn ra phía ngoài đồn :

— Trung úy, có hai người đang bằng đồng tới gần,

Tôi vội đưa ống nhòm lên. Khải đi với một người lạ mặc quân phục tác chiến của Việt-Minh. Cả hai không mang khí giới.

— Ông xuống đón Chuẩn úy xem có truyện gì. Chắc có nhiều sự lạ.

Khải vào đồn một mình, đầu cúi gằm, dăng đi thăm hại hơn bao giờ hết. Không đợi Khải nói, tôi hỏi :

— Tụi lính mới đào ngũ hết ?

Khải gật đầu, mặt nhọc ngồi xuống ghế, kể lể như một con chiến thú tội với ông cha. Toán quân của Khải bị sa vào ổ phục kích trên đường về đồn, Khải bị bắt làm tù binh. Nhưng sau khi tra hỏi lý lịch, trung đoàn trưởng ra lệnh tha, cho người đưa về và chuyển lời muốn gặp tôi. Tôi không ngạc nhiên về đề nghị này. Tên viên trung đoàn trưởng không xa lạ gì với tôi. Hắn là bạn học cùng trường cũ, hơn tôi năm tuổi nhưng chơi khá thân.

Tôi cho gọi tên lính Việt-Minh vào, trả lời sẵn lòng gặp nhưng sẽ không gặp bên ngoài. Cuộc hội kiến sẽ xảy ra tại đồn và không được mang theo quá hai người hộ vệ. Tôi cười, chú thích thêm :

— Đồng chí về nói lại là tôi sẽ đón tiếp đồng chí trung đoàn trưởng như thượng khách. Các đồng chí thường chế riều danh dự là sản phẩm vô nghĩa của trí thức, của tư sản... Nhưng chính các sản phẩm ấy sẽ bảo đảm an ninh cho các đồng chí đến đây.

Nói câu ấy, tôi tin tên này chẳng hiểu gì, nhưng Ứng — viên trung đoàn trưởng — sẽ hiểu, sẽ đến vì hắn cũng xuất thân trí thức tiểu tư sản

như tôi tuy đã lột xác dăm bảy bận.

Khải ngồi im từ lúc về, tay đỡ cằm, dáng điệu ủ rũ hơn cả một con chó bị mắng. Tôi an ủi :

— Khải này ! Đừng có cho rằng bị bắt làm tù binh mà hèn.

● Tôi ở trong trường hợp ấy, chắc chắn tôi cũng hèn.

Khải ngừng đầu :

— Anh nói thực chứ ?

— Dĩ nhiên ! Chiến đấu nữa trong trường hợp ấy là tự tử.

Khải không nói gì, lẳng lặng bước ra khỏi buồng. Tôi thở dài, bực dọc vô cớ.

Sáng hôm sau, Ứng đến đồn với hai người hộ vệ. Tôi cười tiếp đón niềm nở. Ứng có vẻ ngượng nghịu nhưng đầy tự tin ăn nấp. Tôi đưa Ứng xuống mô đất phẳng gần rào kẽm gai, nơi Khải thường ngồi uống cà phê. Tôi đã đoán đúng, Ứng tỏ vẻ khoan khoái nhận điều philip tôi mời. Tôi cười :

— Mỹ tuy « đế quốc tư bản » thật, nhưng thuốc Mỹ thì chắc anh vẫn phải công nhận là ngon.

Ứng không trả lời, thở khói từ từ, cặp mắt sắc dò xét tôi. Tôi hỏi :

— Anh đến có việc gì ? Chắc không phải chỉ để thăm một thằng bạn cũ...

Ứng cười, nhưng nét mặt thay đổi rất ít, khó mà đoán được hắn nghĩ gì. Tôi hỏi thẳng :

— Chắc đồn tôi bị đánh đêm nay ?

Ứng gật đầu, gọi tôi bằng cậu như hồi cùng học :

— Tôi đến đề nghị cậu nên hàng đi. Chỗ tình bạn, tôi nói thật, cậu chống lại sao nổi. Cậu biết thừa

như thế... Cậu hàng sẽ được Bạc, Đảng và Chính phủ khoan hồng,

Về vấn đề này, tôi đã nghĩ nhiều nên câu trả lời đến ngay không khó khăn :

— Tôi rất tiếc không thể nhận đề nghị của anh. Tôi sẽ giữ đồn. 24 giờ nữa sẽ có quân mở đường từ Huế tới.

— Nhưng liệu cậu có giữ được qua đêm nay không đã ? Hai đồn kia không đánh sẽ tan. Nhiều binh sĩ trong đồn đã quay về với kháng chiến. Cậu hàng đi, chỗ bạn cũ, tôi mới tìm cách giúp cậu....

Tôi cười :

— Anh đóng kịch vẫn dở như ngày trước. Các đồng chí của anh thừa biết rằng đồn của tôi khó nhá nên tôi thuyết phục. Anh tưởng tôi ngây thơ tin anh còn coi tôi là bạn sao ? Anh lột xác, anh từ bỏ gia đình, anh dự vào vụ tố khổ bà nội anh ra sao, tôi không biết chắc ?... Chúng ta xa nhau quá rồi. Thôi anh về đi. Tôi sẽ hàng khi nào bán hết đạn.

Ứng im lặng đứng dậy, đưa trả bao thuốc lá. Tôi từ chối không lấy lại :

— Anh giữ lấy mà hút, gọi là chút quà của bạn cũ :

Tiến Ứng tới cổng đồn, tôi thấy cần phải cắt nghĩa rõ cho hẳn hiểu thái độ của tôi :

— Dĩ nhiên hiện giờ tôi chống lại cái mà các anh gọi là « kháng chiến », là « cuộc chiến đấu giành độc lập của dân tộc » Nhưng làm thế nào được, tôi không thể vừa theo kháng chiến, nếu có thật sự, vừa theo cộng-sản các anh....

— Nhưng cậu cũng không thể lấy cớ chống cộng-sản chúng tôi để giúp phong kiến và thực dân Pháp !

Tôi im lặng. Lời nói của Ứng đâm

vào tim tôi đau nhói. Hắn nói đúng Nhưng tôi biết đi đâu bây giờ? Không thể đi với Cộng-sản, vậy giả thử tôi có đào ngũ, tôi biết tìm đâu trên cõi Việt-Nam này một đất sống. Nhìn bóng Ứng đi xa dần, tôi chợt thấy thân phận tôi chẳng khác gì những người lính lê-dương mũ trắng. Nhưng họ sung sướng hơn tôi vì họ không còn tổ quốc. Nhưng còn tôi ? Tôi chưa xót đến muốn gục đầu vào tay : tôi đã là một người lính lê-dương trên chính đất nước tôi.

Tôi xuống mồ đất chân đồi, ngồi xuống cạnh Khải, lặng lẽ châm thuốc hút. Khải như không để ý gì đến tôi, vừa pha cà phê vừa hát nho nhỏ một bản ngoại quốc. Âm thanh yếu ớt, lạch lạch than vãn :

— Cindy, em ôi Cindy

Em đừng bỏ rơi anh

Hãy viết cho anh một lá thư.

Anh nghe Khải hát, đột nhiên thấy buồn khóc như một đứa trẻ.

Chiều đến, tôi gọi Thượng sĩ Ích và Khải lên, trình bày kế hoạch giữ đồn. Các sự kiện thật rõ ràng : đồn sẽ không thể giữ nổi ba giờ nếu không có một phương pháp phòng thủ đặc biệt. Quân số địch ước lượng độ hai tiểu đoàn có S.K.Z. Hai thuộc cấp im lặng nhìn tôi chờ đợi. Tôi dở bản đồ, cắt nghĩa đại cương kế hoạch :

— Tôi sẽ mang một trung đội lẫn ra ngoài đồn lúc trời vừa tối, nấp ở ven sông. Sau khi địch bao vây đồn, tôi sẽ đánh vào, tìm cách tiêu diệt bất ngờ hững S.K.Z và ở trung liên... Địch vẫn khinh thường bọn mình là dốt như dân ngày, tất không thể ngờ đến điểm tôi dám mang quân ban đêm ra ngoài đồn. Địch tất ngạc nhiên bối rối, kế hoạch bị đảo lộn và sẽ rút lui.

như thế, hy vọng sẽ giữ được đồn cho tới khi có quân ở Huế tới.

Khải mím môi. Tôi biết hẳn nghĩ gì, nhưng tôi giả vờ không hiểu :

Khải sẽ cùng ông Ích, thay tôi chỉ huy đồn đêm nay. Nếu tôi đánh vào không nổi, tôi sẽ áp dụng « kế thứ 36 »

Ích cười :

— Thế còn đồn ? Thế con tụi tôi ?

— Trong trường hợp ấy, đầu hàng đi !

Tôi đứng dậy, châm thuốc hút, ra lệnh :

— Ông Ích xuống cho trung đội của Oai sửa soạn. Cho họ biết rõ ý định của tôi !

Khải đứng dậy theo, môi vi mím nhiều quá, đỏ hồng lên như môi con gái :

— Anh... Anh đề tôi chỉ huy toán quân ấy.

Tôi im lặng. Khải níu lấy cánh tay tôi như một đứa trẻ đòi quà mẹ đi chợ về. Tôi nhìn ra ngoài đồn, cây cối trơ trụi, giòng sông mất vẻ hiền lành quen thuộc thường ngày. Tì tay vào thành tường, tôi chậm rãi nói :

— Thế cũng được. Khải chỉ huy toán quân đó, ông Ích sẽ đi cùng. Bảo, Oai ở lại đồn với tôi.

Khải sung sướng bỏ nhào vào buồng riêng sửa soạn. Tiếng hẳn hắt nghêu ngao vắng vắng :

Cindy, Em Cindy

Em đừng bỏ rơi anh. . . .

Anh đã đi khắp bốn đại dương.

Nhưng không đâu anh tìm thấy một người con gái dịu hiền như em

Em Cindy, em đừng bỏ anh. . . .

Ích nhìn tôi, khe khẽ lắc đầu.

Tôi đưa thuốc lá mời, hai người hút trong vũng ánh nắng nhạt của buổi chiều.

* * *

Tôi tựa người vào bức tường đồ một nửa, ám khói đen, ngấm quang cảnh đồn tan nát, nằm dưới những tia nắng đầu tiên của một ngày. Vết thương ở vai đau nhói mỗi lần đưa thuốc lá lên hút. Những thương binh nằm thành hàng giữa sân. Khí ẩm và nắng tươi làm nhiều người thức tỉnh, những tiếng rên nho nhỏ lẫn với làn khói đen từ một gốc đồn bốc lên.

Tôi mệt mỏi đến nỗi chỉ muốn được như những kẻ bị thương nằm kia — họ dù sao đã làm xong nhiệm vụ và bây giờ được phép yên nghỉ và nghĩ tới những vui thú của cuộc đời. Còn tôi, tôi đã thắng trận giữ được đồn nhưng tôi hiểu từ giờ trở đi lòng thích đánh nhau vẫn nâng đỡ tôi cũng không còn nữa. Tôi hiện không còn gì cả, không lý tưởng, không mục đích, không tình yêu và không còn cả tới một lòng ham mê đơn giản trong chiến đấu. Tôi chẳng còn gì ngoài một chút chua xót bám dai đẳng ở đầu lưỡi. Cảm giác này không rời tôi từ lúc mang quân ra ngoài đồn thu dọn chiến trường. Toán quân của Khải — nói cho đúng hơn, những kẻ sống sót, — đóng ở ven sông, Khải bị thương nặng nằm trên một tấm bạt trải trên cát, mê man trong lớp băng quần tằm bọt khô đặc máu. Thương sĩ Ích, mệt mỏi ngồi trên một phiến đá kê bên, không đợi tôi hỏi, bắt đầu kể lể : Trận phục kích diễn ra đúng như đã định. Ích và Khải mỗi người tiến đánh một ổ súng S.K.Z. Sau khi thành nhiệm vụ, chạy rút ra bờ sông, không thấy Khải. Ngay

sau khi quân địch rút lui, Ích trở lại tìm và thấy Khải nằm gục trên vũng máu, gần khẩu S.K.Z của địch đã bị phá hủy... Ích kết luận :

— Không ngờ ông Khải hăng thế. Hơn bọn tôi nhiều, lính bây giờ phục ông ấy sát đất.

Tôi đặt tay lên vai Khải, lay nhẹ: Khải rên lên một tiếng ngắn, mở mắt nhìn lên khoảng không gian trên cao đầy những mây sáng rực của buổi sớm. Lòng tôi se lại tuy đã nhiều lần chứng kiến cảnh hấp hối của bạn đồng ngũ. Khải còn nhận ra tôi, cười yếu ớt. Tôi cố giữ giọng bình thản :

— Khá lắm Khải ạ ! Bọn mình đã giữ được đồn.

Khải ngáp ngừng :

— Bây giờ mọi người,... bọn lính nghĩ thế nào về tôi ?

Ích hấp tấp nói chen vào :

— Nghĩ thế nào ấy à ? Bọn lính bàn tán hoài về Chuẩn úy. Chúng phục lẫn. Chúng bảo chắc từ trước đến giờ, Chuẩn úy chỉ giả vờ là dốt thôi.

Khải cười — từ ngày gặp, chưa bao giờ tôi thấy Khải sung sướng như vậy. Khói đen từ đồn đồi chiều lan về phía sông, che ánh nắng trên đất, Khải lầm bầm như nói một mình :

— Tôi đã can đảm. Tôi sẽ về Huế... Tôi gặp Quỳnh.

Một giòng máu đỏ ứa ra, chảy theo góc miệng. Khói đã bắt đầu tan bớt, nắng chiều xuống làm tươi máu, đỏ thắm. Tôi thu quân trở về đồn, làm báo cáo gửi về bộ tham mưu. Xong việc, tôi vào phòng riêng nhưng không sao nhắm được mắt. Tôi xuống chỗ mộ đất nơi Khải thường ngồi mỗi chiều. Hàng rào kẽm gai đứt tung,

nhiều đoạn đứt máu. Những sợi giây sắc cạnh quấn rối quanh các cột. Tôi tưởng chừng như chúng cũng đang quấn quanh tim tôi.

Sáng hôm sau có quân ở Huế tới đóng đồn thay thế cho đơn vị cũ. Đại tá P. tuyên dương công trạng binh sĩ. Trung sĩ Oai và tôi được Croix de guerre. Ích, Khải được thăng Thiếu úy. Thiếu lon mới, tôi tháo nốt một bên cầu vai — bên kia tôi đã tháo, gài lên ngực. Khải trước khi chôn. — lấy lon ra đeo cho Ích. Nhìn viên Thượng sĩ già nghẹn ngào sung sướng, nước mắt đọng bên mi, lần đầu tiên từ mấy hôm nay tôi mới thấy xuất hiện trong tâm một niềm vui nhỏ.

Buổi chiều, đưa Đại tá P. ra thăm mộ Khải, tôi giới thiệu

— Đây là người can đảm nhất trong trận đánh vừa qua.

Miệng nói, tay mân mê chiếc huy chương trên ngực, lòng muốn khóc nhưng nước mắt không ra. Tôi cười vậy :

— Hắn nằm đây chắc buồn lắm. Tôi đi rồi, hắn mất người đối ẩm cà phê.

P. im lặng nhìn tôi. Tôi đoán chắc ông ta biết nỗi khổ của tôi.

— Thưa Đại tá, chiếc huy chương tôi đang đeo có ý nghĩa như thế nào nhỉ ?

P. rút tay thuốc lá ra khỏi miệng ngạc nhiên trả lời :

— Đại khái là... Nó là biểu lộ cho lòng can đảm, và cũng là thưởng cho các chiến binh đã lập được công.

Tôi mỉm cười :

— Nếu ý nghĩ như thế, có lẽ tôi không cần đeo nó. Tôi biết thừa là tôi can đảm, không cần phải đợi

người ta bảo mới biết, còn công ao...xét cho cùng, cái mà các ông cho là công lao, chưa chắc đã là công lao đâu. . . .

Tôi tháo huy chương ném lên mộ. Đất mới đắp lẫn những lá cỏ xanh vụn. P. im lặng hút thuốc.

Trước khi từ giã rời đồn. P. bắt chặt tay tôi :

— Lần này tôi vĩnh biệt chú bé. Tuần sau tôi sẽ về Pháp. Tôi đã rút cậu khỏi đơn vị tác chiến và đã xin cho cậu vào Saigon học Anh ngữ. Sau đó sẽ được gởi sang Hoa-Kỳ làm thông dịch viên cho các lớp học tu nghiệp Sĩ quan. Năm bên đó mà chờ đợi tình hình Việt-Nam sáng sủa hơn, chắc cậu dễ chịu hơn ở đây...Đó là món quà từ biệt của lính già này. . . .

Tôi cảm ơn P. và lần đầu tiên từ khi bị động viên, tôi thành thực muốn bắt tay một võ quan Pháp.

Ba ngày sau, vừa đỗ xe trong sân Bộ Tham Mưu, các bạn đã xô lại mừng rỡ. họ làm như tôi vừa ở dưới địa ngục lên không bằng. Tôi chưa kịp vui vẻ vì gặp lại các bạn thân, tim đã thất lại vì một câu nói đùa :

— Mà về đề hát bài « Je vais à ton mariage » cho nàng Nương hả ?

Tôi giữ vẻ bình thản, hỏi :

— Nương sắp lấy chồng ?

— Nàng không báo gì cho mày biết à ? Mẹ vừa chết, cưới chạy tang. Lấy Hán làm ở Thông Tin. Chắc giờ này sắp rước dâu.

Tôi mở máy, sang số cho xe chạy từ từ, cười vẩy tay :

— Tao xin lỗi, tối gặp nhau. Bây

giờ tao phải tới dự đám cưới nàng. Nghĩa tử là nghĩa tận mà. Này Hoàng ! câu thứ hai của bài hát mày nói ban nãy thế nào nhỉ ? Tao phải nhớ đề chút nữa hát chứ.

Không ai cười. Họ im lặng đứng nhìn tôi đi xa dần. Tôi giơ tay phủi bớt lớp bụi trắng bám đầy bộ quân phục tác chiến, cho xe chạy mau qua cầu. Giòng nước trong mát làm tôi nhớ đến vài câu hát của Khải :

Em đừng bỏ rơi anh

Hãy viết cho anh một lá thư. . . .

. . . . Không đâu anh tìm thấy một người hiền dịu như em. . . .

Lúc rẽ vào con đường dẫn tới nhà Nương, cô dâu đã bắt đầu lên xe hoa. Thoáng thấy đầu đầy một đôi mắt to và đen dưới vành nón. Tôi cho xe chạy nhanh vụt qua. Lớp bụi trắng cuộn lên phía sau xe như khói.

Một sĩ quan bạn quen vẫy lại. Tôi ngừng xe, đợi hắn lên ngồi cạnh. Hắn hỏi :

— Mà vừa ở đồn về ?

— Ừ.

Hắn nhìn tôi ngạc nhiên :

— Sao, mày khóc đấy à ?

Tôi cười :

— Không ! làm gì có chuyện lạ ấy. Mặt tao đi xa về bụi bẩn, tao cho nước mắt tiết ra để rửa mặt đấy chứ.

Tôi giơ tay quệt ngang mặt. Bụi bẩn bắn ra tay áo. Tôi nghĩ thầm : lối rửa mặt này thế mà tiện. Cần phải phổ biến mới được.

THẾ - UYÊN

Tháng 6 năm 1960



MẶN NGỌT

(Gửi G. C)

Vị tục nương kia đành lưỡi nhạt,
Tình đời thế ấy vẫn lòng son !
Ai rằng đất lạ toàn chua chát,
Ta cảm trời bù hóa dịu ngon
Mặn ngọt đã ngờ đen với đỏ,
Đắng cay không hổ nước cùng non !
Lên lầu ngâm lại vần thơ cũ,
Đợi gió hoà theo khúc nhạc buồn !

HỌC-CANH

Sầu trăng

Tặng các bạn thơ đất Sagiang

Lau khô xào xạc-trắng cồn,
Bảng khuâng gió đến tìm thương dáng chiều
Hợp bày chim mỗi cánh theo,
Đầu sóng đất lở hồn xiêu khói mờ.

Trời tàn sóng lạnh nhấp-nhó,
Trăng lên qua dãy nước bờ sau thôn.
Nhịp chèo lay-lắt trong hồn,
Thuyền về hay vẫn theo nguồn thời-gian?

Cầu hò trên bến Sagiang,
Nửa đêm trầm bóng nhuộm vàng ánh trăng.
Sau mui trỗi điệu đàn Nam,
Thương-hờ khách cũng chứa chan nỗi sầu.

Sầu trăng rải 7 nhiệm màu,
Cho tình nghệ-sĩ đêm thâu lạnh đôn.
Nhạc trăng trăng nhạc về thôn
Mắt ai trầm đọng mi buồn ra khơi.
Xưởng ơi! ngừng lại khoan bơi,
Kèo văng trăng vỡ ánh ngời lòng ta.

Sagiang
TRẦN-TUẤN-KIỆT

lá thư **ALGER**

Alger ngày 23 tháng 6 năm 60

Chị Vinh,

Thư này em gửi cho chị từ Alger, chị có ngạc nhiên tại sao em lại nhảy nhanh thế nhưng Alger hiện giờ là mục tiêu của câu chuyện trên các đài phát thanh, báo chí và chính khách ở Âu-Châu. Chả nhẽ chỉ mất có hai giờ caravelle (máy bay thường phải hơn 6 giờ) mà em lại không bay sang một vòng xem cho nó rõ ràng thì cũng hơi phí, ngày nào về nước đầu có hoàn cảnh đi cũng phải mất nhiều thì giờ và tiền vé máy bay cũng nặng hơn.

Không khí Alger gợi cho em nhớ nước Việt-Nam cách mấy năm về trước, hình ảnh những người lính Pháp mặt mày thơ ngây xúng xính trong bộ quân phục kaki đi rào khắp mọi nẻo đường. Thành phố rộng lớn, nhiều nhà cửa ngang dọc, nhìn xa hơi giống Hồng Kông ở cái điểm nhà xây từng lớp theo chiều cao của núi, có bờ bệ ôm quanh.

Alger chia ra làm hai phần, một phần là khu vực của người Âu, và một phần là khu vực của người Á-rập. Ở đây người Pháp được gọi là « pieds noirs » nguyên văn xin dịch là « chân đen ». Trên máy bay em

ngồi cạnh một ông chân đen nên đã có dịp phỏng vấn vì sao lại có cái tên chân đen ấy. Theo lời ông ta thì nguyên do tại người Ma-rốc (điểm này chắc do dân Alger nói ra vì cái gì xấu thì không ai muốn nhận) chuyên môn đi đất chứ không bao giờ biết đi giày, vì thế mà chân cứ đen thui đen thui vì bẩn, vì nắng và cũng do một phần ở màu da nên người Pháp ở nước Pháp mang cái chữ chân đen để gán cho tất cả những người Pháp nào ở Alger. Không biết sự thực có đúng như thế nhưng ở Pháp và ở Alger mà nói đến chân đen thì ai cũng biết đấy là dành riêng cho những người Pháp sinh cơ lập nghiệp ở Alger.

Không ai nói đến những người chân đen mà không nhắc mũi vì những người này đại diện cho dân Pháp ở đất thuộc địa, hách dịch, khó ngửi ? Hân không nhắc chị cũng nhớ đến hình ảnh những bà Công Sứ, ông mật thám ở bên nhà ngày xưa.

Bên cạnh khu vực của người Âu là khu vực của người Á-rập, đến đây em muốn mở vòng đề hỏi có phải sự sạch sẽ là một sự sang trọng chăng ? có phải chỉ những người giàu, tiền dư mới có thể ở sạch được không ? Cũng như mọi người em vẫn nghe tả mà không bao giờ có thể tưởng tượng được. Nói đến người Á-rập em vẫn còn hình dung đến những câu chuyện trong « Một Nghìn Một Đêm Lẻ » lúc bước chân đến khu Kasbah em mới giật mình. Từng đám người ăn mặc cầu thả có thể nói rằng bẩn thỉu, đang vây chung quanh một người hát, hoặc nghe quảng cáo thuốc ẽ (chắc thế), đấy là một sự giải trí rẻ tiền của dân chúng. Có những người bò bằng đầu gối, có những bộ xương gầy lê lét ở chung quanh. Đây đó thấy một vài người ngồi xếp xuống đất trước mặt có một hũ nước và mấy cốc nước màu vàng đục, chung quanh ruồi nhặng đang bay, bụi với ruồi như thế, không biết họ sẽ bán cho ai. Người cứ nhung nhúc ra, em có cảm tưởng đấy là những kẻ sinh thừa trong nhân loại. Các tiệm nước thì chỉ thấy có đàn ông, họa hoàng lắm mới thấy thấp thoáng bóng một người đàn bà đang rào bước, người trắng toát từ đầu xuống chân, miệng và mũi cũng che bằng chiếc khăn trắng. Ban đêm đi một mình mà thấy thế, chắc em sẽ hét lên vì ngỡ rằng ma. Cái mạng che mặt của họ đối với em là một bức tường ngăn cách, hẳn có nhiều người cũng nghĩ như thế. Cái lối bịt đầu bịt miệng ấy khiến cho mình không làm sao thấy cái miệng cười và cố nhiên là nụ cười cả đôi mắt cũng không cười, em tức lắm ; cái lối này đã ăn cắp cả một công trình của tạo hóa. Người mà không cười thì khác gì tượng đá.

Khu Kasbah của Alger sẽ đẹp nếu ta chỉ bằng lòng đứng xa nhìn đến, từng lớp nhà cửa dền dài rất uy nghi. Bước lại gần thì khắp mọi hẻm đường chung quanh các đền thờ đều tỏa ra một mùi hôi u uất do ở

các đồng rác được tưới thêm bằng nước tiểu của mọi người. Càng đi sâu vào các hẻm, em càng cảm thấy rợn. Cố nhiên thỉnh thoảng cũng có một chiếc xe hơi bóng nhoáng lướt qua, bên trong dẫu mấy cái mạng thêu che mặt, đằng trước có tài xế lái xe mặc áo đội mũ sang trọng. Một vài chiếc xe hơi như thế chỉ làm tăng thêm cái mùi rác bần và những nét mặt hốc hác của đám dân chúng đang đi lại, hoặc nằm ngang dọc ngoài đường.

Đây là khu vực Á rập, ở khu vực người Âu thì sạch sẽ hơn tuy nhiên phải công nhận cái sự gần mực thì đen của con người. Nói thế chắc ngày em về chị phải nấu sẵn một thùng nước sôi để tẩy trần cho em chẳng ? Ai mới đến Alger cũng có những ý nghĩ giống em nhưng hình như càng ở lâu thì cảm tình với sống núi càng nảy nở, phải nhận rằng Alger có bề rất gần, khí hậu tốt, rất nhiều hoa quả, mận và đào là hai màu sắc chiếm nhiều nhất về mùa này. Những đồi thông giống hệt Đà Lạt, đi không khéo thì lạc lung tung cả lên. Alger lại có nhiều cảnh hoang vu đẹp lắm, có cây nhiều và cành lá rất thông minh. Cảnh nào cũng biết nói chuyện chứ không « dục » ra như ở những xứ khác.

Từ hôm em sang đến nay trời nắng tốt, nhưng vì em đang quen với khí hậu Paris nên hơi buồn ngủ, em chỉ sợ đây không phải là một xứ đề sáng tác như em mong. Mấy hôm nay dân Alger và Chân đen đang xôn xao với tình hình chính trị. Có gì thư sau em sẽ viết kể thêm cho chị nghe, quên nói với chị là Alger cũng có một hiệu ăn Việt Nam, khá đắt nhưng nấu ăn thận hơn Paris. Có dịp đi Sahara em sẽ không quên viết thư về cho chị.

MINH-ĐỨC

CON CÁ GIẾC MẮC CẠ

Trang-Chu, người nước Sở, nhà nghèo, phải sang nhà bạn vay gạo. Người bạn nói :

— Nhà ngươi hãy ráng chờ, khi nào được vàng ta sẽ cho nhà ngươi vay hai trăm lượng.

Chu giận lắm, nói :

— Hôm qua ta sang đây, giữa đường nghe có tiếng gọi, ngoảnh lại thấy trong vệt bánh xe có con cá giếc bị mắc cạn. Nó bảo ta rằng :

— Ta là thần sông ở biển Đông-Hải, qua đây chẳng may mắc cạn, nhờ nhà ngươi cho xin một gáo nước, để cứu ta sống, được không ?

Chu này đáp rằng :

— Được, đợi đây, ta sẽ khơi sông Tây-Giang cho nước chảy vào để cứu nhà ngươi.

Con cá giếc nói : « Ta chỉ cần một gáo nước là đủ sống rồi, đợi nhà ngươi khơi được nước sông Tây-Giang chảy về đây, thì chỉ còn tìm thấy ta ở hàng cá khô ngoài chợ ».

Trang-Tử

SÀU ĐÊM

Tiếng vông nhà ai kéo kẹt hờ
Vang buồn như lạc giữa bơ-vơ
Dư âm chen tắc bầu sương lạnh
Ngẩn-ngủi mà than cái thần-thờ

Trời cao bàng bạc những đường mây
Lá ướp sương thu lạnh buốt đầy
Hồn ai như oán như than ấỵ
Thoang-thoảng bên hè phất gió lay

Màu thu ứa lệ giết hồn mơ
Ai hận vì ai, ai đợi chờ
Đề phải canh khuya còn nước-nở
Còn nhìn dĩ vãng uống tơ-thơ

Chừ đã còn đâu, đã có đâu
Hương thu loang-loáng nhuộm muộn sầu
Lá rơi để đếm từng tan vỡ
Từng vết thương lòng vết bề dẫu

Nhà ai chừng vẫn thức trông sao
Có phải tâm-tư sống dạt-dào
Muốn ép hồn thu về mộ giới
Chừ đưa duyên kiếp vội tình đau ?

Thà để người ta biết khổ đau
Hoa tim ảm ử máu tim trào
Mới nghe nước-nở bờ môi tím
Chừ thế, người ta mới hiểu nhau.

LỮ-HỒ

CHIẾC LÁ XANH RƠI

Truyện ngắn của THẠCH-HÀ

CHIỀU hôm nay Hường không cho Bé Nga ăn cơm vì thấy con hơi ảm đầu. Chị Hai chỉ lau sơ mình bé bằng nước nóng, và cho ăn cháo lỏng. Bé nhác chơi, chỉ muốn ngồi hay nằm yên một chỗ.

Một tay Hường đã nuôi lớn năm con đứa lớn mười bốn tuổi, đứa nhỏ nhất ngoài bốn tuổi, đã trải qua bao nhiêu phen con ốm. Sốt, cảm hay đau đầu nghẹt mũi là chuyện rất thường vì Hường đã có nhiều kinh nghiệm và tử thuốc gia đình cũng khá đầy đủ.

Sơn đi làm việc về nghe các con bảo là Bé Nga sốt thì vội vã chạy thẳng vào phòng con không kịp cắt chiếc mũ. Đặt tay lên trán con và sờ cổ thấy không nguy hiểm lắm Sơn mới yên tâm. Bé Nga nhìn cha cười và thỏ thẻ :

— Con không có ăn cơm ba ạ !
Me cho con uống thuốc rồi.

Sơn âu yếm trả lời :

— Ừ con ngoan, chóng khỏi ba sẽ thưởng !

Hường đến cạnh chõng đỡ lấy chiếc mũ và đưa ly nước mía mua

đề dành sẵn như thường lệ cho Sơn uống.

Ngồi xuống bên con, Hường sửa lại chiếc chăn bừa bãi và xóc lại gối, trong khi đỡ con ngồi dậy. Hường hỏi Bé :

— Chiều nay me đi vắng con có ra gian nắng phải không ?

Bé Nga cười, hai tay mân mê tà chăn mắt nhìn me ngập ngừng muốn nói. Hường hỏi thêm :

— Có không. Con theo các chị ra vườn rau phải không ?

Bé Nga đáp :

— Con đi bắt bướm me ạ !

Hường nói :

— Me biết lắm ! Con chạy đi bắt bướm gian nắng cho nên bây giờ sốt đó.

Ăn cơm tối xong, cả nhà lại quây quần bên giường Bé Nga để với Bé. Các chị thì chơi « nấu ăn dọn cỗ », các anh đọc sách hay là đùa nghịch với nhau. Bé ngồi nhìn theo thỉnh thoảng lại điểm một nụ cười khó khan.

Hường ngồi bên con đọc báo. Sơn cặm cụi ở phòng bên đang bận viết — Tiếng nô đùa cười

giống có khi lại thái quá, Hường phải quát các con :

— Em mệt, đừng làm ồn, để cho em nghỉ — Còn ba đang làm việc bên kia, chúng bây không kiếng nề gì cả.

Bầy trẻ dịu giọng một lúc nhưng rồi lại quen đà huyền não lại.

Hường dìu Bé Nga nằm và đuổi các con đi ngủ. Nước da Bé có vẻ nóng hơn ban chiều. Bé nằm thiêm thiếp ngủ nhưng hễ có ai đến bên cạnh hỏi han săn sóc thì lại nhoẽn miệng cười. Hường nhét một viên thuốc hạ sốt ở hậu môn xong mới yên tâm đi nghỉ. Khác hẳn với mọi đêm, hôm nay Sơn thức khuya hơn thường. Cầm cùi ở bàn giấy một hồi lại bước qua phòng con sờ tay vào trán và lắng nghe hơi thở.

Bé Nga vẫn ngủ yên và thở đều đặn không có vẻ mệt nhọc. Thỉnh thoảng trở mình nằm nghiêng một bên, đá tung mảnh chăn dạ. Chiếc vạt giường gỗ kêu răng rắc theo chuyển động của Bé trong đêm khuya nghe quá rõ. Mỗi lần con trở mình là Hường ở phòng bên lại nín thở lắng tai nghe ngóng.

Sơn cố nhắm mắt nhưng không sao ngủ được. Cố nhớ lại từ khoảng đầu hôm sau buổi cơm chiều xem có uống trà hay cà-phê ở đâu, làm cho thần kinh căng thẳng, nhưng tuyệt nhiên không có. Cầm sách lên đọc thì cay mắt như muốn ngủ và lại sợ mở đèn sáng Hường bị chói không ngủ được. Mà hễ tắt đèn thì cứ tỉnh táo như khách đi chơi đêm. Trí óc suy nghĩ lang bang từ chuyện này qua chuyện khác không có trật tự. Sơn cảm thấy lòng bồi hồi khác thường. Tự nhiên Sơn lại vùng dậy qua phòng con và sờ tay vào trán Bé, sửa lại tấm chăn, liếc mắt nhìn quanh các con đang say sưa ngủ, rồi lại trở về phòng mình.

Chiếc đồng hồ cổ đánh từng nửa giờ lại gõ một tiếng khàn khàn^a cọt ngùn như lưỡi biếng chỉ muốn làm việc lấy rồi. Sơn đoán chừng nhưng không biết rõ là nửa giờ khuya, một giờ hay một giờ rưỡi sáng. Cũng có thể là một cái « rưởi » của giờ nào đó nhưng sao Sơn lại nhất định là đang vào khoảng nửa đêm. Sơn đinh ninh rằng chưa đến ba sáng bởi từ lúc đi nằm đến giờ chưa chớp mắt được một giấc nào cả.

Sơn chờ đợi đồng hồ gõ một lần nữa. Trong im lặng đêm khuya chỉ còn những tiếng « tích tắc » chậm rãi của thời gian, đếm cho tiếng thở đều của Hường đang nằm bên cạnh. Thỉnh thoảng một đứa con mê ngủ mở một câu hay là ho đôi ba tiếng. Đêm nay Sơn cứ phải chạy qua phòng con mỗi khi có tiếng ho tiếng mở. Thường khi hễ đặt mình là ngủ li bì và dù cho có động tĩnh gì Sơn cũng rất lười dậy đi kiểm soát, nhưng qua đến phòng con mấy lần mà cũng quên nhìn đồng hồ. Khi trở về giường mình thì lại thao thức chờ đợi.

Máy đồng hồ chuyển đánh nghe rõ những bánh xe khô dầu đang ăn khớp vào nhau đưa đẩy cho chiếc búa lên cao. Sơn chờ đợi cái phút chuẩn bị dánh búa ấy lòng hồi hộp bồn chồn. Sơn mong cho qua ba giờ sáng. Cũng không biết tại sao Sơn lại sợ khoảng thời gian ba giờ sáng đến thế ! Sơn tự bảo :

— Hễ quá ba giờ sáng mà yên ổn thì sẽ không xảy ra chuyện gì cả.

Kinh nghiệm riêng mình và rút ở chung quanh cho Sơn thấy bao nhiêu biến cố đã xảy ra lúc ba giờ sáng, không thể thì ai lại đặt một bài hát « Ba giờ sáng » làm gì ! Nhiều mối tình vỡ, nhiều tai họa,

tang tóc, chia ly vĩnh biệt, nhiều giòng lệ đã bắt đầu chảy cũng như nhiều trận cười điên rồ trác táng đã nổi dậy lúc ba giờ sáng.

Nhưng oái oăm thay. Đồng hồ chỉ đánh có hai tiếng. Sơn nín thở chờ những tiếng theo sau nhưng không có. Tự nhiên Sơn đâm lo ngại như kẻ gián điệp sắp vượt biên thùy vậy ! vì Sơn còn cả một quãng thời gian sáu mươi phút trước cái biên giới « ba giờ sáng » đáng ghê sợ ấy.

Thần kinh hệ căng thẳng, trí tưởng tượng làm việc quá nhiều mặc dầu Sơn cố xua đuổi những hình ảnh đau buồn ghê sợ. Sơn thêm thiếp ngủ quên đi một lúc cho đến khi Hường lay gọi dậy :

— Anh nằm mơ gì mà làm em sợ quá !

Sơn định thần một lát và kể cho Hường nghe giấc mơ của mình. Sơn chiêm bao thấy mình đi chơi về thì người nhà bảo là có ông bạn đến tìm ba lần mà không gặp. Ông ấy nhăn với Sơn :

« Hãy lo sửa soạn mà cất đặt đồ đạc trong nhà kéo rồi bị lục xét lời thôi ».

Trong giấc mơ Sơn đã nổi giận nói lớn :

— Có gì đâu mà cất dấu. Đời đã bị khổ nhiều rồi thì không lo sợ khổ gì nữa.

Đồng hồ chấm rãi gõ ba tiếng. Sơn toát mồ hôi vùng dậy. Ở phòng bên lại có tiếng trở mình trên giường gỗ. Cả Sơn và Hường đều đến thăm Bé Nga. Nhiệt độ không giảm nhưng hơi thở vẫn đều đều không có vẻ gì lo ngại lắm.

Trời vừa hừng sáng qua lớp cửa kính thì Hường đã dậy. Hường đã chờ đợi cho qua đêm tối âm thầm thao thức không dám lộ vẻ lo ngại cho Sơn biết. Sơn hỏi Hường :

— Em không ngủ được à ? Sao dậy sớm thế ?

Hường đáp :

— Em phải cho con đi Bác sĩ. Bây giờ cho đi lấy sổ trước cho sớm chứ không thì không vào được sớm. Khách đông lắm.

Sơn cần dặn trước khi đi làm việc :

Khám xong thì tin cho anh biết ngay em nhé.

...

Tuy lấy được sổ năm nhưng cũng phải gần tám giờ mới vào được phòng mạch. Bé Nga sốt lên bốn mươi lăm hai nhưng vẫn đi theo Hường chứ không phải bằng tay. Bác sĩ tiêm thuốc và cho toa xong dặn dò cẩn thận với Hường :

— Nếu chiều nay hạ sốt thì thôi. Bằng không thì mang cháu đến tôi : Sáng mai cho cháu tới khám lại.

Ở phòng mạch về Bé Nga có vẻ tỉnh táo hơn. Hường hơi mừng khi thấy cơn sốt giảm dần nhưng vẫn không dám rời Bé Nga đi đâu. Theo lời Bác sĩ dặn, phải chườm nước đá trên đầu cho hạ cơn sốt cho nên Hường phải giữ Bé nằm yên trên giường. Hường ngồi bên con đọc báo.

Bé Nga mân mê tờ bạc giấy một đồng của mẹ mới cho, xếp làm tư và bỏ vào phong bì đỏ « lì xì » hôm Tết Bé thổ thổ với mẹ :

— Con lành rồi sẽ mua kẹo kéo. Con trúng số 9 và chia cho mẹ nữa.

Hường lại nhìn con, nói vỗ về :

— Ủ con chóng khỏi mẹ sẽ cho con nhiều đồng bạc hơn nữa.

Không biết tại sao Hường cảm thấy thương cái giọng nói thổ thổ của con lạ thường. Mỗi một âm thanh mỗi một tiếng hình như đập sâu vào tim não của Hường. Hường

nhìn con vừa trilu mến vừa ái ngại cố tìm xem trong nét mặt có vẻ gì khác thường. Bé Nga nhìn mẹ và cười âu yếm. Nụ cười của Bé cũng khác thường. Hình như sau cái về âu yếm ấy có cái gì «buồn ẩn khuất và huyền bí.

Trong buổi cơm trưa, khi cả nhà ngồi ăn ở phòng dưới thì Bé lại dậy đi theo mẹ. Bé ngồi ở cửa sổ nhìn trời, nhìn những cánh trứng cá trước sân đầy quả chín. Sơn nhận thấy vẻ buồn của con hơi khác thường, hỏi vợ:

— Trông Bé khác mọi ngày em nhỉ?

Hường nhìn theo con và trả lời:

— Thường ngày hẳn cũng hay thích ngồi cửa sổ mơ mộng như thế.

Suốt buổi chiều con sốt có vẻ dịu. Hướng chỉ theo toa đề cho uống thuốc ở nhà. Nhưng tối lại thì nhiệt độ của Bé tăng dần đến 39 độ lễ 4. Bé vẫn nằm thiu thiu chứ không mê sảng.

Sơn phụ với Hướng đề cho Bé uống một viên thuốc hạ sốt. Bé uống thuốc rất ngoan và vẫn tươi cười mặc dầu không nói chuyện. Hướng chườm một lần nước đá cho con và lấy mạch lại thấy không tăng lên thì hơi vững bụng đề đi nằm.

Tối hôm trước một vì mất ngủ cho nên tối nay Sơn buồn ngủ sớm. Mới đọc vài trang sách đầu giường thì mắt đã cay như vương hạt tiêu. Sơn ngủ quên khi nào không biết. Hướng thức dậy hai ba lần qua thăm con, cũng chỉ làm cho Sơn chột tỉnh nhưng rồi lại ngủ lại một cách say sưa dễ dàng.

Đến khi Hướng thức con trai dậy đi lấy sổ khám bệnh cho Bé thì Sơn mới tỉnh giấc. Trời chưa hửng sáng. Trông thấy vẻ lo âu của Hướng, Sơn đoán là chuyện chẳng lành. Hướng bảo Sơn gọi Bác sĩ trong sở đến xem cho con trước khi đưa đi nhà thương.

Bé không chịu nằm yên bắt đầu giật tay chân và khóc rất tội nghiệp. Hướng phải bồng lên tay vỗ về nhưng Bé vẫn ưỡn mình triển gân. Sơn phụ Hướng đặt ống mạch. Bé nhất định hét vang và đưa tay đẩy ra. Không thể nào biết mạch chắc chắn được vì cứ hễ mới lên chừng 372 là bé vùng vằng đẩy ống mạch ra ngoài.

Sơn sốt ruột gọi Bác sĩ đến lượt thứ hai và sai con ra đón ở cổng. Thằng con lớn đi lấy sổ khám bệnh về có vẻ hớn hờ vì sổ bốn cao hơn hôm trước. Hướng nhìn tấm sổ đặt trên bàn nhưng không thiết gì dùng đến. Mọi người đều chờ đợi ông Bác sĩ như là một vị cứu tinh.

Bác sĩ vội vã bước vào phòng không kịp chào hỏi đã đi ngay đến Bé Nga. Vừa hỏi Hướng những biến chứng, vừa khám như là một chiếc máy, Bác sĩ không hờ tay áp dụng tất cả mọi lối trắc nghiệm thông thường. Mọi người chăm chú vào nét mặt của Bác sĩ đề đón những kết quả hy vọng hay thất vọng. Nhưng hình như Bác sĩ rất lạnh nghề cho nên nét mặt bình tĩnh vô cùng không hề phản chiếu một vẻ gì của ý nghĩ mình. Bác sĩ quay về phía Sơn xin phép dùng điện thoại và gọi về y-tá trực nhật đề bảo mang những vị thuốc cấp cứu cần thiết. Trong lúc chờ đợi thuốc Bác sĩ lại đọc lại toa thuốc của Hướng đã dùng cho Bé hôm qua.

Hường lo ngại hỏi :

— Thưa Bác sĩ, toa thuốc thế này có gì sai không ?

Bác sĩ đáp :

— Tôi cũng chỉ dùng những thuốc như thế này thôi. Không có gì sai đâu.

Bác sĩ khám lại tay chân, nghe ngực, nắn bụng, xem mí mắt, cào ở lòng bàn chân. Mỗi một phản ứng của Bé chỉ có Bác sĩ là thấu hiểu và khai thác được mà thôi. Sơn bực tức vì sự ngu dốt của mình. Đã đành rằng mình không học về ngành y khoa thì phải mù tịt, nhưng Sơn cố hiểu kết quả qua nét mặt của Bác sĩ mà cũng không sao hiểu nổi.

Bác sĩ ra lệnh cho viên y tá vừa mang thuốc đến :

— Anh lấy cho tôi hai phân khối vào ống tiêm.

Chiếc xe Hồng thập tự đậu sát chiếc xe Bác sĩ ngay trước nhà Sơn vào một giờ quá sớm, đã làm cho tất cả mọi người trong cư xá phải bàn tán hồi hán. Người thì hỏi vì tình huống kỳ như các cô sen hàng xóm. Người thì thắc mắc lo ngại vì sự thông cảm giữa tình láng giềng, đồng đội, cho nên muốn biết rõ. Nhưng cả nhà Sơn thì lại đang bận rộn quanh giường bệnh ở phòng trong.

Bác sĩ suy nghĩ rồi lại không tiêm ống thuốc cấp cứu nữa và nhất định thảo giấy giới thiệu vào Bệnh viện.

Sơn sốt ruột trước những ngọn đèn xanh đỏ ở ngã tư đường. Hình như chúng nó trở trêu cứ hễ xe Sơn vừa đến là đổi màu trở ngại. Sáng hôm nay mọi sự đều như thông đồng để án ngữ trên con đường của Sơn.

Chiếc xe nhà cả năm không hư thì chỉ dùng vào việc thường không khẩn thiết. Đến khi cần đưa con đi nhà thương lại phải nắn nỉ mượn xe hàng xóm.

Thường ngày đi dạo không mấy khi gặp những trở ngại lưu thông oái oăm như hôm nay. Mỗi một phút qua là sự lo ngại lại chồng chất thêm, mà Sơn đã phải đợi chờ trước bao nhiêu là bản « Dừng lại » ở góc đường, bao nhiêu đèn xanh đỏ, một đoàn xe cấp cứu với ưu tiên tuyệt đối.

Vào đến nhà thương thì thấy la liệt những bệnh nhân chờ đợi với trăm ngàn thứ bệnh. Nhờ giấy của Bác sĩ gửi nên Sơn qua được các cửa đến phòng nhận bệnh một cách dễ dàng.

Bác sĩ trực ở đây khám xét lại một lần nữa. Hướng lại phải một phen khai rạch mạch từng chi tiết của bệnh con mình. Sơn sốt ruột thấy Bé Nga cứ giật tay chân và quần quai rất thảm thương. Bác sĩ nghi trúng thuốc, rồi nghi phong đòn gánh. Bác sĩ lại khám, lại ghi vào giấy. Sơn liếc mắt trên bàn giữa đồng hồ sách la liệt, một chồng giấy khai tử đợi chữ ký. Đó là kết quả đêm qua tử thần đã cướp đi từng ấy con bệnh. Sơn rùng mình nhìn đi chỗ khác.

Người ta cho Bé lên lầu hai. Bà Xơ chỉ vào phòng dưỡng khí. Các Bác sĩ nội trú thay nhau khám nghiệm. Các nữ y tá chạy lăng xăng bận rộn vô cùng. Một cô đi pha thuốc cho Bé uống, Một cô nữa soạn ống tiêm.

Sơn muốn hỏi một người nào để biết rõ tình trạng của Bé, căn bệnh của Bé những tên thuốc và công hiệu của nó, phương pháp trị bệnh... Sơn muốn biết cho tường tận và một cách khoa học

nhưng không thể hỏi ai được cả. Những cô y tá thì xem chừng như chỉ là thiên lôi chỉ đâu đánh đó. Tìm ông « thiên lôi » thì không biết là ông nào vì hai ba ông mang kính cận thì, mặc áo choàng trắng có thêu tên ở ngực. Ông này đi ra đến ông kia đi vào trông dáng ông nào cũng chưa phải là ông « xếp » cả. Chỉ sợ hỏi không trúng ông « xếp » thì vô ích vì đã không biết gì lại còn có hại vì cái ông « xếp » thật sẽ giận và bỏ rơi con mình. Bà xơ thì hình như chỉ ở làm việc thiện xem sóc quán xuyến tất cả chứ không đi vào sự chữa bệnh. Sơn đến hỏi một người phu quét hành lang xem Bác sĩ nào trông nom về lâu hai. Người phu chỉ tay đến căn phòng của Bác sĩ trưởng và nói :

— Bác sĩ T. nhưng giờ này chưa đến đâu.

10 giờ mới đến khám bệnh.

Sơn thất vọng nhìn qua lớp cửa kính. Thương cho Bé Nga nằm thoi thóp trên bàn đá trong phòng đợi. Sau ống thuốc người ta vừa tiêm vào thì Bé bứt giật tay chân và mê man như bất tỉnh.

Bà xơ cho Hường biết là Bé phải nằm nhà thương nhưng vì hết giường phải đợi Bác sĩ đến khám và cho bớt bệnh nhân nhẹ ra ngoài. Trong lúc chờ đợi, Bé phải nằm ở phòng dưỡng khí vì Bé yếu quá.

Sáng nay vì gấp đi nên Hường và Sơn chưa ăn sáng. Hường lại để quên cả cái bóp ở nhà không mang giấy tờ tiền bạc gì theo cả. Thậm chí đến một xách áo quần để thay cho con đã sắp sẵn rồi mà cũng bỏ quên. Trừ liệu đề cho Bé nằm lại nhà thương. Sơn phải trở về lấy áo quần của Bé và đưa người ở đến giữ Bé. Hường ngập

ngừng nửa muốn đề Sơn đi nửa muốn cầm ở lại.

* * *

Sơn không ngờ rằng nhìn con qua lớp cửa kính của phòng bệnh trước khi về, đó là cái nhìn vĩnh biệt ! Sơn đang loay hoay đậu xong chiếc xe vừa bước xuống thì Hường đứng chồm dậy trong góc nhà xe khóc nức nở :

— Anh ơi ! Con chết rồi ! Anh lên mà đem hân về.

Sơn nghẹn ngào như tắt thở, đỡ lấy Hường hỏi qua giòng nước mắt :

— Con mất lâu rồi hay mới.

Sơn chạy vội lên thang đến gặp Bà xơ. Cũng đây hành lang ấy, sáng nay Hường bỗng con đi qua lúc bấy

Hường nói như cầm hờn :

— Anh đi sao mà lâu quá. Em sốt cả ruột. Anh vừa đi 15 phút thì con chết.

giờ đang còn sống. Mười giờ Sơn ôm con ra về qua đây và chỉ là ôm một cái xác không hồn. Sơn nhìn vào văn phòng Bác sĩ vẫn chưa thấy đến.

Hường và chị ở phòng Bé ở ghế sau, khóc lóc thảm thiết. Sơn sốt ruột phải quát :

— Em muốn anh đâm xe vào gốc cây không. Nín đi cho anh tỉnh trí mà lái chứ.

Về đến nhà, Sơn không nhớ là mình đã đi qua đường nào, gặp những trở ngại gì trên đường đi mất bao nhiêu lâu và làm sao mà đến nơi bình yên được. Sơn đã làm như một cái máy tự động và điều chắc chắn là Sơn biết đã về đến nhà.

Sơn đã bình tĩnh để làm xong cái nhiệm vụ qua một giai đoạn khó khăn suốt ba giờ đồng hồ. Bây giờ Sơn mới ghé ngồi bên

xác con. Tiếng khóc của Hường thăm thiết và ai oán từ cầu thang vọng lại. Căn phòng có vẻ lạnh lẽo.

Sơn đã đem tất cả các anh chị của Bé đi gói ở nhà bà con. Nhà vắng trẻ lại càng buồn hơn nữa. Sơn nhẹ nhàng dỡ lớp vải che mặt Bé để nhìn con. Đôi hàng mi dài hình như chưa khép kín, Sơn cúi nhìn kỹ và lấy tay vuốt mắt con. Bỗngưng nước mắt Sơn trào ra như bị uất ức từ lâu. Sơn không ngờ rằng Sơn khóc được.

Sơn thường tự hào rằng mình không còn nước mắt nữa vì đời đã đau khổ quá nhiều. Sơn đã ném những cánh chia ly tẻ tái nhất, những cảnh khổ và rừng rợn nhất và Sơn cũng đã sống một cuộc đời vô phước nhất. Sơn không được gần cha khi chết vì phải đi học xa.

Sơn cũng không được thấy mẹ lúc hấp hối mặc dầu còn có một tuần nữa là Sơn về nước. Rồi đến bây giờ một đứa con thân yêu của Sơn chết. Sơn cũng không được chứng kiến lúc hấp hối và nghe tiếng gọi cuối cùng.

Sơn để mặc cho nước mắt trào ra và chăm chú nhìn con thương tiếc. Cầm tay Bé đã bắt đầu tê lạnh và cứng. Nhưng nét mặt con như vương vấn nụ cười hôm qua trên giường bệnh. Sơn vạch những làn tóc thưa ở trán, rồi lại vuốt mắt con. Sơn thấy không thể nào cảm ông khỏi cảm động và khóc khi nhìn con được.

Nén hương lặng lẽ tỏa khói quanh chỗ Bé nằm. Mùi hương thơm gây trong lòng Sơn những cảm giác bàng khuâng luyến tiếc. Tàn hương ong dẫn rồi ngã gục xuống ly gạo à tan vỡ.

Nhìn ba cây hương âm thầm cháy

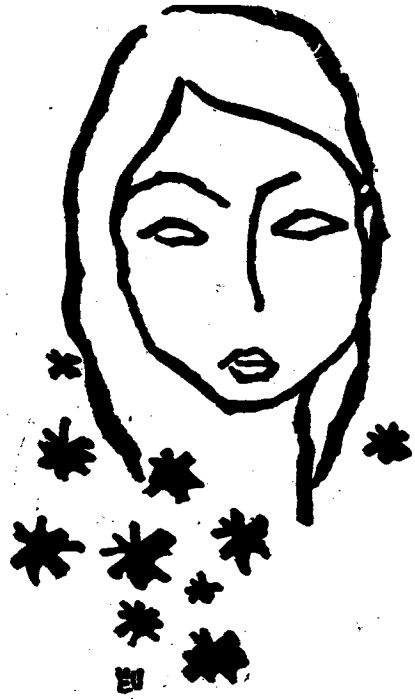
Sơn lại nhớ đến mới hôm nào Sơn thấp bốn ngọn nến con trên chiếc bánh sinh nhật cho Bé thôi. Hình ảnh Bé vận chiếc áo mới, ngồi trước cái bánh to của Hường mua tặng con, đang còn sâu đậm trong trí óc thì nay lại ă sau hình ảnh ba nén hương bên cạnh đĩa cơm vắt và quả trứng gà. Một công trình trong bốn năm trời để cho một con sốt một ngày phá hủy khoa học bó tay và loài người còn phải cúi đầu phục tùng định mệnh.

Sơn không muốn cho nhiều người biết chuyện buồn của mình trừ những bà con thân thích quá gần, Sơn có bốn phận phải báo tin cho họ ; trừ những hàng xóm láng giềng không báo tin họ cũng biết và trừ những bạn bè cùng sở không thể nào giấu được. Sơn cho rằng tự mình đi báo cái tin buồn của mình với những kẻ khác cũng như là làm cho họ buồn lây tức là mình thiếu lễ độ một phần nào.

Những người láng giềng trong cư xá đều ngạc nhiên vì những sự kiện xảy ra quá mau chóng tại nhà Sơn. Buổi sáng tinh sương chiếc xe hồng thập tự màu trắng sữa đậu ngay trước nhà và buổi chiều là chiếc xe tang đen tối với bốn quả len trắng dựng trên trần xe để báo hiệu là một em bé sắp về nơi an nghỉ cuối cùng. Vài người bạn thân sơ sẵn sàng đưa xe nhà đến thập tự theo đám đi chở thân nhân ra nghĩa địa. Bài kinh « tiếp dẫn linh hồn » trầm trầm vọng theo linh cửu, hòa lẫn với những tiếng nấc tức tưởi của Hường phá tan sự im lặng của cư xá. Mọi người ngưng hoạt động để tiễn đưa Bé Ngà xấu số.

Trời đổ mưa, càng ngày nặng hột như để phá tan không khí vui nhộn của Đô thành và nhuộm thêm màu tang tóc.

THẠCH-HÀ
6-60



VÀO NGUỒN

Nữ hoa tình ái trong hồn
Con sông ước hẹn vào nguồn yêu thương

Hương mê quyến bướm rập rờn
Thơ ngây em động giấc hương thiên thai
Nguyên trinh trắng nõn bông nhài
Trăng wòm riềm lụa thơ ai đợi chờ
Ngập ngừng thoáng nắng ban sơ
Ngắt ngây vàng phấn mơ hồ giáng-tiền...

Nhạc mùa xao xuyến trong tim
Sầu xưa nghi ngút lên miền mây bay
Vu vơ hát vơi u-hoài
Nét băng khuônğ đậm sông dài luyến lưu
Tơ đàn ray rít mùa sao
Xa xăm niềm dấy nao nao đêm buồn

Con sông vừa trở về nguồn
Ta nghe thao thức trong hồn hoa lẻ...

PHAN-DUY-NHÂN

Đỗ - Phú thi-thoại

ĐỖ-BẢNG-ĐOÀN dịch nghĩa
BÙI-KHÁNH-ĐÀN dịch văn

Tự là Tử-Mỹ, hiệu Thiếu-Lăng Dã-lão, sinh năm Tiên-thiên nguyên niên (712) đời vua Duệ-Tôn, con của Đỗ-Nhàn làm Tư-mã Duyện-châu và là cháu gọi Đỗ-thâm-Ngôn bằng ông chú, vốn là dòng dõi quan Trấn-tây Tương-quân Đương-dương-hầu Đỗ-Dự, Quê ở huyện Trường-an tỉnh Thiểm-tây sau thiên xuống Tương-dương tỉnh Hồ-Bắc.

Đỗ tự phụ là con nhà thi-thư nên thường ngâm :

Thị thị ngô gia sự

Nhân truyền thế thượng-tình

DỊCH :

Nhà ta, thơ vốn trọng

Người thế, chuyện thường đồn

Văn chương Đỗ đứng đầu thi-đàn

đời Thịnh-Đường, cùng sánh với Lý-Bạch. Thi-nhân đời sau tôn là Thi-sử (thơ có sử bút).

Năm 20 tuổi Đỗ đi chu du xem thắng cảnh khắp miền Ngô Việt. Năm 30 tuổi đi thi Tiến-sĩ không đỗ, lại cùng bè bạn đi chơi đất Tề đất Lỗ rồi đến Lạc-dương.

Năm Thiên-bảo thứ mười hai (753) Đỗ dời nhà đến Trường-an, bên sông Khúc-giang. Gặp vua Huyền-Tôn đi tế Giao, dâng bài phú Tam-đại-lễ, vua xem khen là tài lạ, cho vào đời chỉ ở viện Tập-hiến, rồi sai quan Tề-tướng sát hạch văn chương, được thụ chức Tham-quân phủ Kinh-triệu.

Nhân gặp Lý-Bạch ở kinh-đô, chỉ vì văn-chương liên lạc mà hai

người giao tình rất thân mật. Lý-Bạch thấy Đỗ làm thơ cần thận quá thường chế riễu :

*Phạn quả sơn dầu phùng Đỗ Phủ
Đầu dài lạp tử nhật trác ngo
Tả văn nhân hà thái sấu sinh
Chỉ vị tông lai tác thi khổ*

DỊCH :

*Gặp Đỗ ăn cơm bên ngọn núi
Trên đầu đội nón, đã trưa rồi
Cớ chi thân thể trông gầy guộc
Chỉ vì làm thơ khổ khắc thôi*

Đỗ cũng riễu lại Lý :

*Thu lai tương cố thượng phiêu bồng
Vị tỵ đan sa quý Cát-Hồng
Thống ăm cuồng ca không độ nhật
Phi dương bát hộ vị thủy hùng*

DỊCH :

*Trông ông phiêu bạt tựa thu bồng
Chưa luyện đan-sa then Cát-Hồng
Suốt buổi say nhè rồi hát nhảm
Vội ai hăng hái đỡ trở gông*

Khi An-lộc-Sơn khởi loạn chiếm cứ Trường-an, vua Huyền Tôn chạy vào Thục truyền ngôi cho con là vua Túc-Tôn ở Linh-vũ, Đỗ chạy theo vua Túc-Tôn nhận chức Tả-thập-di. Được ít lâu Phòng-Quán là bạn thân làm Tể-tướng bị bãi chức, Đỗ dâng sớ bênh, làm vua nổi giận giáng ra Hoa-châu giữ chức Tham-quân. Vì bất đồng ý với viên Huyện-lệnh Hoa-châu. Đỗ bèn bỏ quan về ẩn ở Đông-cốc thuộc Thành-huyện tỉnh Cam-túc.

Lúc ấy Bộ-tướng của An-lộc-Sơn là Sử-tư-Minh chiếm cứ vùng Trục-Lệ, quan quân lại bị thua ở Nghiệp-quận, triều-đình ra lệnh trưng-binh khẩn-cấp. Đỗ được mắt thấy tai nghe những chuyện bất linh do sai-

nha lợi dụng cơ hội thừa gió bẻ măng, khiến cho lòng người ta-oán bèn làm bài Thạch-hào-lại bài Tân-hôn-biệt, bài Thủy-lão-biệt v. v... đều là những thiên tuyệt bút tả cảnh loạn ly áp bức.

Năm thượng-nguyên nguyên-niên (760) đời vua Túc-Tôn vùng Đông-Cốc bị mất mùa đói kém, nhiều nhà không chạy được gạo ăn phải nhịn đói, Đỗ nghĩ chán nhân tình lại buồn thân thể, nên thường ngâm :

*Hậu lộc cố nhân thư đoạn tuyệt
Hàng cơ trĩ tử sắc thể lương*

DỊCH :

*Bạn bè nhiều bồng quên thăm hỏi
Con trẻ không cơm nghĩ thăm thương.*

Năm sau Đỗ dời nhà vào phủ Thành - đô, đất Thục, được em quan Vương Tư-mã giúp cho mấy mẫu ruộng để gia đình cày cấy. Đỗ dựng nhà thảo-đường ở phía tây suối Cán-hoa, dựa lưng vào thành trông ra suối, bốn mùa hoa rừng ngào-ngạt, phong-cảnh rất là u-tịch.

Năm Quảng-đức thứ hai (764) đời vua Đại-Tôn, Hoàng-môn Thị-lang Trịnh-quốc-Công Nghiêm-Vũ vào làm tướng ở Thục, biểu tấu cho Đỗ lĩnh chức Tiết-độ-sứ Tham-quân Kiểm-hiệu Công-bộ Viên-ngoại-lang nên đời sau gọi là Đỗ Công-bộ.

Đỗ là bạn học với thân-phụ Nghiêm-Vũ là Nghiêm - Đĩnh và cũng vì chỗ thế cự ấy nên được Nghiêm Vũ đối đãi rất tử tế. Có một hôm Đỗ say rượu nhảy lên giường Nghiêm-Vũ nằm rồi trừng mắt nói : « Nghiêm-Đĩnh mà có đứa con như thế này à ? » Nghiêm-Vũ tuy tính nóng nảy nhưng lại có độ lượng hơn người nên làm thinh như không nghe tiếng.

Đỗ lĩnh chức Công-bộ mà vẫn ở nhà riêng bên suối Cán-hoa, cùng với mấy lão hàng xóm sớm tối trồng rau, lúc thư nhàn lại ngâm thơ uống rượu. Nhiều khi Nghiêm-Vũ đến nhà chơi Đỗ chỉ mặc áo trắng để đầu trần ra tiếp.

Mùa hạ năm Đại-lịch nguyên-niên (766) đời vua Tôn, Nghiêm Vũ mất. Các tướng ở Thục nổi loạn tranh nhau quyền, Đỗ, phải trốn sang Quý-châu, rồi lại chạy-sang Thiểm châu, Đàm châu.

Năm Đại lịch thứ năm (770) gặp loạn Tang-giới, Đỗ từ Giang-lăng chạy xuống Hành-châu. Năm sau lại lưu lạc đến tỉnh Hồ-nam, nương nhờ nhà người họ mẹ là Thôi-vĩ ở huyện Lỗi-dương. Ở đây Đỗ đi xem phong cảnh sông Tiều-tương, Tiền đường, rồi lên núi Hành-sơn. Một hôm vào yết Nhạc miếu gặp nước dâng to mười ngày không về được bị thiếu lương thực. Quan huyện Lỗi-dương nghe tin thân hành đưa thuyền và thực phẩm vào Nhạc-miếu đón về. Đêm ấy Đỗ uống rượu trắng nhắm với thịt trâu, quá say rồi mất ở huyện, thọ 59 tuổi. Mộ táng ở phía bắc huyện Lỗi dương tỉnh Hồ-nam, cách thành hai dặm, Đỗ có con là Tử-Vũ không biết lưu lạc đi đâu.

Đến đời vua Hiến-Tôn (806-820), con Tử-Vũ là Tử-Ngh-iệp đưa hai cốt Đỗ từ huyện Lỗi-dương về Yên-sư, táng ở phía tây bắc núi Thù-dương.

Quan Tiết-độ-sứ Vũ-xuyên là Nguyễn-Chân đề vào văn bia ở mộ, luận về thơ văn của Đỗ-Phủ có nói: Thơ Tử-Mỹ trên đến sát thể Phong thể Nhã, bao hàm họ Thâm họ Tống Lời hơn Tô Lý khí nuốt Tào lưu, át cả vẻ cao quý họ Tạ họ Nhan, hơn vẻ xinh đẹp họ Từ họ Dữu. Giữ được

thể của người đời xưa, hơn lối số-trường người đời này, bài nào cũng tinh-vi, câu nào cũng phải chải chuốt. Từ khi có thi-nhân đến nay chưa ai được như Tử-Mỹ v.v...

Đời vua Văn-Tôn (827-840) Học-sĩ Thừa-chỉ Bạch-cur-Dị đọc tập thơ Lý-Bạch Đỗ-Phủ có một bài Ngũ-ngôn-bài-luật hoài niệm hai vị đại-thi-nhân như sau :

Hàn lâm Giang tả nhật
Viên ngoại Kiềm nam thi
Bất đắc cao quan chức
Nhưng phùng khổ loạn ly
Mộ niên bỏ khách hận
Phủ thể trích tiên bi
Ngâm vịnh lưu thiên cổ
Thanh danh động tứ Di
Văn trường cung tú cú
Nhạc phủ đãi tân từ
Thiên ý quán tu hội
Nhân gian yếu hảo thi.

Dịch :

Giang-tả Hàn-lâm qua mấy độ
Kiềm-nam Viên ngoại trải bao ngày
Làm quan nào được quyền cao trọng
Lại gặp đời ly loạn khổ thay
Bỏ-khách ngâm-ngủ khi tuổi-tác
Trích-tiên lận đận mới thương đầy
Nghìn năm ngâm vịnh còn lưu lại

Bốn Rợ danh vang mấy kẻ tày
Ghi ở văn-trường bao ý đẹp
Tân-từ Nhạc-phủ đã phổ bày
Lòng trời ai nấy đều nên hiểu
Thiên-hạ yêu thơ trọng khúc hay
Đến đời vua Tuyên-Tôn (847-859)
Quốc-tử Bác-sĩ Ung-Đào đi qua

sưởi Cán-hoa ghé vào thăm nhà
cũ của Đỗ rồi đề thơ như sau :

*Cán-hoa khê lý hoa thăm xứ
Vị ức Tiên sinh tại Thục thì
Vạn cổ chỉ ưng lưu cựu trạch
Thiên kim vô phục đắc tân thi
Sa băng thủy hạm ập phi tạn
Thụ ập thôn kiều mã quá tri
Sơn nguyệt bất tri nhân sự biến
Dạ thâm giang thượng dữ thù kỳ*

DỊCH :

*Cánh-hoa bên sưởi hoa tươi tốt
Trạch nhớ Tiên-sinh ở Thục xưa
Muôn thuở vẫn lưu nền cổ-trạch
Ngàn vàng khôn được khước tân-thơ
Bờ sông cát lở ầu bay hết
Cầu xóm cây chen ngựa bước thưa
Trăng núi không hay đời biển cả
Trên sông đêm vắng đợi ai giờ.*

Tân Đường-thư bàn : Đời thơ đến
Khai-nguyên gọt dũa thành lời nhã
chính, những người cây hoa-mỹ thi
phản với chất phác, đặt lời điểm-lệ
lại trái với hùng-tráng, ai mới được
một lối nào đã tự phụ là sở trường.
Chỉ có thơ Đỗ-Phủ bao hàm bát-

ngát, nghìn hình muôn trạng hơn
cả cổ lẫn kim, người khác không
thể vi được. Văn-chương Đỗ thực
man-mác dầu là dầu cần hương
thừa cũng thấm nhuần rất nhiều
cho hậu thế, đã hợp với lời Nguyên
Chân : Từ khi có thi-nhân đến nay,
chưa ai được như Tử-Mỹ, Đỗ khéo
trần-thuyết việc đời gọn gàng minh
bạch, luật pháp tinh-thâm, nói đến
ngàn câu mà không chút mỏi, thực
xứng danh Thi-sử.

Trung-Quốc Văn - học - gia Tiểu-
truyện phê-bình Lý-Bạch và Đỗ
Phủ là hai thi-nhân thứ nhất đời
Thịnh-Đường nhưng tư-tưởng khác
nhau :

Lý là tiên-phẩm có ý xuất thế,
lãng-mạn không câu-chấp, chịu ảnh
hưởng Đạo-gia, lời rất tài tình, bài
nào cũng vui và tự nhiên.

Đỗ là thánh-phẩm có ý nhập thế,
hay tả sự thực, chịu ảnh hưởng
Nho - giáo, bài nào cũng ngụ ý
thương đời, hiểu thấu nhân tình
thế-thái.

Tác phẩm còn lưu lại : Đỗ Công
Bộ thi-tập 1.045 bài.

**ĐỖ-BĂNG-ĐOÀN và
BÙI - KHÁNH - ĐẢN**

ĐÁ PHÁT HÀNH 2 CUỐN TRUYỆN MỚI

CỦA NHÀ XUẤT BẢN **PHỤNG-GIANG**

MEN CHIỀU

của NGUYỄN-THỊ-VINH

CHỒNG CON TÔI

của DUY-LAM



TRUYỆN DÀI CỦA NHẬT-TIẾN
CHƯƠNG IV

(tiếp theo)

BÁC TỐN ngâm rút giọng thì hạ cây đàn xuống, vớ lấy bát nước chiêu một ngụm. Ích vỗ tay :

— Hay nhỉ ! Ai dạy mà bác biết những bài lạ như thế.

Bác Tốn cười hề hề :

— Thì nghề chính tông mà lị. Ngày xưa tao mê một cô gõ phách. Cô ấy còn hát hay bằng mười tao kia. Lại đẹp không chê được.

— Bây giờ cô ấy đâu rồi ?

— Tây nó bắn bỏ rồi ?

— Tiếc nhỉ !

— Hồi ấy đi hát ở đồn nào, cô ấy cũng rủ tao đi. Tiền thu vào vô khối, lại no nê, nhưng tao thì chỉ mê có mỗi hai con mắt của Cô ta.

Ích hỏi :

— Mắt làm sao ?

— Mắt tinh bỏ bố đi !

Ích tùm tùm cười :

— Hay nhỉ ! Mắt tinh khác mắt thường thế nào hở bác.

Bác Tốn bật cái đóm trên mấy đầu ngón tay ;

— Đếch ai mà nói được. Tình là tình chứ biết, tả làm sao.

— Thế rồi hai người có... gì nhau không?

— Gì gì?

— Gì ấy!

Bàn tay của bác dúi khẽ vào bụng thẳng Ích:

Bằng tưng đây mà gớm nhỉ! Nhà Ông thì biết cái chó gì!

Ích cãi:

— Biết chứ sao lại không!

Bác Tồn cười rình rích:

— Ái chà hăng nhỉ!.. Ngừ này về sau dè phải biết:

— Bác nhầm nhỉ bỏ bố đi. Cháu thì còn soi!

— Thật không?

— Thật!

— Năm nay mày lên mấy?

— Cháu mười hai!

— Ủi! Mười hai tốt rồi. Ngày xưa ở làng tao khối người lên tám đã có vợ rồi!

Ích kêu lên:

— Bác nói phét!

— Kia! Thật mà!... đây mà lại có thêm nói dối nhà ông nữa. Có vợ rồi mà còn dái rằm ra vợ nữa kia.

Ích chèo phất ngay lên cổ bác Tồn, dè xuống:

— Bác nói như bố chó sòm ấy! Có mà vợ nó « phứt » cho.

Bác Tồn vừa gỡ Ích ra vừa cười rình rích:

— « Phứt » thật ấy chứ. Nó lòi cu cậu ra đầu hê, vừa xỉ nó vừa chửi.

— Nhà bác này hôm nay nói phét không chê được. Đây déch thêm nghe nữa đâu.

Bác Tồn giả bộ giận dữ:

— Thi đấy, mày về hỏi dưỡng mày xem. Có mà ối ra!

— Thôi đi! Bác lại xui đại cháu. Hồi ông ấy thì ông ấy đánh vỡ mặt.

— Dưỡng mày vẫn ác thế đấy à?

Ích gân cổ:

— Còn ngôn gì nữa: Đạo này ở nhà chán thấy mồ đi. Hơi một tí thì cái lão ấy rút guốc chực phang rồi.

Bác Tồn chép miệng:

— Thế u mày không can được à?

Ích thở dài:

Nói đến u cháu thì nói làm déch gì. U cháu còn rât hơn cả cháu nữa.

— Chả phải rât đâu. U mày nhường!

Ích cãi:

— Nhường déch gì! Tiền vốn, tiền lãi, lão ta moi móc đi đánh bài cả mà lại bảo nhường.

— Chết!.. Đánh thế thì lấy gì mà sống!

— Thế đấy!... U cháu thì suốt ngày than thở chết đói đến nơi rồi.

Bác Tồn không nói tiếp, ngồi im lặng trầm ngâm.

Ích đang vui, nét mặt trở nên buồn thiu lại. Nó hình dung đến khuôn mặt xanh rờn và hốc hác của u Tám. Buổi chiều, ở nhà, sau bữa cơm thật là buồn thảm. Dưỡng Tám đi chưa về, mâm cơm phần dè chổng chờ trên phản gỗ. U Tám ngồi quạt muỗi âm thầm trong một góc tối. Ngọn đèn hoa kỳ leo lét trên bàn thờ soi sáng nửa mặt phía ngoài của u. Má u hóp lại. Hai mắt sâu, đen và thâm quầng. Mớ tóc quăn hờ hững ngang đầu lệch nghiêng đi, những sợi tóc xỏ ra, rủ xuống cái cổ gầy vêu vao

của u. Hôm nào u cũng ngồi yên ở chỗ đó, tay phe phẩy cái quạt hay bóp nắn những vết tím mà đương tám đánh u. Ích cũng không biết u nghĩ gì về chúng nó, mà chúng nó, cũng không muốn hỏi. Vì u đối với anh em Ích thật hờ-hững và thần nhiên, ít khi u tỏ được một cử chỉ âu-yếm và săn sóc tới hai anh em. Cũng vì thế, Ích cũng ít hay thăm hỏi đến u. Lúc bắt đầu đi hát thì nó chỉ nói giống với Ngoan :

— Tao đi đây nhé !

Ngoan đang ngồi ghéch cằm lên ngưỡng cửa. Nó cũng không đáp mà chỉ dương mắt nhìn Ích. Ích biết nó cũng chán như mình. Những lúc như thế Ích thấy sự đi hát với bác Tồn thật là thần tiên. Nó quên hết những hình ảnh buồn nản ở nhà. Cảnh vật trên phố hôm nào cũng như hôm nào, nhưng đối với nó có một sức quyến rũ lạ lùng. Nhất là lại thêm bác Tồn đề mà nói róc thì vui phải biết. Nhiều hôm trời mưa vắng khách, Ích kéo bác Tồn ngồi dưới mái hiên nghe tiếng nước vỗ rào rào trên ống máng. Lòng Ích thấy thanh-thản vô cùng. Nó không phải bận tâm điều gì về đương Tám. Hình ảnh của u và em Ngoan không gọi cho nó sự hân học, tức tưởi. Lúc ấy Ích chỉ khoái truyền nhau với bác Tồn điệu thuốc lá cháy đỏ trong bóng tối. Hai bác cháu cười rúc rích với nhau. Ích nói :

— Hút thuốc lá khoái thật !

Bác Tồn rít một hơi dài, hai má bóp lại, cặp mắt lim dim sáng hồng lên vì đốm lửa :

— Nói như bố chó sớm ấy ! Thuốc lá mà lại không khoái.

— Nhưng mà thuốc lá thơm chắc khoái hơn.

— Còn phải nói ! Nhất là thuốc lá Ăng Lê thì phải biết. Rít vào sướng mê cu-tôi !...

Ích ngơ ngẩn như thềm thường :

— Ủ ! Chắc sướng thật, nhưng mà đắt phải không ?

— Một điếu bằng một cái bánh ga-tô đấy nhà ông à !

— Ý ! Thế thì đây đểch vào ! Ăn bánh gatô còn sướng hơn.

Câu chuyện của hai bác cháu cứ dăm dăm như vậy cho đến khi thành phố vắng cả tiếng xe lẫn bóng người. Ích dẫn bác Tồn dò dẫm đi trên mặt đường láng ướt. Những tối mưa buồn như thế, thế nào thằng Ích cũng ăn mấy cái bọp tai của đương Tám vì không kiếm nổi một chục bạc. Nghĩ đến đây, bất giác Ích thở dài :

Thấy mặt nó buồn hiu, bác Tồn hỏi :

— Hôm nay ở nhà rồi việc hả ?

Ích đáp :

— Thiếu gì ! Còn một thùng đồ tương chán chưa nhặt sắn.

Bác Tồn nằm ngả xuống nệm cỏ, vuôn vai cho xương cốt rần ra rãng rắc :

— Vậy nhà ông về đi không lại chết đôn. Tối nay sang sớm sớm nhé.

Ích nói :

— Lậy giời hôm nay đừng mưa !

Nói rồi nó bước ra khỏi bực cửa. Bác Tồn giở mình trên nệm cỏ mấy lần mà vẫn thấy chân tay rời rã. Một lúc lâu, bác nằm ngửa mặt nhìn lên mái lá. Hơi nóng buổi trưa hắt xuống hằm hập. Qua khoảng đục lơ lơ ở trông con mắt, bác thấy bóng dáng Huệ mơ hồ qua lại. Toàn thân Huệ chỗ nào cũng chỉ như một vệt sáng mờ, nhạt. Bác nghĩ

đến cái áo đỏ, sức mùi phấn thơm mà ích vãn tả cho nghe. Giọng nói kiêu kỳ của Huệ bây giờ như những cạnh sắc. Bác thấy lòng mình đau đớn ở trong những âm thanh quen thuộc ấy. Năm yên một lát, đầu suy nghĩ miên man đến chuyện này, chuyện khác, chuyện Huệ ốm trong cảnh cô đơn, chuyện mơ lấy Huệ làm vợ đề tối tối hai người ngồi thủ thủ với nhau trong bóng tối ngoài thần, chuyện Huệ giữ ảnh của một ông lính tây và định lấy làm chồng, bất giác bác thấy buồn thắm thía. Bác nghĩ đến mình với căn nhà lụp xụp và sự cô đơn trọn vẹn trong mù lòa. Tự nhiên bác Tổn muốn khóc. Nhưng khi nhận ra hai giọt nước mắt chực ứa khỏi hàng mi thì bác lại ngồi nhồm dậy, cười một mình, nụ cười khô héo và gượng gạo. Bác lầm bầm :

— Minh ám ở thật !

Tay bác quơ lấy cây đàn rồi ôm chặt lấy vật thân yêu ấy vào lòng. Bác tưởng mình hát được thật to cho vui cửa, vui nhà, nhưng thật ra giọng bác bị tắc ở trong cổ. Có một cái gì nghèn nghẹn dâng lên ở mũi và ở mắt. Bác chợt buông một tiếng thở dài. Tiếng hát ngày xưa, vui vẻ, và thân yêu vắng vẻ qua tai bác : « *Cô Huệ ơi !.. Nếu cô lấy tôi thì tôi xây nhà gạch hai tầng* »... Và bác còn tưởng tượng được đến cả câu nói chanh chua của Huệ :

— Khí gió đừng lần chữa ! Rõ rùng mớ chưa !... Giọng Huệ vẫn còn quen thuộc quá quá quá, khiến bác mím cười một mình. Tình yêu lại dâng lên làm bác thấy nôn nao cả người. Nếu bây giờ đang ngồi cạnh Huệ, bác sẽ chẳng ngần ngại gì mà không nắm tay Huệ ôm lấy Huệ vào lòng để nói với

Huệ một câu thật tình tứ. Mà theo ý bác, chẳng có tiếng nào trút hết lòng yêu của bác bằng hai tiếng « *Mợ ơi* » !... Hai tiếng ấy bác vẫn thường gọi Huệ trong những đêm trăng trọc không ngủ. Bác tưởng tượng Huệ với bác đã thành vợ chồng. Huệ nằm gọn trong cánh tay của bác. Nàng nũng nịu như một đứa trẻ con. Bác sẽ bắt Huệ nhắm mắt lại để mình vuốt âu yếm lên hai hàng mi. Phía bên ngoài trời sẽ mưa rả rích. Tiếng nước giọt đều đều trên mái lá. Gió heo hút lùa qua kẽ vách. Sự ấm cúng chỉ thu gọn ở trong thế giới của hai người. Bác sẽ nói :

— Chúng mình hay nhỉ !

Huệ hỏi :

— Hay cái gì ?

— Chúng mình lấy nhau !

— Khéo nỡm chưa !

— Ừ ! Nỡm thật ! Nhưng mà cũng lại chẳng nỡm.

— Thế mà còn chẳng nỡm !

— Nỡm mà lại lấy nhau !...

Những tưởng tượng vu vơ của bác gây cho bác nhiều cái thú say sưa. Bác hay cười một mình. Nếu cuộc sống đừng có những đổi thay cay nghiệt thì như thế, bác cũng đã cảm thấy đầy đủ lắm rồi. Nhưng thật ra Huệ không ưng bác. Sự mù lòa của bác như một bức tường cao ngăn giữa hai người, mà đứng ở bên này, bác chỉ được nghe thấy Huệ nói không tới được, không gần được, cũng không nhìn thấy được. Vì thế, từ sự vui đến nỗi buồn đối với bác chẳng cách nhau là bao xa.

Lúc bác đang day dứt với mình thì cái Hồn bé em vào đến bức cửa. Nó gọi bác sang ăn cơm trưa. Bác thấy mồm miệng bả ra hơn bao giờ hết. Nghĩ đến

cơm chưa lần nào bác chán như thế vì vậy, bác bảo nó :

— Cháu về bảo thầy u ăn đi. Hôm nay bác no lắm.

Cái Hòn nói :

— Vậy cháu để phần cho bác vậy nhé.

Bác Tồn vội xua tay :

— Ấy, đừng. Bác no thật mà ! Đừng phần phò gì mất công.

Cái Hòn không đáp nữa, nó lặng lẽ ra ngoài. Chợt bác Tồn gọi nó :

— Này Hòn ơi !... Đề em đẩy bác bế cho, đi mua hộ bác cái này nhé.

Hòn chèo qua bậc cửa. Nó nhìn bác :

— Mua gì thế.

Bác Tồn cười, hàm răng đưa cả về phía trước :

— Chạy ra đầu ngõ mua hộ mấy đồng rượu trắng nhá. Cả hôm khô nữa.

Hòn toe toét :

— Hôm nay bác sang nhĩ ! Nhậu nữa cơ à.

Bác Tồn vội vã ra hiệu cho nó im :

— Ấy này !... Về chớ có nói với thầy u nhá ! Tao... đau bụng bỏ bố đi. Uống rượu chắc khỏi. Đây này !... Cầm lấy tiền. Tao cho chị em mày mỗi đứa một đồng nữa đấy. Về đừng nói nghe không !

Thấy tiền, cái Hòn mắt sáng lên. Nó vội vã bỏ em xuống chiếu, đi tìm chai và nhanh nhẩu đi ra cổng. Cái Hòn thấy chị đi khỏi chồm lên khóc. Bác Tồn vội bế nó lên tay, vừa cười vừa nói :

— Ậu ?... Tao đây mà !... Tao bế đây mà !...

Trông thấy bác, con bé lại sợ hơn. Nó khóc to hơn trước. Bác Tồn cuống quýt vội vớ lấy cây đàn, bật khẽ mấy tiếng. Âm thanh phát ra là lạ khiến con bé nín khóc. Bác Tồn khoải chí cười toe toét :

— Hà !... Thấy không !... Hay không !... Con cháu bác có khiếu âm nhạc, ngày sau mày làm nhạc sĩ nghe không.

Rồi bác hôn chòm chụt lên má nó. Những sợi râu gai và cứng cọ quấy khiến con bé lại ào lên khóc.

NHẬT-TIẾN

(Còn nữa)

Tôi không thấy xấu hổ khi nhận rằng tôi dốt về những điều tôi không biết.

Cicero

Khi đồng tiền cất tiếng nói thì sự thực cảm lạnh.

Cách Ngôn

Chỉ những người điên và những người đã chết mới không bao giờ thay đổi quan niệm.

Lowell

Loại người đã trở thành những khí cụ của những khí cụ do người làm ra.

Thereau

Sầu vọng THƠ HOA



CAO-HOÀNG-NHÂN

*Bưởi ấy bừng muôn vũ-điện xuân
Bằng hương thảo-dã với giai-nhân
Mắt xanh vút bóng chiều mây thắm
Nếp áo mê-tình vọng tiếng ngân*

*Đại-dương màu tóc lạng phong-ba
Khoác áo thi-nhân dựng tháp ngà
Phong-vũ tàn trong thơ điểm-tuyết
Dáng kiều thực-nữ loạn đêm hoa.*

*Mộng ngát hồn yên bằng sinh thơ
Lang-thang đường nắng dầm vàng tơ
Góp hoa non với mây hồng sớm
Nửa điệu trăm-tư một suối mơ.*

*Lời thơ phong-nhã mộng lên vàng
Hai buổi hồn vương gót điểm-trang
Thuyền đắm sông xanh từ buổi ấy
Áo giang-hồ dẫm nét kiêu-sang.*

Nàng cũng thơ hoa ý tuyệt-trần
Ta mê thầm gọi « Hỡi thi nhân ! »
Sóng thơ nàng: vũng sao xanh biếc
Trời nhạc say-tình, hương ái-ân.

Ta mộng hai hồn chung một âm
Ý duyên mềm lượn nét thơ trầm
Dáng hoa chung một vòng tay bướm
Hai nhịp mối thề một điệu ngâm.

Và ý duyên xanh mộng nổi vờn
Giai-nhân tình tự với thi - nhân
Sóng thơ nàng đắm xanh đôi mắt
Một bóng thuyền du lạc bến xuân.

Thơ trót say chìm đáy mắt hoa
Này phương tâm-sự vọng Ngân-Hà
Ngựa nghiêng rượu ngút hồn du-lãng
Xuân-mộng buồn nghiêm sắc lệ pha.

Đâu một lời yêu vương mắt xanh ?
Trong thư khước-các hẹn chung tình ?
Cỏ hoa bông thoáng mùi hương tóc
Ta ghen ngào mơ dáng tuyết trinh

Ôi thơ cuồng loạn bóng giai-nhân
Và phím đàn yêu sâu tiếng ngân
Phương ấy nàng-thơ hoa buổi trước
Còn nghe hồn đẹp thoảng mem xuân ?

CAO-HOÀNG-NHÂN

NGHỆ-SI VỚI NGHỆ-THUẬT

CỔ NGHỆ-SI NGUYỄN-ĐÌNH-NGHỊ

VỚI ĐIỀU HÁT

CHÈO CẢI-LƯƠNG

của **VŨ-HUY-CHẤN**

(tiếp theo)

Tháng 3 năm 1931, ban Hát Chèo lớn nhất Bắc-Kỳ được chia ra làm hai gánh. Và công cuộc chu du bắt đầu. Theo quyết định chung của hai ông Nghị và Thịnh thì mỗi chuyến đi được tạm thời ấn định là 3 tháng : gánh nọ về thì gánh kia đi...Ông Thịnh đi trước. Gánh hát do ông này cầm đầu, đi tới đâu trình diễn cũng được hoan nghênh nhiệt liệt, nhưng ông chỉ giám quanh quần ở mấy tỉnh thuộc miền Trung-châu Bắc-kỳ mà thôi. Đến lượt ông Nghị đưa anh em đi, thì ông xông xáo cả lên miền núi, và lần theo

quốc lộ số 1, vào cả Thanh-hóa, Nghệ-an...Vững tin ở nghệ-thuật, ông cố ý định lần lần tới Nam-kỳ trình diễn, để cống hiến đồng bào miền Nam một lối hát thuần túy dân tộc. Nhưng hai lần quả quyết ra đi hai lần ông đưa gánh hát vào Vinh, thì cả hai lần cùng xuýt bị rã gánh, phải quay trở về. Một lần vì trời mưa liên tiếp gần một tháng trời, khách xem thưa thớt, gánh hát không đủ sống : còn một lần thì vì thua bạc, ông bán mất cả phông cảnh và đồ trang trí sân khấu.

Chính trong cuộc đi trình diễn lưu

động này, ông Nghị mới thấy ở khắp nơi, tỉnh thành cũng như thôn xóm, đâu đâu người ta cũng diễn vở của ông, mà ông không hề hay biết. Ngay chính những người diễn cũng không thêm biết đến tác giả những vở hát mà họ đưa ra trình diễn là ai. Hôm ấy gánh hát do ông điều khiển đương trình diễn ở Ninh-Bình. Nhân không phải sắm vai nào, và tích hát diễn lại, diễn viên đã quen, ông không phải đích thân điều khiển, ông mới giao trách nhiệm cho người cháu của ông là Nguyễn-dinh-Hy chuyên nghề nhắc lớp, rồi theo mấy người bạn thân, đi đánh xóc đĩa. Tới một làng kia, thấy làng đương vào đám có hát Chèo, ông liền rủ các bạn ghé vào xem... Gánh hát đương diễn tích « Trận Cười Thứ Ba : Khôn Tré Bể Già » của ông, viên kép đóng vai ông Đồ đương thao thao bất tuyệt, không sai vở một chữ nào... Chắc thế nào cũng có người quen trong gánh hát, ông cố chen vào tận hậu trường. Nhưng tuyệt nhiên không có ai là người quen biết ông cả. Một ông khăn lượt áo the, ngồi chồm chồm trên rương đồ, ý chừng là ông bầu gánh, đương mặt nhìn ông một cách hỗn xược. Ông Nghị tiến lại gần người ấy, từ tốn hỏi :

— Ông làm ơn cho tôi hỏi thăm ông Trùm....

Người ấy vẫn ngồi yên, hất hàm trả lời :

— Ông Trùm đây, ông Trùm là tôi đây chứ còn ai nữa. Ông cụ muốn hỏi gì ?

— Dạ, tôi muốn hỏi ông Trùm một điều là ông Trùm có biết tác giả tích hát này là ai không ? Và ông Trùm đã mượn vở hát này của ai?

— Tác giả là « cái dếch » ? Mà việc chó gì phải mượn của ai... Ông có ra khỏi đây không thì ông bảo ? Chỉ vớ vẩn... .

Ông nghị tức quá, định tát cho ông Trùm mấy cái, thì may sao mấy người bạn cùng đi với ông, cũng theo chân ông vào, kịp giữ được tay ông lại, và lôi ông ra ngoài. Trong khi đi ra, ông còn nghe rõ tiếng lão Trùm cười gằn mắng theo :

— Mẹ kiếp, chòng ai, chứ chòng vào tay ông, thì ông đánh cho bỏ bố ấy chứ lại...diên khùng thì cũng phải tùy từng mặt chứ. . .

Ông Nghị không lúc nào quên được câu chuyện này, gặp ai ông cũng kể lè, và xem ý ông tức giận lắm. Ông cho là các diễn viên thuộc vở viết lại, rồi đem bán ra ngoài. Từ đấy, ông không cho các diễn viên học vở nữa. Mỗi khi có vở mới, ông hội họp các diễn viên lại, dặn dò qua loa một lượt cho mọi người hiểu cốt chuyện và hiểu vai của mình sắm, rồi đến khi trình diễn, ở bên trong nhắc thế nào, thì bên ngoài sân khấu diễn viên cứ như thế mà nói, cứ như thế mà hát, nghĩa là không có diễn viên nào thuộc vở cả. Khi ra sân khấu trình diễn, các diễn viên phải hết sức chú ý vào lời nhắc bên trong ; bên trong nói một câu, thì bên ngoài nhắc lại, bảo hát thì hát, bảo đứng thì đứng, bảo ngồi thì

ngồi. Chính vì thế mà trên sân khấu Chèo Hát Cải Lương thường xảy ra những chuyện tức cười và bực mình, làm cho khán giả nhiều khi ngán người ra, không hiểu gì cả. Ví dụ như khi diễn tích « Tiều-Điêu-Thuyền », bên trong nhắc : « — Điêu-văn-Hãnh nói đi, tiến như thế này là thế công, lùi như thế này là thế thủ... » Bên ngoài sân khấu, diễn viên nhắc lại : « Tiến như thế này là thế công, lui như thế này là thế thủ... » Bên trong, người nhắc thấy diễn viên đứng yên nói, không làm điệu bộ gì cả liền nhắc : « — Ở kia sao lại đứng ỳ ra thế, phải tiến lên, lui xuống, làm điệu bộ đi chứ. » Bên ngoài, diễn viên, đang trí, tưởng là bên trong nhắc tiếp, nói luôn : « — Ở kia, sao lại đứng ỳ ra như thế, phải tiến lên, lui xuống, làm điệu bộ đi chứ. » Bên trong, Ông Nghị vò đầu vò tai rít lên : « — Thế có bỏ mẹ người ta không, làm điệu bộ cái con khi... đồ ngu như chó. » Bên ngoài sân khấu, diễn viên vẫn tự nhiên : « — Thế có bỏ mẹ người ta không, làm điệu bộ con khi... đồ ngu như chó. » Ông Nghị lại rít lên : « — Cút vào đi. » Bên ngoài diễn viên vẫn bình tĩnh : « — Cút vào đi. »

Những chuyện như thế xảy ra rất nhiều lần, có khi diễn viên vô tình, mà cũng có khi họ cố ý, để trêu ông Nghị. Nhưng ông Nghị vẫn không đời ý, nhất định không cho diễn viên học vớ. Cùng lắm thì ông cho diễn viên tập diễn trước khi diễn thật, nhưng trong khi diễn tập, diễn viên

cũng chỉ được nhắc thôi, chứ không được học. Chính vì thế mà các tích hát soạn về sau này, các gánh ngoài không hát được. Nhưng cũng chính vì thế mà nghệ thuật Hát Chèo giảm sút hẳn đi... Đi xem Chèo Cải-Lương người ta có cảm tưởng như đi xem các tài tử biểu diễn các điệu hát... Vì vai nào ra cũng ăn mặc tề chỉnh theo đúng thời trang, đứng xưng xưng, nói và hát một mạch, rồi đi vào, nhường chỗ cho người khác ra đứng xưng xưng, nói và hát một mạch khác. Những lớp đối thoại giữa hai hay ba diễn viên, thì mỗi diễn viên đứng hay ngồi một góc, nói chuyện đối đáp với nhau, y như người đọc sách. Diễn viên nào cũng phải chú ý vào lời nhắc bên trong, nên nét mặt người nào cũng ngây thộn ra, làm cho từ người xem đến người diễn, ai cũng ngán đến không còn chỗ ngán... Người mộ điệu, ham mê Hát Chèo, chán nản, lại quay về thích các tích hát cũ vậy. Nhờ một chính sách di trình diễn lưu động, công việc sáng tác của ông Nghị cũng nhẹ đi. Và lâu lâu, người khán giả trung thành của Cải-Lương mới lại phải xem một tích hát mới, đề mà thất vọng, vì nội dung các tích hát thì nghèo nàn, nhạt nhẽo, mà nghệ thuật diễn xuất thì tro trên và ngây ngô. Ông Nghị thấy mình không được hoan nghênh như trước, thì đâm ra gắt gỏng đồ lỗi cho diễn viên. Càng gắt, ông càng khó tính. Ông hằn học với tất cả mọi người. Ông không nhận thấy chỗ sút kém của Hát Chèo, nguyên do là tại diễn viên không

được tập luyện hần hoi, họ không thấu triệt được vai trò họ sắm, thì không lột được tinh thần, chứ đâu có phải họ không có tài diễn xuất. Chúng có là cũng những tích hát đó, sau khi được diễn đi diễn lại nhiều lần rồi, thì họ trình diễn rất xuất sắc. Nhưng đến lúc đó, thì tích hát lại cũ mất rồi, người xem rồi không ai chịu xem lại nữa, nhất là lúc đó, nó đã mang tiếng là không hay, là kém mất rồi. Cũng có thể là ông Nghị biết rõ điều đó, nhưng một là vì hiểu thẳng không chịu nhận lỗi, hai là sợ các diễn viên thuộc vở, viết lại, rồi bán ra ngoài, nên ông nhất định không thay đổi thái độ. nhất định giữ vững lập trường là không cho diễn viên học vở.

Một điều tai hại nữa là càng ngày ông càng đưa chèo Cải-Lương đi xa quá. Ông thường nói với các bạn hữu :

— Muốn cho Chèo Cải-Lương tiến bộ kịp thời, tôi phải kịch hoá Chèo Cải-Lương xem Cải-Lương Nam-Kỳ thì biết. Cải-Lương Nam-Kỳ sở dĩ thu hút được đông khán giả là vì người ta đã biết kịch hoá Cải-Lương Nam-Kỳ : những điệu ca du dương trầm bổng không quan hệ bằng điệu bộ diễn xuất ; một ca công có giọng hát tuyệt vời, giá trị nhất định không thể bằng một kịch công có điệu bộ diễn xuất điêu luyện. Chèo Cải-Lương hay Cải-Lương Bắc-Kỳ nhất định phải như Cải-Lương Nam-Kỳ, nhất định phải kịch hóa.

Ông nói thì đúng quá, nhưng ông

vẫn không cho diễn viên của ông học vở... Và ông quên mất bản chất của Hát Chèo là hài hước, là tiếng hát của đồng quê, tiếng hát của người nông dân bình dị. Đề kịch hóa Chèo Cải-Lương, như lời ông nói, ông đã đưa lên sân Chèo Cải-Lương của ông, cả những tích hát có tính cách hoạt động, ồn ào và náo nhiệt, dựng lên cả những cảnh oai nghiêm hùng tráng, rồi bắt các diễn viên Hát Chèo của ông phải vừa « ối a », « rằng đã », « tình mà », « rặc bạc hự », vừa bắn súng hay đo gươm. Ông đã bắt cả những bà Công-Chúa cùng các ông Nguyên-Soái phải từ biệt nhau bằng điệu hát « Quân-Tử Vu-Dịch », trong khi chờ đợi đưa những ông Tham, ông Đốc, bận lễ phục Tây-Phương. lên ngâm « Bồng-mạc » và hát « Làn Thâm »... Có lẽ vì quá hăng hái trông khi phục vụ nghệ thuật sân khấu, muốn thúc đẩy Chèo Cải-Lương phải tiến bộ cho nhanh, ông đã quên mất rằng xã hội nào cũng có những cá tánh riêng biệt của xã hội ấy, không thể trộn lẫn đi được : xã hội nông thôn có đặc tính của xã hội nông thôn xã hội trường giả có đặc tính của xã hội trường giả : từ xã hội nọ chuyển qua xã hội kia, người ta phải thay đổi từ nếp sinh hoạt, đến ngôn ngữ, tập tục, thì có lý nào một bà Công chúa trong cung vàng điện ngọc, lại hát những điệu hát của người nông phu, có lý nào một ông tướng oai phong ngoài mặt trận, một ông quan bề trên chốn công đường, lại hát những điệu hát của anh đi cày, hay

của chị đi cấy...Cò nhân xưa đương hát chèo, gặp lớp có vua, quan, tướng soái ra, phải tắt nhịp chèo đi, mà lên nhịp tuồng, là vì những vai ấy mà hát « đường trường » hay « dịp đuôi » thì nghe nó làm sao ấy. . .

Ông Nghị không chịu nhận như thế là phải, ông cứ nhất định đem râu ông nọ cắm cằm bà kia, cứ nhất định cho rằng bạn Âu phục mà đội nón, đi guốc cũng được...Thì vẫn nhất định là được, có ai dám nói lời thôi gì đâu. Nhưng người này có quyền có những hành động chương tai gai mắt, thì người kia cũng có quyền quay mặt đi : không có quyền phép nào bắt người ta phải thích những cái người ta không thích. Cho nên Chèo Cải-Lương mất tích cách hài hước, là mất cái sở trường, mất tích cách nông thôn, là mất cái bản chất ; người ta thích Chèo Cải-Lương là thích cái sở trường và cái bản chất của nó, nay không còn những cái ấy nữa, thì Chèo Cải-Lương không còn là Chèo Cải-Lương và người ta không thích xem nữa. . .

Nói tóm lại, thời đại vàng son của Chèo Cải-Lương đã cáo chung, vì những việc làm lầm của ông Nghị. Có người bảo là ông Nghị hết lộc, Tò chỉ cho ăn lộc có đến thế mà thôi. Cũng có người lại cho là tại các diễn viên đối xử với ông chẳng ra gì, thói thường « về mặt cho ma, ma nát », nên ông tức giận muốn làm cho Chèo Cải-Lương chết luôn. . .

Thế rồi lại liên tiếp đến những biến chuyển không ngừng của thời

cuộc : Thế Chiến thứ hai bùng nổ bên trời Tây, quân đội Phù-Tang kéo sang chiếm các căn cứ quân sự ở Đông-Dương, làm cho dân tộc Việt-Nam chẳng chồng ai, ghẹo ai, cũng bị cảnh bom rơi, đạn lạc...rồi khởi nghĩa, rồi kháng chiến, rồi di cư, hồi cư, người nghệ sĩ một tuổi một già, mà chẳng được lấy một chỗ yên thân. Chèo Cải-Lương cũng vì thế mà phiêu lưu theo thời cuộc, cũng ba chìm bảy nổi chín cái lệnh dềnh, không những không tiến được một bước nào, mà lại còn tan tác, toi bời xuống quá cái mức tột cùng của nghệ thuật !

Năm 1949, giữa thời tao loạn, gặp ông Nghị ở một vùng xa xôi thuộc một tỉnh miền Trung-châu Bắc-Việt, cầm đầu một gánh hát nghèo nàn đến có thể gọi được là đói rách, kẻ viết bài này có dịp hỏi ông tình hình sân khấu Chèo Cải-Lương, ông chỉ lắc đầu thở dài, một lúc lâu mới trả lời một cách bức tức.

— Hát Chèo mà bắt hát tuyên truyền thì hát thế « chó » nào được. Không hát thì rắc rối lời thôi, nay phê bình, mai cảnh cáo, mà hát thì có « chó » đũa nào chịu nghe đâu.

Nói xong, ông nhìn trước, nhìn sau, tinh thần có vẻ hoảng hốt.... nhưng hoảng hốt rồi lại như bừng bừng thịnh nộ :

— Mà cũng chẳng việc gì phải sợ. Ông tính tôi bằng này tuổi đầu rồi, thì còn cần gì nữa. . .

Ai nghe thấy ông Nghị nói như vậy cũng phải lấy làm lạ, không hiểu

một ông Nghị trước kia vui vẻ hoạt bát như thế, mà nay sao lại kỳ cục như vậy. Nhưng rồi ai cũng phải hiểu, khi thấy ban hát của ông trình diễn một tích hát tuyên truyền cho « Kháng-Chiến » và gượng gạo đề cao Công Nông. . .

Năm 1953, khi mọi người đương ăn Tết, thì ông Nghị hồi cư. Hà-nội nghệ-thuật đón tiếp người nghệ-sĩ già trở về không được trịnh trọng lắm. Vì ông Nghị trở về không còn là ông Nghị lúc ra đi nữa. Ông đã già mà lại lẫn. Hay nói cho đúng thì nghệ-thuật và thời cuộc đã làm cho ông hóa điên, điên như ông già háo ngọt trong tích « Tiền Mất Tết Mang » mà ông thường sắm vậy. Có khác, thì cũng chỉ khác ở chỗ một đảng điên vì tình, còn một đảng thì điên vì thời thế ; tất cả những cái

hay, cái đẹp, của danh từ « Kháng Chiến » đã đánh lừa ông...và người ta đã vứt ông đi, như vứt một trái chanh đã vắt hết nước.

Rồi giữa lúc Chèo Cải-Lương đương héo hắt sống những ngày tàn của nó, thì ông Nghị qua đời. Ông mất giữa mùa Thu năm ông trở về, mất trong tay người con trai duy nhất của ông là kịch sĩ Minh-Hải. Tất cả các nghệ sĩ sân khấu của Hà-nội, không phân biệt tuồng, chèo cải lương, hay cổ-diễn, đi đưa ông tới nơi an nghỉ cuối cùng, ai cũng ngậm ngùi tưởng nhớ đến ông, một nghệ-sĩ đã hiến trọn cuộc đời mình cho Nghệ-Thuật. Ai tại !

— HẾT —

Nam-Đỗ Canh-Tý
niên Hạ - chí nhật

VŨ-HUY-CHẤN

NHỮNG TÁC PHẨM HAY

GIÁ BÁN lại là sự HY SINH
của nhà Xuất Bản :

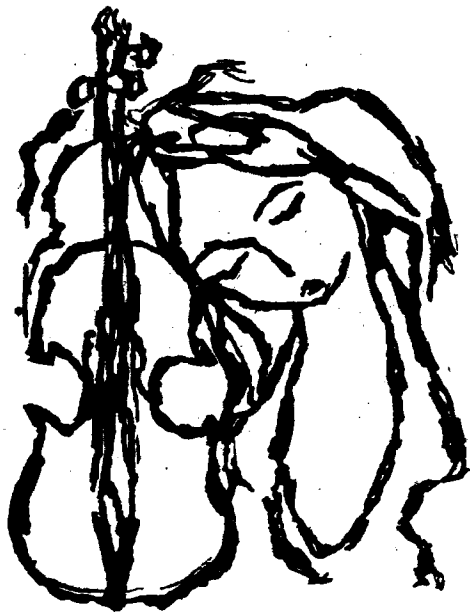
- GÌN VÀNG GIỮ NGỌC của Doãn-Quốc-Sỹ
200 trang, giá 30\$.
- KỲ-HOA TỬ của NGUYỄN-MẠNH-CÔNG
300 trang, giá 40\$.

Sẽ ra tiếp :

- TÂN XUÂN TÙY BÚT của LÊ-VĂN-SIÊU
- VÂN MUỘI (kịch thơ) của VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

Nhà xuất-bản : NGUYỄN - ĐÌNH - VƯỢNG
38, Phạm-Ngũ-Lão SAIGON

đàn khuya



Đêm về đàn mãi lên khơi,
Gieo ngàn âm hưởng vút trời trăng sao.
Hồn tôi đổ bến Ly Tao,
Đem từng ý lạ thả vào dòng mơ.
Tiệc hòa cạn chén ngàn ngo,
Phút không chờ đợi mà thơ đã vàng...

Hân hoan tôi nắm tay nàng,
Rủ nhau nhẹ lướt trên ngàn âm thanh.
Nàng đưa tôi tới trời tình,
Có đàn đom đóm kết thành hoa đăng.
Môi duyên nồng vị ái ân,
Gió ngàn rú cánh, lâng lâng tiếng lòng,
Tôi say uống ánh trăng vàng,
Lịm đi trong những tiếng đàn dê mê!

Bằng-Đinh

Lá thư sở trà

của THU - VÂN

Kính anh Thông,

Đã từ lâu, anh mượn tôi tìm hộ anh một mảnh vườn con với một ngôi nhà nhỏ, trên một vùng núi đồi « thật cao, thật xanh » vừa « hẻo lánh vừa gần đường xe chạy », để thỉnh thoảng anh lên nghỉ mát một vài hôm.

Tôi hiểu ý anh rồi ! Anh thật là tham lam ! *Hẻo lánh* để khi nào thích « tu tiên » thì anh rút vào động, nghe toàn tiếng chim kêu vượn hú, và uống toàn nước suối và *gần đường xe* để khi nào anh lỡ có thèm rượu Vít-ky thì leo lên xe, rồi ga một cái là :

« *Mấy hôm tiên cảnh, một bước trần ai* » anh có thể chạy đi tìm nơi nhậu nhẹt được rồi. Anh làm sao từ bỏ cái nếp sống phồn hoa của anh được mặc dầu nhiều khi anh than rằng ngấy lắm !

Bao giờ anh thấy ngán mùi gà quay, khoai rán thì xin mời anh lên đây nếm thử hương vị của nấm mối, măng le, ở cái vùng đèo heo hút gió này xem sao.

Tôi vừa tìm ra cho anh một nơi chắc là vừa ý anh lắm.

Không, không phải một nơi gần sở của tôi đâu, vì một lẽ tôi sợ anh Trung nhà tôi lấy cái bình Vít - ky sô - đa của anh. Thứ nữa, anh đã muốn « rửa chân » thì xin rửa cho thật sạch, đã nhảy thì phải nhảy cho thật cao. Xứ Blao coi vậy chứ cũng chưa cao gì lắm, và còn nhuộm cái mùi đô-thị mà anh bảo đã « ổn » lắm rồi. Muốn « tu tiên », mà tu cho đắc đạo kia, thì phải lên cao hơn thế nữa. Đến một nơi có suối róc rách bốn mùa, có thông ru giấc ngủ, có mây trắng bay dưới chân, cho anh ngắm

mà tưởng mình đã học được phép đẳng vân (như tiên thật !)

Có vậy thì anh « tu » mới mau thành tiên chứ !

Mà nhứt là gần đường xe chạy, có phải không anh ? Anh nóng biết ở đâu à ? Có khó gì đâu. Mọi việc tôi đã lo liệu cho anh xong xuôi cả rồi ; anh chỉ có việc sắp ngay một hoa li quần áo, một ít đồ ăn và đồ ngự hàn, leo lên xe, nhắm quốc lộ số 1 trực chỉ. Tôi biết khi chạy ngang đại lộ Lê Lợi làm gì mà anh chẳng gởi lời chào tạm biệt những tà áo xanh, áo hồng nhón nhơ trên hè phố, cho nên đều ấy tôi khỏi cần dặn anh.

Đề thay đổi, lên đây anh có thể tự ngắm những cặp vú tròn trĩnh đen dòn vênh sừng bò, của các nàng sơn nữ trên này. Và anh có thể mang cả về Saigon để thỉnh thoảng ngắm lại, nếu anh cần thận mang theo cả máy ảnh. Nhưng xin anh đừng mang theo ống dòm, hoặc có mang theo thì xin đừng dùng để nhìn trộm các nàng ấy tắm, như các ông bạn của nhà tôi dạo nọ, làm các bà phải hét rầm lên...

Đến Blao, anh khỏi cần phải ghé qua sở. Anh có ghé tới cũng không cho người dẫn đường anh đâu. Anh cứ chạy thẳng. Anh có rửa tội ác, tôi xin chịu, nhưng tôi chủ trương muốn tu tiên thì phải tự tìm lấy đường mà lên cõi tiên. Anh có thấy bao giờ Đức Phật hiện xuống để nắm tay dắt mình lên cõi Niết Bàn đâu. Chỉ để lại kinh sách cho mình học, rồi tự mình tìm lên cõi Niết Bàn một mình mình. « Tu » thì phải « hành » (nghĩa là đi) Phải có ít nhiều công quả mới mong đắc đạo được anh ạ.

Lên khỏi Fimnom một quãng ngắn, anh rẽ sang tay mặt, ngoi đi

Đơn Dương. Nếu dọc đường anh thấy dê cả bầy cả lũ, kéo nhau đi nghễu nghễu ngoài đường xin anh đừng lấy làm lạ. Cái giống be-he này nó vốn sanh sản mau lắm. Trước chỉ có mỗi một con dê xồm độc nhứt, đã cho tên cho quận này mà thôi (và hiện nay nó còn ngự trị đầu miệt quận lỵ Đơn Dương).

Thành phố nằm trong một cái lòng chảo rộng trồng nhiều rẫy rau cải Dalat. Một con đường sắt bắt ngang con sông đá lởm chởm, nước mùa trong mùa đục.

Xa tận chân núi, những ô hình vuông trồng đủ các loại rau, miến, đậu miến lợt, và đậu xa miết, những ô lúa rẫy màu vàng úa. Xung quanh có những giẫy núi, đồi, liên tiếp xây thành chảo bao bọc.

Anh đừng vào Đơn Dương. Ấy chết ! Xiển anh đừng nghi oan cho tôi : Không phải tôi sợ anh vào đấy rồi Đơn Dương sẽ hoá thành Song Dương hay Lưỡng Dương gì đó ! Không khi nào tôi lại dám có ý nghĩ vô lễ như thế đối với anh đâu ! Nhưng vì con đường đi đến « động tiên » của anh không có đi qua đấy. Khi sắp tới thành phố, nhìn bên phải anh sẽ thấy có bảng đề « Đơn Dương 1 km Anh dừng lại. Nhìn sang trái, anh thấy có một con đường lộ treo lên dốc núi một bên là thung lũng, có một hàng cột giây thép, một bên là rừng thông bắt ngát. Có bảng chỉ : « Trạm Hành 35km » (xin anh đừng cười, ở cái xứ này con số 35 là đi đâu cũng thấy).

Anh cứ noi theo con đường ấy mà đi. Đường dốc cheo leo, xe chạy từ triền núi này qua triền núi khác, tốt hơn là anh nên gài số ba, cần thận giữ lấy tay mặt và còi thường thường. Anh nên nhớ sớp phơ Đalat chạy ầu có

tiếng (ầu cõ như tôi chẳng hạn!)

Đi quanh quẹo một đôi độ mười cây số, đến một chỗ cao nhưt vùng, nằm trên miệng thung lũng Đơn Dương. Tại đó người ta có làm một cái nhà mát trên cao và sửa sang một chỗ cho xe hơi đậu.

Anh có thể dừng lại ngắm phong cảnh. Dưới kia, trong lòng chảo, là thành Phố Đơn-Dương : khu hành chánh với cái cột cờ con con lừng lừng lá cờ vàng nhỏ xiu, như đuôi con cá thia thia vàng ngoe ngoảy ; trại lính với những chòi gác như những chuông hồ câu cũ, khu phố chợ thấp li ti như dán sát mặt đất. Con sông Đa-Nhim uốn éo màu nước đỏ, con đường sắt như con rít đen bỏ ngang, lủi trốn vào rừng rậm.

Khí núi bốc hơi lạnh. Không khí trong suốt như thủy tinh và mát buốt như hơi nước đá. Anh cứ tự do hít vô thở ra. Lo phiền sẽ bay đi hết sạch. Hai lỗ tai anh, vừa được vớt ra khỏi cái lò rợn rợn của thành phố Saigon, vụt rơi một cách thú vị trong cái vắng lặng vô biên của núi rừng bát ngát, trở nên thính vô cùng, cơ hồ như lắng được cả tiếng ngân của không khí. Anh sẽ có cảm giác mình là một chiếc thuyền nan, sau nhiều ngày sóng gió giập dùi ở biển khơi, giờ được thả trên mặt hồ nước trong xanh, phẳng lặng như mặt gương.

Chòm thông cỗi, nín hơi reo trong tiếng rồ ga của xe anh khi sắp đỗ, vụt cất tiếng reo trở lại để chào đón anh. Chúng vừa nhận ra một người bạn mới. Thường những ông khách đi xe nhà đổ lại đây, để các cô thiếu nữ xuống xe ườn ẹo trên đôi giày cao gót, buộc túm lại cái khăn sau ót, trong một dáng đứng ườn ngực rất là khêu

gợi, đều là những bạn của rừng thông. Họ thích ngồi dưới cội thông hỏi nhau : Không hiểu tại sao gió về trong đám lá nhọn kia lại phát ra tiếng reo nên thơ như thế nhỉ ? Họ trầm trồ nghe, rồi tiếc rằng không có tuổi hạc lời thông.

Họ tựa sát vào nhau, quàng tay ra sau lưng nhau, và hôn nhau !.

Những cảnh ấy rừng thông thấy đã lắm rồi. Cả những cảnh hẹn hò, tiễn biệt, chia ly...và thề thốt nữa.

Anh Thông, anh cứ lắng tai nghe cho thật kỹ, xem có phải rừng thông nó bảo anh như thế không ?

Những khi ấy, nếu anh có chạnh lòng nghĩ đến cái « bước sang ngang » của cô Băng-Tâm, ý trung nhân anh, thì anh có thể ngậm nhỏ một mình....

« Nếu biết rằng em đã lấy chồng.

« Anh về lấy vợ thế là xong...! » để tự an ủi mình, anh nhé.

Đôi khi rừng thông còn kể thêm :

— Lại có những ông, mình bấm ra rượu Vít Ky, uể oải bỏ lên đây để tìm cái giã rượu. Và những ông chán cảnh hồng trần, muốn thoát tục, đi tu tiên. Lại có lắm lão gàn gàn mang gậy, quây bị len lỏi vào trong mấy hốc đá để tìm lan.

« Khách thập phương » của rừng thông là như thế đó. Thỉnh thoảng cũng có diễm thêm một nụ cười thoa son để thay đổi với những « nụ cười sơn cước » màu tím rạn quết trầu.

Anh đang ở vào chỗ cao độ nhưt. Có lẽ cao hơn cả Đà-lạt. Người ta bảo đứng tại đây, gặp những hôm trời thật trong, có thể nhìn thấy suốt tận ngoài bờ biển Phan-Rang. Tôi đi mấy lần đều gặp trời vẩn mây. Chúc anh gặp nhiều may mắn hơn chúng tôi nhé.

Cứ tưởng tượng : Da trời xanh, nước biển xanh mà núi cũng xanh... Cùng xanh cả, mà ba màu xanh khác nhau, tuy cùng giọt nước như nhau tôi bắt thấy thêm muốn chảy nước... mất (vì đây là thức ăn của mắt).

Nghĩ một chập, anh tiếp tục lộ trình của anh. Khi xe chạy quanh những quãng đường đèo núi dựng sừng sững, nếu bên kia sườn núi có phun ra những lạch suối con bạc trắng như chòm râu thần núi, anh chờ mê mải ngắm, kéo lạt tay bánh, sa xuống hố không ai hay.

Qua khỏi con đường tròn ốc, tới một quãng tương đối bằng phẳng hơn. Anh bắt đầu đến Trạm-Hành. Rải rác một vài nông trại nho nhỏ trồng su, cải bắp, hoa. Thỉnh thoảng một đồn điền cà-phê hoặc trà. Đồn điền trà lớn nhất vùng công ty Arbore Broyé của người Pháp, trồng trọt đến 500 mẫu tây trà, nằm dọc theo hai bên đường xe chạy, với những khu nhà sở quy mô, những đồi trà bát ngát, điểm những tháp canh cao ngất ngenn.

Đồn điền tổ chức như một quận nhỏ, có cơ quan hành chánh, chợ búa, trường học, nhà thương, đồn Bảo-An v.v... Tuy nhiên cây trà ở đây già cỗi, gốc to xù xì, lá hoe vàng, cho một thứ trà không ngon bằng trà Blao.

Anh chạy lướt qua một xóm nhà dân cư đông đúc, phần nhiều sanh sống về Đồn - đồn trà. Qua khỏi một đồi, có rừng thông trở lại và đường bắt đầu dốc. Lên đến đầu dốc, anh dừng xe lại : Đó là vùng tôi đã chọn cho anh. Anh tìm bên tay phải đứng trụ số, có đề chữ : Đơn-Dương 35 km : Đó là nhà của anh ! Xin anh đừng rửa tôi. Tôi không cố ý tìm thế để trên anh

đầu, nhưng vì phong cảnh địa điểm ấy đẹp nhất vùng.

Hai bên vệ đường, hoa cúc rừng màu vàng, hoa sim màu tím, hoa lau màu trắng sẽ ngả ngón đón chào anh.

Anh sẽ đến đây vào một sáng đẹp trời, anh làm thế nào để đến vào buổi sáng, tôi không cần biết, nhưng tôi thích tưởng tượng như thế.

Mùa xuân sẽ rải nắng, rắc vàng, gieo hoa, thả bướm, nẩy lá, gọi chim, trên khắp nẻo núi đồi màu xanh lục chảy tràn khắp nơi. Mấy gốc thông to quét lướt thướt những cụm bóng màu thạch lục lên trên nền cỏ non vàng mượt ánh nắng mai. Cửa thiên-thai đang đón chờ anh đó, chỉ còn thiếu một ít « lá đào » rơi rắc nữa mà thôi.

Anh rẽ xe vào một con đường đất nhỏ, hơi gồ ghề nhưng không lầy lội, nằm về bên phía trái. Cho xe tiến chậm chậm, anh sẽ thấy từ từ nhô lên sau một mỏm đá dựng, một nếp nhà tranh xinh xắn. Một cột thông già, rễ bám vào hốc đá, vỏ mốc thối xù xì, giơ những cánh tay khẳng khiu trên mái nhà như che chở: Mái tranh mới còn ươm vàng mùi rạ mái tranh hình lục giác. Cả vách ván cũng còn vàng hực màu ván thông không bào, thơm ngát mùi nhựa thông.

Đấy, động tiên của anh đấy. Tôi hy vọng anh sẽ hài lòng. Anh sẽ tiến đến gần, lạ lùng nhìn những hệ thống dẫn nước suối bằng ống nửa khô, từ trong núi chảy đến bên hè nhà anh. Trước sân, mấy luống hoa mới sỏi, trình bày theo một lối mỹ-thuật riêng, khác với thẩm mỹ quen của anh. Anh đừng vội chê là bừa bãi. Biết đâu cái « lối

rừng » này nó lại không hợp cảnh hợp tình hơn và nó cũng có vẻ đẹp riêng của nó.

Bên kia, trên đồi cỏ, mấy con dê đang đùa nhau gặm cỏ. Anh sẽ tự hỏi : Quái dê của ai đến ăn cỏ trong vườn mình thế này ? Tôi xin đáp ngay : Thừa Anh, dê của anh đấy ạ.

Bây giờ, nếu anh muốn vào nhà, xin anh bắc loa tay hướng về phía đàn dê gọi lên một tiếng lớn : Nheo ơi ! Sẽ có tiếng đáp lại, rồi anh thấy một đồng bào Thượng chạy đến trước mặt anh. Tôi xin giới thiệu cùng anh đó là Chú Nheo, quốc tịch « Việt Nam mới » gác đan cái động tiền nhà anh. Người « Việt Nam mới » này cũng còn đóng cái khố cũ rách cũ mềm, và chỉ mới « mới » ở cái áo bành tô mà tôi đã « bê » cho y hôm chuyển vừa rồi.

Anh sẽ cố lựa một nụ cười thật tươi, nụ cười tươi nhất của anh để anh bắt đầu làm quen với chú Nheo của tôi nhé. Vì đối với hạng người mộc mạc này, chỉ có cảm tưởng đầu tiên là đáng kể. Anh có gây một cảm giác tốt đẹp sau này sự giao thiệp giữa anh với người trông nhà cho anh sẽ được mọi sự dễ dàng.

Anh đừng ngại gì cả. Nheo biết nói tiếng Việt. Không nỡ trác anh về khoản đó. Anh sẽ nở một nụ cười thật tươi (như khi bạn anh sắp sửa giới thiệu anh với cô Đào, cô Lý, ở Dancing Đ.) và anh sẽ hét lớn vào tai nó :

— Tôi là ông Thông đây !

Rồi nếu nó có vẻ chưa nghe ra, anh sẽ gõ cái ống điều cốt trên môi anh xuống gõ vào gốc cây thông già trước cửa nhà đoạn, vỗ vào ngực anh và gục gặt đầu. Vậy là thế nào nó cũng hiểu.

Vì tôi đã dặn nó, có ông nào đến đây xưng tên là Thông, đó tức là ông chủ nhà này, nó phải tiếp đãi cho tử tế. Hôm ấy nó đã lập đi lập lại tiếng Thông nhiều lần cho nhớ. Rồi chợt nhìn thấy cây thông ngay trước cửa nó cầm cái ống điều trúc của nó gõ vào gốc thông mấy cái và hỏi tôi : có phải thứ « thông » này không ? Tôi gật đầu bảo phải. Nó bành miệng ra cười, hãnh diện với điều nó vừa phát minh, như Kha luân Bố khi tìm được Tân Thế Giới. Bởi vậy, nếu lỡ nó có quên, anh cứ lấy ống điều gõ vào gốc thông rồi vỗ vào ngực anh, tức khắc nó sẽ nhớ lại.

Tôi đã có sẵn sẵn một ít bàn ghế và đồ làm bếp cho anh. Mỗi ngày, anh có thể sai Nheo đi chợ ở đồn điền Arbrey Broyé, nhưng chắc là anh phải tự làm bếp lấy, vì chú Nheo, bởi vinh của chúng ta chỉ biết làm có mỗi một món : gà hầm bunn nướng, chấm muối ớt mà thôi (gà rừng bắt vận cổ để nguyên lông hầm bunn non, lấy rơm bó lại, đem nướng chín. Khi ăn lột bỏ luôn lớp da và lông ngoài, xé thịt trắng chấm muối ớt. Thứ này có lần chúng tôi đi bắn bị « ăn thịt hổ » nghĩa là về tay không ; bạn về ghé tạt vào sóc ngủ nhờ, có được họ cho ăn một lần : mùi vị rất đặc biệt...hồi bunn.)

Nheo nó chưa có vợ. Nhà nó ở tận phía dưới đèo Blao, bị cha mẹ bắt ép « gả » nó cho chị dâu nó, vì anh nó chết. Nó không bằng lòng nên trốn đi, đến ở sở tôi. Song nó cũng còn sợ cha mẹ nó kiếm bắt được, cho nên nó xin ra ngoài này coi nhà cho anh, cho nó xa mắt tầm đi.

Tôi không đùa anh đâu. Phong tục trong các sóc là vậy đó. Anh có muốn được cái « nướng » cười

bằng hai chén rượu cần thì cứ vào Sốc mà xin nhập tịch dân « Việt-Nam mới ».

Có lẽ tôi nói hơi lộn xộn. Để tôi xin trình bày rõ ràng lại cho anh nghe : Trong các sóc, người đồng bào mới của chúng ta vẫn còn theo chế độ mẫu hệ cũ, người đàn bà phải đi cưới chồng, dẫn cưới cũng có trâu, gà, dê, chén rượu cần, rượu nếp đủ thứ. Nếu chẳng may anh chồng qui tiên trước chị vợ thì gia quyến bên chồng phải đem em trai hoặc anh chồng thay thế. Nếu không thì hình như phải trả đồ dẫn cưới lại, và còn phải phạt vạ sao đó nữa.

Nhéo nó bảo chị dâu nó mình mảy lác không mà lại hung dữ lắm cứ xách lỗ tai nó hoài, cho nên anh nó vừa nằm xuống là nó sợ bỏ trốn biệt.

Nếu nó cứng đầu, anh cứ hăm bắt nó đem về giao cho chị dâu nó là nó sợ xanh mặt, xếp ve liền. Nói chơi thế thôi chứ nó rất ngoan ngoãn, tánh tình chất phác, ngay thẳng rất sợ « Ông Trời » hại nếu làm quấy.

Vì thế, không bao giờ người ta có thấy đồng bào thượng trộm cắp cướp bóc hay giết chóc ai.

Chỉ phải cái tật thích nhậu rượu trắng mà là cái thứ rượu phần xanh cay lôm ẩy. Anh cho nó đồng nào nó lại ra quán nhậu tí ti cho tới say mềm say mệp, không biết đường nào bỏ về. Rồi anh lại mất công đi tìm nó để diu nó về. Vậy nếu anh muốn cho nó tiền, đợi hôm về hăng cho. Mặc cho cu cậu trên này say bí tỉ.

Nó không mê gì hơn thứ đó. Nếu anh muốn mua chuộc lòng nó anh cứ đãi nó một cút mạt-ten của anh. Nhưng rồi nhớ cất kỹ chai rượu đi nhé.

Anh cứ ở đấy mà tu cho tới khi nào anh chán su-su với bắp cải, thì anh sẽ tính chuyện hạ san. Muốn đi chơi rong anh có thể vào núi giả đồ tìm lan hoặc xuống suối giả đồ câu cá để đón ngấm những nụ cười sồn cức hay những bầu vú đen đôn.

Hoặc giả khi ấy anh có « say mê mùi đạo » Không muốn trở về nữa thì chừng đó anh sẽ thành tiên thật. Tôi sẽ là người ngạc nhiên trước nhưt. Nhưng tôi không tin thế. Tôi hy vọng anh sẽ trở về và đang ở nhà để chờ đợi lúc tiên giáng hạ trần đây.

Thu-Vân

ĐÓN ĐỌC

THẾ KỶ HAI MƯƠI

Tập-san khảo-luận sáng-tác phê-bình văn-nghe
Phát-hành toàn-quốc ngày 1 mỗi tháng



TIẾNG KÊU

truyện ngắn của
Y - UYÊN

HẪN đến ở đây đã được nửa tháng.

Trước hôm hấn đến, vợ bác hai Tâm sang ngồi bên nhà Lan hàng tiếng đồng hồ để nói về người thuê nhà của mình. Bác bảo vì cần tiền đóng hụi nên mới ngăn cái chái ở đầu nhà thành một phòng nhỏ để cho thuê. Hấn tìm gặp bác sau khi mảnh bìa để cho thuê đem ra đóng vào cây dừa ngoài ngõ được một buổi sáng. Trông bộ quần áo lịch sự và đôi kính trắng của hấn, bác thấy ngần ngại không muốn dẫn tới căn phòng tối tăm, ẩm thấp—theo ý bác chỉ thích hợp cho những gia đình lao động. Nhưng đến lúc nhắc tẩm phen che cửa, ngó vào trong một lát và hỏi giá tiền mướn mỗi tháng, hấn cười bảo bác:

« Ngày kia, chủ nhật, tôi sẽ dọn đến. »

Bác hai Tâm còn nói tới nghề nghiệp và người vợ mới cưới của hấn. Bác đoán chừng người này chắc « văn minh » và « đẹp » lắm. Lan cười thầm về tính tò mò của bác hàng xóm. Nàng không hiểu hấn là hạng người thế nào, sao lại nói cả với một người lạ, về người vợ mới cưới của mình. Tưởng tượng đến một người đàn ông được kiêu hãnh vì vợ, lúc nào cũng muốn mọi người biết đến và khen phục vợ mình, tự nhiên Lan muốn biết mặt vợ chồng hấn.

Sáng chủ nhật, Lan đứng ở sân nhìn chiếc xe xích lô máy chạy vào trước cửa nhà bác hai Tâm. Hấn xách một cái va li cũ xuống trước, còn người vợ vẫn ngồi trên

xe, mở « sắc » lấy tiền trả xích lô. Nàng vận tấm áo ni lông vàng tươi, quần đen bóng. Mớ tóc dài có nhiều đợt gợn, buồng xuống tới ngang lưng. Lan tìm tì, vừa quan sát người đàn bà, vừa nghĩ đến mấy chữ « văn minh và đẹp » của bác hai Tâm. Nàng chắc người này phải tới hăm nhăm, hăm sáu tuổi. Khuôn mặt đã sạm nắng, lại có vẻ choắt lại vì cái cằm dài nhọn.

Đề ý cả hai vợ chồng hần lẫn chiếc va li, Lan không thấy có gì chứng tỏ họ vừa làm lễ cưới mấy hôm trước. Tay họ không một chiếc nhẫn, tai người vợ cũng không đeo vàng.

Chiều hôm ấy, Lan như quên hần họ.

Nhưng các ngày sau, lúc đứng ở sân hay ra ngoài ngõ, bỗng nhiên Lan thấy khó chịu vì phải đề ý đến quần áo, đến dáng đi của mình. Hình như, sau tám vải đồ che ở cửa sổ của phòng hần, đôi mắt kính lúc nào cũng theo dõi hoặc có những cái nhìn thô bỉ bám lên các đường nét, các bắp thịt của Lan. Có hôm đang đi, nàng chợt quay lại bắt gặp hần đang vén mảnh vải bên cửa sổ nhìn mình. Thấy vẻ mặt bỗng mất tự nhiên của Lan, hần mỉm cười, quay lưng đi vào trong. Lúc ấy, tim Lan đập mạnh hơn, mặt như nổi rôm nóng và khó chịu — Lan tự bảo phải điềm nhiên để hần hiểu rằng sự có mặt của hần, dù có kèm theo cả đôi mắt hèn nhát, thô bỉ cũng không đem cho nàng một ý nghĩ. Nhưng mỗi lúc muốn tỏ thái độ ấy, Lan lại càng mất bình tĩnh. Nàng tự nguyện rửa vì thấy mình như đóng kịch, đóng kịch trước một khán giả là hần. Có lúc vô tình, Lan hình dung lại khuôn mặt của hần để thấy rõ những nét đáng khinh ghét, song trong ký-ức nàng, ch

còn lại về vương vấn, đầy đặn, bí bí và đôi kính trắng bắt qua cái mũi gầy.

Một hôm, đi chợ về, Lan gặp hần đứng vợ vờ ở ngoài ngõ, hai tay đút túi quần, miệng huýt sáo nho nhỏ. Chiếc « ca vát » đỏ sẫm như máu đông buồng xuống vòng ngực nở, làm nổi bật tấm áo trắng ngả màu cháo lòng. Hần ngừng lên chào Lan, đôi mắt sau tấm kính như đi xuống hần tiếp :

— Cô đi chợ về ?

Lan đáp rất nhỏ, như không cần cho hần nghe. Bước theo nàng hai tay hần vẫn cho vào túi :

— Thấy bên cô có ao cá, tôi vẫn muốn sang xem, nhưng mỗi lúc đến gần cổng, lũ chó lại sủa ra sủa dữ quá.

Lan khó chịu song vẫn phải mỉm cười vì giọng điệu có vẻ thành thật buồn cười của hần. Nàng tò mò, muốn nhắc đến vợ hần, nhưng không biết xưng hô thế nào cho tiện, thì hần đã nói ngay :

— Hôm nay cô em tôi đi vắng, không có ai thời cơm.

Lan ngược nhìn hần bằng con mắt khô hời, định nói :

— Vì thế ông sang nhờ tôi nấu giúp ?

Hình như đoán được tư tưởng tình nghịch của nàng, hần tiếp :

— Nhưng dù sao, tôi sang bên cô vẫn chỉ có một ý định là xem cái ao cá.

Lan lơ đãng không nói, thử xem thái độ của hần lúc thấy nàng lạnh lùng. Hần vẫn thản nhiên.

— Cụ nhà hôm nọ đi chùa về, cũng tạt vào thăm tôi. Cụ trông vẫn còn khỏe mạnh lắm.

Nghe hần nói, Lan « a » lên một tiếng, và kéo dài giọng. Hần có

về thông minh, chắc phải hiểu câu nói ngấm của nàng :

— A, ra các anh chỉ có một lối ấy.

Nàng tưởng nói câu này sẽ làm hấn cắt hứng và biết rõ người con gái đang đi vội hấn hơn :

— Nhưng thưa ông, mẹ tôi không có nhà.

Hấn cũng « a » một tiếng, đoạn gật gật đầu làm mớ tóc vừa khô vừa dầy rung rung :

— Cô đã quên rồi ? Tôi sang đây vẫn chỉ có một ý định.

Không biết nói sao, Lan làm bộ khó chịu, cố tình cho hấn thấy.

— Nhưng điều đó cũng chẳng quan-hệ gì, phải không cô ? Tôi cũng hay đăng trí như vậy.

Lan mĩa mai :

— Hy vọng lúc này ông không đăng trí để vẫn nhớ rõ cái ý định của ông. Nếu không, tôi sẽ phải nhắc.

Hấn im lặng. Lúc qua ao cá ở trước sân, đứng như Lan nói, đáng lẽ hấn dừng lại xem nhưng lại toan theo nàng vào nhà. Lan làm bộ ngạc nhiên, nói to :

— Thưa ông, ao cá « đề » ở đây.

Vội về mặt ngõ gác, đột biến sang tươi cười như mừng rỡ, hấn nhanh nhẹn bước lại bên bờ ao. Cúi lượm một cục đất nhỏ, ném mạnh xuống mặt nước, hấn hớn hờ nhìn đàn cá nguầy tung, đập vào nhau phạch phạch. Rồi như một người rất ư nhân nhĩa, hấn chậm thuốc hút, tay tỳ trên một cây gỗ bắc ngang hàng rào, mắt nhìn vợ vẩn. Bên kia bờ ao, một hàng dừa xanh cao nghêu, trĩu quả, gốc choài ra mặt nước, bóng in xoắn xoắn vào nhau theo gợn sóng.

Từ trong nhà trông ra, Lan thấy hấn đứng lì bên bờ ao thì ngạc nhiên và hơi thất vọng. Nàng tưởng chỉ trong một lát, hấn sẽ phải thú nhận đã ý bằng

cách bỏ về hoặc vào nhà gặp nàng. Thật ra ao cá không có gì mới lạ, vả lại lúc ấy nắng đã rải kín mặt sân và phía bờ ao hấn đứng. Lúc này vào cuối tháng ba, trời sắp chuyển sang mùa mưa. Mấy hôm liền nóng oi ả, dầm dết. Không khí ứ nghẹn. Buổi sáng có vẻ âm u, ngồn ngột, lúc có ánh nắng đã thấy nắng vàng ngay, một màu vàng chói chang. Màu vàng làm Lan liên tưởng tới người vợ của hấn. Lòng tò mò bất nàng phải đoán rằng giữa vợ chồng hấn có nhiều cái kỳ lạ, nhất là người vợ, từ hôm dọn đến đây, người đàn bà này có vẻ ít nói, không thích giao thiệp với người xung quanh. Đáng đi của nàng lắm lũi và cô độc.

Lan thấy kinh sợ. Nàng nhớ tới câu truyện bác hai Tâm nói về vợ chồng hấn. Bác thần nhiên kết luận :

— Từ hôm họ dọn đến, suốt ngày chỉ ở trong nhà và... như vậy thật là đôi vợ chồng mới cưới. Khiếp.

Nửa giờ sau, hấn quay vào trong nhà chào Lan :

— Tôi vào chào cô đề về.

Lan cười mẫn nguyện nhưng tự nhiên lại nói :

— Ông hãy vào soi nước.

Hấn vào ngay, không do dự. Hình như hấn biết Lan đã hiểu tư tưởng của mình và không phản đối. Chân gồ nhịp trên mặt đất, hấn huýt sáo.

Lan kéo ghế, rót nước, nàng muốn trở lại câu hỏi về vợ hấn. Bằng một giọng thật thà, thật thà vì khinh thường, hấn cho biết người con gái ấy đã bỏ đi chiều hôm qua. Hấn khen người đó khá, đã biết hấn chán và đi không gây lời thôi cho hấn. Từ trước đến giờ đã ba bốn lần hấn đem gái chơi về nhà, sản sóc, chiều chuộng như một người vợ thật sự. Thực ra hấn còn yêu nhiều người khác nữa,

nhưng chẳng bao giờ nghĩ đến truyện chung sống với họ. Hắn cho rằng lấy một người con gái tử tế, hẳn mất tự do đi nhiều lắm. Còn đối với gái làng chơi, khi mới về với nhau, người nào cũng có ý nghĩ dứt khoát rồi, không bao giờ đòi hỏi, hy vọng ở nhau quá mức cả.

Nghe hắn nói, nhiều lúc Lan đỏ mặt và thấy mình quá táo bạo dám đề hắn kể ra những sự thật đáng lý cần phải giấu. Nàng thấy mình như phạm tội, như công nhận cảm tình của hắn. Hắn châm thuốc hút, ngả lưng vào thành ghế, nhìn Lan băn khoăn. Tự nhiên nàng khó chịu, xoắn xang vì đã đi sâu vào tâm hồn hắn lúc nào mà không biết.

« Những ngày sau, hắn vẫn sang nhà Lan vào lúc mẹ nàng đi vắng đề thuật lại cuộc đời đã qua của mình. Càng ngày Lan càng thấy sợ hãi vì thấy hắn cũng như mọi người trai có những tư tưởng cực đoan, không có gì để nàng ghê tởm cả. Nàng không còn can đảm sua đầu hắn như lúc đầu, vì những câu truyện tàn nhẫn, trắng trợn của hắn có ma lực làm người nghe say mê, dù say mê trong ghê sợ. Hắn bảo Lan :

« Người con gái nào cũng thế, khi đã yêu ai rồi còn cố tìm ở người ta những điểm đáng ghét. Thật là mâu thuẫn. Đến lúc đã ngã vào tay người con trai rồi, vẫn còn nghĩ : « không có lý ta lại yêu một cách nhanh chóng như vậy. »

Lan tưởng hắn như một phù thủy, có đủ oai quyền để thực hành những ý muốn của hắn. Những câu truyện trinh thám đọc hồi nhỏ tìm cho Lan một thí dụ : Hắn chính là tên tương cướp đã báo trước cho người có của là nàng biết rằng hắn

sẽ lấy được những gì quý báu của nàng dù có đề phòng cũng vô ích, có khi còn làm hắn bực mình.

Hắn còn bảo lần yêu nào hắn cũng thấy như tình yêu lúc ban đầu và trong tình yêu nào hắn cũng có những ý tưởng man rợ, vì man rợ làm tình yêu đến tột độ của mãn nguyện. Tình yêu ấy là lý tưởng, con người có thể đạt được.

Một lần, nghe hắn nói, Lan tái mặt chỉ ra sân như truyền lệnh :

— Anh đừng tin vào tài phù thủy của anh nữa. Tôi muốn là người chứng minh cho lời nói này.

Hắn đứng dậy ngơ ngác rồi bật cười khan :

— Lan làm sao thế ? Sao tôi lại là phù thủy ? Dù sao, chuyện hiểu tôi, Lan nói hơi vội.

Lan cười gằn :

— Tôi lại phải chờ đến lúc nằm trong vòng tay anh mới biết rõ được sao.

Hắn nắm chặt tay Lan, nhìn chăm chăm vào mặt nàng. Cơ thể Lan run lên như một con chim ướt cánh, đôi mắt mở to trước đôi môi dày và ướt của hắn. Nàng muốn kêu nhưng không bật thành tiếng. Hắn bỏ tay ra, nói khẽ vào tai nàng :

— Rồi Lan sẽ hiểu. Hiểu tôi và hiểu cả Lan.

Nói xong hắn bình thản bước ra sân.

Lan gục xuống bàn khóc nức nở. Lúc ấy tiếng nói mới thoát ra khỏi được cuống họng ; nàng muốn có cái gì bầu vú, vì một ý nghĩ vừa chợt qua trong trí. Lan rung mình nhắc lại thành tiếng và tưởng như một lời biểu lộ yêu đương :

— Không có lý... mình lại yêu hắn chóng như vậy.

Y-UYÊN

trông rỗng mênh mông

đùa B.K.Đ

và N.V.T

Thôi, thôi, xin vãi cả hai Anh !
Còn rồi hơi... thơ kể « bại » « thành »
Đầu nhì, non Tây Người Áo Vải ? •
Kìa kìa : đất Bắc tụi quần manh !
Niết Bàn « trống rỗng », khôn tìm cảnh,
Thượng trí « mênh mông », lại nhớ tình !
Nói vậy thế thôi, đùa Bạn thế,
Đàn xưa, đây vẫn rộn tâm thanh.

THIẾU MAI

Học đòi mượn tiếng cái hoàng anh
Để ghẹo người mơ mộng chẳng thành.
Ai chán thơ xưa nhiều vấn điệu
Ta buồn thời mới già thông manh
Xa xôi nhớ chuyện Ô-y-hạng
Lạnh lẽo cao ngám thế thượng tình
Vàng vằng bên tai chim gọi bạn
Giữa đời ô trọc thế mà thanh !

TRÚC-LÂM

Giờ mới gieo vần họa các anh,
Giờ ơi ! Cho gửi chút tâm-thành.
Mấy thiên thơ gọi, đèn thao-thức,
Muốn ý thu về, áo mông manh !
Người cách Đèo Văn mây nào cảnh,
Thuyền neo Bến Nghé nước ngáy tình.
Ai hay bao độ trăng tròn khuyết,
Hương nhóm thi đàn, lãng hữu thanh ?

Sài-gòn, 25-6-1960

ĐỒNG - XUYEN

bên trong *gác tía lầu son*

nguyên tác của HOÀNG-TỬ-SINH

bản dịch của PHẠM-LỆ-OANH

TRONG một khu đại thương-nghiệp của một thành-thị nọ, đứng sừng sững một toà nhà lớn, hoa-lệ đường-hoàng, bốn mặt có vườn rộng bao vây, trồng toàn các thứ hoa-mộc kỳ lạ từ Âu-châu đem lại, do hai người làm vườn suốt ngày sửa sang tề-chỉnh.

Nhắc đến toà nhà này, không phải nói ngoa, thực không một người dân nào trong thành phố là không biết; tưởng chừng như tấm tiếng toà nhà ấy còn lừng lẫy hơn cả toà Thị-chính lẫn công-viên của thành-phố. Không những con đường lớn chạy qua cửa toà nhà ấy đã lấy chính tên nhà ấy mà đặt là « Con đường Tào-trang », ngay đến

cả một khu vực phụ-cận đó cũng được gọi là « Khu đất Tào-trang ». Giả-sử mở địa-dồ thành phố ra coi, cũng thấy ngay một khu lớn vuông, bôi màu xanh lục, trên đó có in hai chữ « Tào-trang ».

Sống trong toà nhà này, là một tay buôn nhà buôn đất, năm nay gần bảy mươi tuổi cùng vợ « vá vấu » của lão, xuân xanh chừng ba chục. Ngoài ra, còn một bọn rất đông người làm, cả nam lẫn nữ.

Lão lái buôn nhà đất này tên là Tào-bách-Đạt, trong tay có tới một phần hai mươi tổng số nhà đất trong thành phố — nhân thế lão đã gây được một địa-vị

riêng biệt trong xã hội. Trước kia, cứ mỗi vị Thị-trưởng nào mới tới nhậm-chức, thời việc to nhất của vị ấy là thân tới bái phỏng lão, xin lão chỉ-giáo. Gặp khi có những chính - lệnh gì muốn công - bố ra, trước hết hãy đến xin lão chỉ - bảo cho xem có điều gì phải tu-chỉnh lại chẳng, sau đó mới đem ra thi-hành. Tóm lại nếu không thế thì ông Thị-trưởng đừng hòng làm việc được lâu dài.

Tào-bách-Đạt trước kia thường được mời đi, cùng ngồi ngang hàng với ông Thị-trưởng ; sau này hẳn mới biến ra thành một hạng thâm-cư ít ra đến ngoài, các sự giao-tiếp họp tập dần dần giảm bớt. Trong các cuộc hội-hè kỷ-niệm, lão đọc những bài diễn-thuyết dó-dần chẳng ra thông cũng chẳng ra bất-thông, nội-dung lúng túng đương nói gà lại nói ra vịt. Tình-trạng như thế, có thể nói rằng tinh-lực lão ta kém sút quá rồi.

Còn cụ « *vợ vá vú* » của lão, thời vài năm trở lại đây, sinh sống theo lối « chim lồng », kẻ thì chẳng cứ một nơi công-cộng nào, ngay đến nơi khuôn cổng lớn nhà « Tào-trang » cũng ít khi cụ ra tới. Theo một số rất ít người được trông thấy cụ, họ nói rằng cụ là người rất mực ưu uất, nhưng cụ cũng là người nhất mực xinh đẹp.

Đến như thân thể của cụ thời ít người biết tới. Nhưng cũng có kẻ nói rằng cụ là một đóa huê trong trường Đại-học nọ ở phương Bắc, nhân có lần trường Đại-học định

dựng một thư-viện, có phái mấy nữ-sinh tới quyền tiền lão già nọ, vì thế mà họ nhận ra cụ. Từ đó về sau, bọn người này, kẻ thì đặc-biệt chú ý đến vẻ kiều-diễm của cụ, kẻ thì lại chú-ý đến sự giàu có của cụ, rút lại có biết bao cái hay cái tốt đã quy tụ cả vào cụ. Câu chuyện đại để như thế, lấy lúc ấy mà nói, tình không căn cứ vào đâu cả ; duy chỉ có số các người thích mượn đó làm đầu đề văn-chương, và nhờ đó họ sản ra được những thiên kiệt-tác mà thôi.

Một hôm về mùa xuân, giữa lúc trong vườn « Tào trang » trăm hoa đua nở, có ba vị y-sinh được mời tới, họ đều là những tay lão kinh-nghiệm đã sẵn sóc cho lão ta từ lâu năm cho nên đối với mọi chứng bệnh trên mỗi bộ phận trong mình lão, họ đều biết một cách rất rõ rệt.

Sau khi thăm bệnh tình lão, bọn này họp lại bàn-luận với nhau một lúc rồi quyết-định kiến-ngợi với lão việc đòi máu, họ cùng nhận định đó là biện-pháp cuối cùng ; rồi họ nói với cụ vợ lão rằng :

— Cứ như chúng tôi xem thời cụ nhà lần này quyết phải được đòi hẳn máu vì trong huyết-dịch của cụ có chất độc thuốc-phiện và độc dương - mai, nếu không theo phép đó thời khó lòng cụ lành mạnh lại được như trước.

Cụ cúi đầu nghe rồi ngẫm-ngĩ, sau đó đến bên giường lão, rạp mình xuống tận nơi khe khe nói với lão :

— Theo ý các vị y-sinh thời ông cần phải thay hãn máu đi.

— Quanh quần lại vấn câu chuyện cũ thôi (lão nói ra vẻ khó chịu lắm) — thế thì trong máu ta có chất độc gì mà ghê gớm vậy.

— Thì y-sinh người ta đã nói thế, hãn là đúng chứ lị ! (Mụ ôn tồn nói với lão).

Lão nghĩ ngợi một lúc rồi nói một cách gượng-gạo :

— Thôi được ! thì hãy theo ý họ xem sao !

Bọn y-sinh liền trở vào trong phòng, bàn về việc đổi máu. Họ nói rằng cần phải kiếm được người nào cùng một loại huyết-hình với người bệnh và phải thực khang kiện. Lấy máu của người ấy đổi sang cho lão tự nhiên là lão trở nên khang-khỏe ngay.

Tiếp theo đấy bọn này bàn đến việc làm thế nào tìm được một người đủ điều-kiện đổi máu. Do đó, tự-nhiên là họ nghĩ đến bọn đàn ông vẫn làm công trong nhà lão :

Chẳng mấy chốc bọn làm công bảy người đàn ông đều bị gọi lên đứng trước mặt các y-sinh, trong đó trừ bốn người vì nhiều tuổi, bị loại ra ngay, còn ba người kia đều bị rút lấy máu, sửa soạn đem đi thử.

Bữa sau, các vị y-sinh đem kết-quả cuộc thử máu lại, nói rằng một người trong bọn kia xét ra huyết cầu hoàn-toàn đúng với lão, và lại là người khỏe mạnh.

Người làm công ấy lại bị gọi lên và khi nói cho hãn biết ý muốn lấy

máu hãn, và máu của chủ hãn đổi lẫn cho nhau, hãn mếu máo khóc rằng :

— Như thế thời tôi biết làm thế nào được bây giờ ?

— Chẳng sao cả ! (bọn y-sinh quát lên) có đôi chút nọc nghiện thôi mà !

— Nọc nghiện ư ? Trời hỡi ! Tôi lấy tiền đâu để hút thuốc phiện bây giờ ? (Hãn nói ra vẻ sợ sệt lắm).

— Mẹ kiếp ! thằng ranh này ! (Tào-bách-Đạt nằm trên giường, cố sức nói lên) Không có bố mày viết thư ra van lơn ông thời mày đã chết đói rá họng ở nhà quê rồi còn đâu đến bây giờ nữa !

— Thôi hay là ta cấp cho hãn ít tiền, ông nghĩ sao ? (vợ lão đề nghị như thế).

— Ừ được, cho ngay nó năm trăm đồng (lời lão già nói).

— Năm trăm đồng ư ! (hãn vừa khóc vừa nói) năm trăm đồng chỉ đủ hút thuốc phiện được vài tháng !

Đối với một cử-dộng tự cho là khàng-khái hào hùng như vậy mà bị hãn cự-tuyệt, Tào-bách-Đạt bị sức-cảm mạnh, tức thì biến hãn nét mặt đi, lão ngó nhìn hãn rồi hỏi một cách như mĩa cọt :

— Thế một vạn, có bằng lòng không ?

— Tôi không bằng lòng thế. Về nhà mà chết đói thì đành vậy tôi không muốn kiếm ăn bằng thứ tiền ấy ! (Hãn nói đoạn, cầm đầu chạy tháo ra cửa đi thẳng).

Tào-bách-Đạt, mụ vợ áo và bọn y sinh bị việc vừa xảy ra làm cho bối

rồi một hồi, kẻ nọ người kia đều ra về thất vọng. Nhưng ngay lúc đó mẹ vợ họ Tào chợt nhớ tới một người, không biết hữu ý hay vô ý, mẹ nói :

— Tôi thấy chỗ mé cách bên công lớn nhà ta không xa mấy, có anh thợ chữa giày, hãy còn trẻ tuổi.

— Thế à ! Vậy ta cho tìm hẳn lại nói chuyện xem sao (lời bọn y-sinh nói).

Một lát sau, một người làm công đem anh thợ giày lại, vai hẳn gánh một gánh đồ, trên mặt lộ vẻ tươi cười.

Hắn bước chân vào tòa nhà hoa lệ, mắt không lúc nào yên không nhìn khắp mọi nơi, tưởng như mình được bước vào một thế giới nào khác. Được dẫn tới trước mắt bọn y-sinh, hẳn toét miệng ra cười với cái lý của kẻ vụt chốc được người trên đếm xia đến mừng quá mà đâm sợ.

Các y-sinh nói ; tôi tính việc lấy máu của anh và máu của tiên-sinh đây đòi lẫn cho nhau. Anh cũng biết rằng Tào-bách-Đạt tiên-sinh đây là người có danh tiếng lớn ở vùng này. Nếu anh vui lòng đòi thời chúng tôi sẽ chích lấy tý chút máu của anh đem thử xem.

— Lại còn điều này nữa (— mẹ vợ họ Tào nói thêm vào) anh còn được một nghìn đồng là khác.

Anh thợ giày này, chắc độ hai mươi ba, hai mươi bốn tuổi thôi, coi có vẻ ngây thơ, hẳn gãi đầu một hồi rồi nói :

— Tốt lắm ! Tào tiên-sinh thì tôi biết, tôi sẽ được hưởng thụ cái máu

phú quý của tiên-sinh thì may mắn tôi biết chừng nào !

Đôi bên thỏa thuận rồi. bọn kia liền lấy mũi trích, rút lấy ít máu của hắn, đợi sớm hôm sau, nếu máu của hắn dùng được tức khắc sẽ thông báo cho hắn biết.

Hôm sau, các y-sinh lại tới ; thời trong tỉnh này có thứ máy móc nào tối tân nhất là họ vác đến. Anh thợ giày tức khắc bị triệu lại, cùng nằm một giường bên cạnh Tào-bách-Đạt. Sau khi đã phủ tấm khăn trắng tinh lên người rồi, công việc đòi huyết tức khắc tiến hành.

Mẹ vợ họ Tào đứng một bên, trong thâm-tâm hơi cảm thấy không được yên lòng, vì mẹ không biết anh chàng thợ giày trẻ trung kia sẽ thành ra thế nào ?

Công việc đòi máu xong xuôi, rồi, anh thợ giày cười hi hi, tự trong tấm khăn trắng chui ra, anh ta nhìn xem da thịt mình không có gì đòi khác cả, liền hỏi ngay :

— Tiền đâu ?

Mẹ vợ họ Tào liền đi lấy một tấm chi-phiếu (chèque) chạy đến bên anh hàng giày, trong tâm-lý mẹ lúc đó hơi rối-loạn, tưởng như có điều gì muốn nói nhưng khốn nỗi không biết nói gì cho phải, mẹ cầm tấm chi-phiếu giao tận tay anh hàng giày, rồi nói :

— Anh có thể tới nhà ngân-hàng này mà lấy tiền.

Anh thợ giày nhất-sinh chỉ nghe nói đến tấm chèque, nhưng chưa

từng được thấy qua, trong lòng cảm thấy vui sướng quá, hẳn nói :

— Đây có phải là Bách-Đắc ngân-hàng chẳng ?

— Phải đấy (mụ vừa nói vừa gật đầu).

Anh thợ giày gấp cần-thận tẩm chi phiếu lại, luồn vào mui túi áo bên trong, quay ra cửa đi, có vẻ khoái hoạt lắm.

Việc này qua đi rồi, luôn hai hôm không thấy anh thợ giày ngồi khâu giày ở trước cửa nữa, bọn này cho rằng anh ta vớ được món tiền nọ, hãy vung chơi cho khoái đã, hoặc giả cũng có khi xảy ra việc gì chẳng ?

Thế rồi đến hôm thứ ba, lại thấy anh thợ giày xuất hiện ở ngõ. Khác một điều là anh ta trở thân cụ, không có quang gánh gì cả, thất thểu ỳ ạch đi tới trước tấm cửa sắt, nghênh nhìn vào trong, rụt rè đứng mãi giờ lâu, sau cùng mới dám gõ cửa.

Một gã làm vườn nghe tiếng gõ chạy ra, trông thấy anh thợ giày gã liền quát nặng lên rằng :

— Ai bảo mi tới đây gõ cửa như thế ?

— Xin lỗi bác, tôi muốn gặp Tào tiên sinh.

— Chỉ lát nào ! cút đi !

— Tôi nói thực đấy mà, hai bữa nay tôi khó chịu quá, chỉ những chảy nước mắt nước mũi ra, suốt người cứ nhũn ra như bông, không nhấc nổi gánh hàng lên nữa.

Gã làm công nghĩ đến việc hẳn ta đòi máu cho ông chủ nên cũng đổi đãi tử tế một chút, gã nói :

— Có làm sao cái ấy mà...! nhất định là cái bệnh nghiện thuốc phiện nó phát ra đấy, thôi đi về cái nhà, làm vài khối là yên ngay. Anh chẳng có một ngàn bạc là gì ?

— Ông ấy hút thuốc phiện ư ? Ôi trời ôi ! Thế sao ngay lúc đó các ông không nói cho tôi biết ? Nếu biết thì dù ông ta có cho tôi hết cả tiền của ông ta đi nữa, tôi cũng không khi nào đòi máu cho ông ta (Anh hàng giày nói ra vẻ oán hận).

Giữa lúc lời qua lời lại thời-Tào bách-Đạt tinh thần lúc này đã mạnh mẽ, chạy ra cửa. Anh thợ giày thoáng trông thấy lão liền kêu cuống cuống lên rằng :

— Tào tiên sinh ! Ngài thực hại tôi rồi ! Ngài làm những trò ác hại như vậy, thế mà lại bắt tôi phải chịu !

Tào-bách-Đạt dơ cái ba toong chỉ vào anh thợ giày rồi hỏi người làm :

— Tổng cổ nó đi, từ sau cấm không được cho nó lai vãng đây nữa, nghe !

Bọn người làm ủa cả ra đuổi cò anh thợ giày đương như điên như dại kia đi.

Mụ vợ lão Tào đứng ở phía sau, thấy tình hình như thế, trong lòng bứt rứt không yên, mụ nghĩ bụng : « Tội nghiệp ! thực là tội nghiệp » !

Như thế bằng đi mấy hôm, anh thợ giày lại thấy ló mặt ra, lần này thì anh gánh đồ và lại bắt đầu ngồi

chỗ cũ, giờ nghề cũ ra làm, khác một điều là thần sắc hẳn không được như trước nữa. Thêm được cái việc mỗi ngày đem gồng gánh đi gửi một cửa hàng nào gần đó hai lần để quanh về nhà nướng khói, có thể mới qua được một ngày yên ổn.

* *

Ước độ hơn một năm sau, Tào-bách-Đạt lại phát ra một bệnh, nhưng lần này thì thánh cũng không chữa được bệnh lão nữa : đó là bệnh ung-thư.

Có bao nhiêu y sinh có thể mời được thì cũng đã mời đến thăm bệnh, nhưng không ông nào có cách chữa cả. Báo chí toàn tỉnh đều đăng tin lão ốm nặng trên ba cột. Do đó càng nổi lên những sự bàn tán về vấn đề thừa kế tài sản của lão.

Sau cùng, Tào-bách-Đạt tự xét đã vô hy vọng có thể qua khỏi, chẳng bằng liệu theo phương pháp giải phẫu, nếu như vận khí còn khá, chưa biết chừng có công hiệu cũng nên. Nhân thế chiều tối hôm lão vào y viện, lão liền mời mấy vị luật sư của lão với vài người bạn tới, rồi trước mặt mọi người, lão nói việc thừa kế di sản của lão. Lão nói :

— Hết thầy tài sản của tôi, trừ số thuế nộp về di sản ra rồi, còn lại đều để cho vợ tôi là Cố-diệc-Manh. Nhưng trong đó có một điều kiện, là vợ tôi phải cam đoan ở luôn trong tòa nhà ấy, và vĩnh viễn không được lấy ai cả. Nếu trái lại thế, thời di chúc sẽ trở nên vô hiệu, tất cả sản

ngiệp sẽ được thu về, dùng số tiền bán được dựng một cái tháp ở phía tây tỉnh thành này, lấy tên tôi đặt cho tên tháp, toàn bộ cái tháp phải xây bằng thứ đại lý thạch (1) còn lại bao nhiêu, có thể đem quyn giúp cho vườn nuôi thú vật.

Luật sư ghi chép xong xuôi rồi đưa cho Tào-bách-Đạt, lão xem không có chỗ nào sai lầm liền ký tên vào, một bản trao cho luật sư giữ, một bản trao cho Cố-diệc-Manh. Sau đó lão luồn tay lấy ở dưới gối một chùm chìa khóa ra, nhìn Cố-diệc-Manh rồi nói :

— Thế đó ? ! có ưng thuận mấy điều kiện đó chẳng ?

Mụ gật gù đầu ; và tới đây mọi thủ tục trao đổi kể là ổn. Rút cục thì Tào-bách-Đạt chết sau khi mổ sẽ được tám giờ đồng hồ.

Trong thiên này thiết tưởng không cần nói đến tình hình các ký giả báo chí nhón nhíp và tang sự cử hành vĩ đại như thế nào.

* *

Từ đây, nơi « Tào-trang » càng thêm lạnh lẽo. Trước kia, mỗi ngày còn nghe tiếng Tào-bách-Đạt thúng thảng ho, tiếng bật lửa kêu bành bạch, tiếng giấy sột soạt khi lão đọc báo. Nhưng bây giờ, không còn nghe thấy các tiếng ấy nữa, và chỉ còn độc Cố-diệc-Manh, một thân một mình với chốn phòng không, hết quay ra lại quay vào một cách vô mục đích

(1)—Thú đá hoa trắng, hoặc lẫn màu sắc sẫm ở vùng huyện Đại-Lý Vân-Nam, ta quen gọi là đá Vân-Nam, rất quý, dùng làm một đá gương, mặt bàn, v.v...

hoặc lại nằm dài ra ngủ một mạch để cho qua chuỗi ngày dài dằng dặc ? Đến như bọn người làm thì lại càng nhàn dối chẳng có việc gì cả, nếu không ngồi tếu ở đây lan can ngoài hiên phía sau nhà, hoặc sóng dài chân, hoặc gục đầu ngủ gà ngủ vịt thì lại rủ nhau vào một gian phòng nhỏ chơi bài lá.

Qua một thời kỳ ngắn sinh sống như thế, Cố-diệp-Manh bắt đầu nhận thấy rằng, cho dầu những điều mà của cải có thể làm cho được dễ chịu thì cũng chỉ có thể đạt được đến chỗ dễ chịu bề ngoài chứ không thể đạt đến chỗ tâm thần người ta, tới đó thời của cải sẽ mất hết giá trị đi. Chẳng phải là một lần đầu mà thị đã soi gương tự hỏi :

— Có thật ta nguyện ý sống mãi như thế này chẳng ? Có thật ta cam lòng chết già trong cái nhà này chẳng ?

Sau đó, có một hôm thị đương đứng trong vườn ngắm xem mấy đóa mai khôì thời phía ngoài chợt nổi lên những tiếng la hét ồn ào, cánh cổng sắt tựa hồ như bị đập phá ầm ầm.

— Ngoài kia có việc gì thế ? À Phàm ! (thị cất tiếng hỏi người làm)

— Thằng ranh con thợ giày đương la hét đòi gặp bà đấy. (người làm trả lời thế)

Thị nghe nói là anh thợ giày thì trong thâm tâm cảm thấy như có điều gì bút rút, thị nói :

— Cứ cho nó vào đây xem nào !

Anh thợ giày uể oải tiến vào, mặt hần tái nhợt, tinh-thần đồi tệ, trên

minh y quần manh vải cũ. Hình dáng ấy so với anh thợ giày trẻ tuổi, khoẻ mạnh và nhanh nhẹn sáng sủa trước kia thực rõ ràng là hai người khác hẳn.

Anh thợ giày tiến đến trước mặt thị, đứng duỗi thẳng hai tay, dáng điệu như thê xim van người ta thương đến.

— Thế nào ? Anh có làm sao không ? (thị hỏi ra vẻ băn khoăn)

— Thưa bà... (vừa thốt ra được một tiếng, hai hàng nước mắt đã ứa ra trên bờ mặt xanh lét, hần nói tiếp)

— một ngàn đồng bạc trước đây hút một tháng là hết sạch, hiện giờ tôi không còn cách gì sống được nữa, mỗi ngày tôi kiếm được có năm cắc, tôi làm thế nào cho có thuốc hút bây giờ ?

Cố-diệp-Manh cúi đầu ngẫm nghĩ, thị biết đó là lỗi ở thị, bởi vì trước kia hoặc vô ý hay hữu ý thị đã nêu ra việc anh thợ giày này khiến bây giờ hần phải chịu sự không may. Lúc ấy thị có một ý mong muốn rất mạnh, muốn giúp cho hần, xong lại không nghĩ ra được phương pháp gì cả. Sau cùng thị nói:

— Anh hãy cứ về đi, ta sẽ nghĩ cách cho anh.

Anh thợ giày gật đầu, rồi lúi thủi ra cửa đi.

Từ bữa ấy, cứ cách một hôm, Cố-diệp-Manh lại sai đưa ở gái thân tín đem giày ra cho anh thợ giày khâu và đồng thời ngấm ngấm thuận cho hần khi năm đồng, khi mười đồng. Cho đến một ngày kia, đưa ở gái

ghe lỏm được bọn người ở trai
gồi rồi nói chuyện với nhau, liền
ào mách với thị ;

— Bà ạ ! bọn đàn ông ở đây họ
gồi rồi nói nhảm, họ nói với nhau
rằng anh thợ giày coi chừng chả mấy
lúc sẽ trở nên ông chủ họ.

Thị nghe nói sắc mặt tái nhợt đi,
nằm vật xuống giường nửa giờ không
nói câu gì. Đưa ở gái lại nói tiếp :

— Chúng nó còn nói rằng : Phải
biết bà chủ nhà ta mà còn phải đi giày
vá, có lẽ hết thấy mọi người trong
tỉnh này chỉ nên đi chân không mới
phải — Ai chẳng biết bà ấy cố ý làm
cho nó rách ra.

— Chà ! (thị vụt đứng phắt lên,
nói) — Giờ thì cả đến người
làm, chúng nó cũng có quyền cai
quản đến việc ta rồi ! Được lắm ! ta
sẽ cho chúng dương mắt lên mà coi !

Ngay hôm ấy, anh thợ giày bị gọi
lại, ngồi khế nép ở chiếc ghế sofa
trong phòng Cô-diệp-Manh.

Thị hỏi :

— Anh có tính làm ăn gì không ?

— Tôi thực chưa nghĩ ra làm gì
cả, thưa bà ! (anh thợ giày vừa nói
tay vừa gấp chiếc mũ rơm) — từ
trước, tay tôi còn linh lợi, tôi cứ đi
một mạch kiếm ăn cho suốt đến đầu
« con đường Tào-Trang » này, có
nhiều các ông các bà ở xa cũng đưa
giày lại cho tôi chữa, cho nên có khi
ban ngày làm không hết việc, tối đến
còn làm đến quá mười hai giờ đêm
mới nghỉ tay...

Không đợi nói hết, thị ngắt lời
hỏi :

— Như vậy thì việc làm ăn của
anh không đến nỗi lúng túng chứ ?

— Vâng ạ ! Mỗi tháng tôi cũng
thừa ra được ít nhiều. Tôi đã nghĩ
sau khi góp nhặt được ít nhiều thì
mở một gian hàng giày nhỏ nhỏ. Bà
xét cho, ai mà chả nghĩ đến cách làm
sao cho ngày một khá lên.

— Thế hiện giờ thì sao ?

— Hiện giờ ư ? Hiện giờ thì còn
nói chuyện làm ăn gì được nữa. Người
ta chê tôi khâu vá không kỹ; sinh ý
vì thế kém sút hẳn đi, những hút
không cũng chả đủ.

— À ra thế !

— Cố-diệp-Manh thâm tâm nghĩ
rằng ; — Thì hẳn, hẳn cũng có
lý tưởng của hẳn, không thể bảo rằng
lý tưởng của hẳn không cao bằng của
ta được ?

Thị càng nghĩ càng thấy rằng gã
thợ giày trẻ tuổi tính nết thuần phác
kia có chỗ đáng kính trọng lắm. Mà
càng nghĩ thị lại càng thấy rằng tự
mình đã tạo nên một thứ tội nghiệt
không thể cứu chữa được. Cuối cùng
thị lấy ra một tập giấy bạc, ước đến
vài trăm, trao tận tay cho anh thợ giày
rồi nói ;

— Trước hết anh hãy dùng số
tiền này mà nghỉ ngơi thân thể, nếu
có điều gì khó khăn sẽ lại đây nói
cho tôi biết.

Anh thợ giày nhận tiền, cười một
cách đau khổ nói rằng :

— Đa tạ bà, và xin thưa thật cùng
bà, chẳng qua là vạ bất đắc dĩ, nếu
không thì tôi cũng chẳng lấy tiền của

Bà làm gì. Bà xét cho, thế này còn ra nghĩa lý gì ? Lấy tiền của người ta một cách trơ tráo !

Cố Diệc Mạnh nghe nói giật mình than thở rằng :

— Anh thực là người có chí khí !

Anh thợ giầy nhìn năm tiền trong tay rồi nói :

— Bất quá nhiều ít bao nhiêu, cũng chẳng cứu chữa được tôi nữa.

Anh thợ giầy ra khỏi rồi, Cố Diệc Mạnh cảm thấy hắn ta là kẻ bất phàm, thị có vẻ hâm mộ là khác, hoặc giả nói theo một cách hơi tầm thường một chút thì thị có vẻ rất tự thẹn với anh ta. Nhớ trở lại những việc trong mấy năm gần đây mình đã làm, đã nghĩ thị không khỏi tự mình lại coi khinh mình.

Những tình tiết này, sau khi xảy ra được mười hôm, tự miệng bọn người làm trong « Tào trang » truyền ra, truyền đến các ngõ phố, đến các giới báo chí, sau truyền đi khắp tỉnh.

Trong khi Cố Diệc Mạnh tự mình còn u mê như kẻ trong mộng thời một vị Luật sư đã tới phỏng xét. Ngay lúc đầu thần sắc ông ta đã có vẻ không lịch sự rồi ; ông ta hỏi :

— Tên thợ giầy kia hiện nay ra sao ?

Cố Diệc Mạnh thấy ông ta hỏi có vẻ ngoắt ngoéo liền trả lời :

— Hắn bây giờ bị nhiễm nọc thuốc phiện, sinh hoạt chẳng đủ, và có thể thôi,

— Hắn chưa hề lại đây quấy nhiễu chứ ?

— Hắn có lại một lần, tôi đã cấp cho hắn ít tiền.

— Không có chuyện gì khác nữa chứ ?

— Nói thế là ý thế nào hả Lý Luật sư ?

— Có chi đâu (ông này nói) — chẳng qua trước khi Tào tiên sinh hãy còn, tôi đã nhận sự dặn dò ủy thác của tiên sinh.

— Hắn là bên ngoài đã có điều tiếng chẳng ? (thị hỏi dò ý tứ)

— Chính thế (luật sư cau mày lại nói). Tôi thấy thực lạ quá ! vì sao mà tiếng đồn đại nhiều đến như vậy ! họ lại còn tô màu thêm sắc thêm vào nữa.

— Thực là kỳ quá ! (thị nói).

— Nhưng mà, thực ra tôi không biết tin thế nào là phải, thấy anh thợ giầy vẫn ngồi y nguyên ở chỗ cũ, làm lụng kiếm ăn.

— Nếu không thế thì lại thế nào nữa ? Cố diệc Mạnh tỏ ra rất cương nghị, rõ ràng là thị cố tranh khí với các lời phao đồn).

— Ủa ! (luật sư giơ một ngón tay lên rồi nói) Bà cũng không nên nói như thế ! Đến như việc không tại gia, diễm này trên chúc thư đã thanh minh đó. Tôi làm luật sư tức là có phận sự phải tra, và việc đó có liên quan đến tín nghĩa và danh dự tôi.

Cố diệc Mạnh chợt đòi ra giọng ôn hòa, nói :

— Tôi chỉ là nói mấy câu cho đỡ bức mà thôi !

Luật sư đứng lên cười một cách ranh mãnh rồi nói :

— Chẳng qua chỉ là câu chuyện phao đồn mà thôi, cái đó không thương tổn gì đến bà đâu ;

— Bọn đàn ông trên thế giới này chẳng qua đều phường ngừ hơi cả !

— Nói vợ đùa cả năm như thế không đúng. (Luật sư quay đầu lại nói).

— Thật vậy, trừ ông ra không kẻ ! (thị nói chưa một cách khéo léo).

Vị luật sư cười ha hả, theo phía vườn đi ra.

* * *

Ngay tối hôm ấy, sau khi người làm trong nhà đều ngủ cả rồi một mình Cố diệc Mạnh đi đi lại lại ở trong phòng. Thị rất hối hận bản khoản đối với sự trợn lẹ của thị từ trước ; còn đối với cuộc sinh hoạt lúc này thị thấy rằng nó trống rỗng không có ý vị gì cả. Ngoài ra còn tin phao đồn trên, lại còn anh thợ giày đáng thương, mảnh di chúc đáng sợ kia .. tất cả các cái đó đều ngồn ngang trong lòng thị.

Cứ quanh quẩn nghĩ ngợi như thế cho mãi khi chiếc đồng hồ cổ quái trên tường hé cái cánh cửa con ra, một chú hòa thượng nhỏ tí sù chạy ra gõ hai tiếng chuông (1) tới lúc đó mới xong mọi quyết định cuối cùng.

Thị ở trong phòng thu thập các thức riêng tây của mình lại, lấy hết những bức ảnh chụp đôi với Tào Bách Đạt lồng trong khung ảnh ra,

xé vụn nát đi. Sau hết, thị lật đến bọc thư từ ; đó là những bức thư của những kẻ trước đã tỏ tình yêu với thị, mà nay lại muốn mưu mô bới cho đồng tro tàn cháy lại. Thị chỉ nhìn qua rồi xé ra làm đôi. Làm xong các việc đó, thị đứng trước tấm gương soi một lúc, vuốt xửa lại đầu tóc, sau đó lên giường ngủ.

Hôm sau, thừa lúc người làm không ai chú ý, thị ra khỏi nhà. Thấy anh thợ giày đã ngồi ở chỗ no đương cặm cụi khâu, dùi.

— Nàng (thị gọi lên một tiếng, vẫy tay rồi nói) gánh đồ đạc lại đằng này, tôi đợi anh ở chỗ đầu ngõ thứ ba nhé !

Nói rồi thị chạy lên trước. Còn anh thợ giày thì tuy nghe lời thị, thu thập gánh hàng lại, xong trong lòng còn ngờ ngợ nhưng cũng leo đèo theo sau.

Thị đi nhanh tới đầu ngõ lên gọng kính rộp, lúc đó mới nói với anh thợ giày ;

— Chỗ rẽ góc trước mặt kia có cái biển hiệu nhà ông thầy thuốc. Tôi sẽ vào đấy. Anh có thể về nhà trước cất gánh hàng đi rồi trở lại. Tôi đợi anh ở đấy.

Anh thợ giày không hiểu là thế nào, liền hỏi :

— Đến đấy làm gì cơ ạ ?

— Anh không cần phải hỏi, đợi lát nữa sẽ biết.

(1) Một thứ đồng hồ xưa, có mấy riềng cứ mỗi giờ có cái cửa con mở để, hoặc một nhà sư ra đánh chuông, hoặc một con gà gáy giờ.

Ước độ nửa giờ sau, cả hai người cùng ngồi ở nhà Y sinh. Cố Diệc-Manh trước thuật qua câu chuyện, sau mới nói :

— Thưa Biện Y-sinh ! Không rõ ngài có cách gì kiếm được một người họ tự nguyện đổi máu chẳng ?

Y-sinh ngẫm nghĩ anh thợ giày một lúc, cau lông mày lại nói :

— Có, có cách, nhưng cứ như bộ anh này thì chỉ sợ...

— Biện Y-sinh ơi ! ngài lo về vấn đề tiền chẳng ?

Biện Y-sinh gật đầu.

— Về điều này, xin ngài bắt tất phải lo.

Y sinh nhìn thị ra vẻ kinh ngạc, rồi nói :

— Bà cũng biết rằng việc đó không phải là hết ít tiền đâu. Nếu không thế thì không ai chịu làm.

— Hết bao nhiêu, thưa ngài ?

— Coi chừng phải đến hai vạn bạc.

— Vậy thế được rồi ! Tôi xin phó thác việc này cho Ngài. Anh thợ giày ngồi đấy, từ đầu đến cuối không nói câu nào. Hẳn chỉ biết rằng họ đang dần sắp về việc đổi máu cho hẳn. Khi hai bên thỏa thuận rồi, Cố-Diệt-Manh quay lại nói với hẳn :

— Tôi đã thay anh dần xếp ổn rồi đấy. Từ bữa mai, ngày nào anh cũng qua đây thăm nghe tin tức, hiểu chưa ?

* *

Mười bữa sau, trong nhà Cố-Diệt-Manh, ngồi đông đủ những người đã lập nên tờ chúc thư hồi còn Tào-Bách-Đạt, nhưng trong đó lại thêm có anh thợ giày nữa. Thần sắc hẳn bây giờ đã biến đổi lại như xưa, chiếc áo che thân sắc những mùi da, nay đã bỏ đi mà đổi bằng một bộ y-phục mới, tuy không hợp với người hẳn cho lắm. Cả bọn đều ngóng đợi Cố-Diệt-Manh cất tiếng :

— Hiện nay (lời Cố-Diệt-Manh), tôi đã có sự hồi lại rồi. Tôi không muốn có những tài sản này nữa, tôi y theo lời trong chúc thư, đem hết thấy tài sản trao lại cho các người, rồi tùy các người sử lý.

Mọi người đều sửng sốt nhìn thị, chưa ai nói ra sao, thì Cố-Diệt-Manh lại nói tiếp :

— Bao nhiêu chìa khóa đều ở đây tất, xin các Ngài chiếu theo tài sản kiểm tra lại cho.

Bọn này cố nhiên đều nghĩ đến anh thợ giày đương ngồi so ro ở một bên. Họ luôn luôn quay đầu lại nhìn hẳn, rồi đó anh nọ liếc mắt ra hiệu cho anh kia.

Cố-diệt-Manh nhìn đồng hồ rồi nói :

— Bây giờ mới ba giờ ; tôi cần ra kịp chuyến xe lửa 5 giờ 15 phút, tôi yêu cầu các người kiểm soát một lượt rồi cấp cho tám giấy chứng thực đã thu nhận đủ mọi di sản,

Bọn này liền mở mấy chiếc tủ sắt ra, kiểm điểm các địa khóa, các vấu tự nợ, các phiếu cò phần cùng các

loại giấy tờ chứng thực, luôn một mạch cho đến 4 giờ rưỡi mới xong. Rồi luật sư viết giấy chứng đã thu nhận : Không thiếu một tí gì cả !

Cổ-diệp-Manh nói :

— Vậy xin đa tạ các người, chúng tôi đi đây !

Tất cả bọn đưa thị ra tới vườn hoa. Thị quay đầu lại, nhìn tòa biệt thự hoa lệ mà thị thấy nảy ra một thứ cảm giác tựa như sấm hổi, lại

tựa như u-mê, tâm lý thị nghĩ rằng :

— Tào-trang ! Phải chăng, nếu ta không tới đây đóng qua vai chủ nhân rồi, thời ta làm sao mà biết được bộ mặt thực của mi !

Nói đoạn thị quay ngoắt mình đi. Thấy anh chàng thợ giày đương đứng đợi ở bên cạnh mình, thị nhoẻn miệng cười, khoác tay hân cùng đi ra.

HOÀNG-TU-SINH
(Văn-Học Thế-Giới)

NAM-QUÁCH THỜI ỚNG VU (1)

Vua Tuyên-Vương nước Tề, thích nghe thời ống vu, trong triều có đặt ra một ban gồm ba trăm người chỉ chuyên thời thứ nhạc khí ấy. Mỗi lần thời, vua bắt tất cả ba trăm người cùng thời một lúc. Có người tên là Nam-Quách tuy không biết thời, nhưng cũng nhập vào ban nhạc. Khi thời, tay cầm ống vu, môi mấp máy, kỳ thực không phát ra một âm thanh nào. Sau Tuyên-Vương băng hà, Mân-Vương lên ngôi, muốn bắt ba trăm người, mỗi người thời riêng một khúc. Nam-Quách nghe tin, vội chuồn thẳng.

NGƯỜI VÀNG GẮN MIỆNG

Cổ-nhân có câu : « Vạ từ miệng ra » cho nên ta nói rằng không nên không thận trọng. Khổng-Tử vào yết tôn miếu nhà Chu, thấy một người bằng vàng miệng gắn kín tới ba lớp, sau lưng đề mấy hàng chữ : « Đây là một người đời xưa biết thận trọng lời nói ».

● KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ

(1) Vu : một thứ nhạc khí cổ.

CÁO LỖI ĐỘC GIẢ

Vì một lý do riêng, truyện dài « CÁI LƯỚI » của Duy-Lam tạm gác một kỳ. Xin trân trọng cáo lỗi cùng độc giả.

T. P.